

NỘI DUNG CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG	5
1. Thông tin chung của nhà trường.....	5
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của nhà trường	5
2.1. Lịch sử phát triển	5
2.2. Thành tích nổi bật.....	8
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	9
3.1. Cơ cấu tổ chức: sơ đồ bộ máy quản lý	9
3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường	11
3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên và người lao động của nhà trường: 119	12
3.4. Đội ngũ giáo viên: 92	13
4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường.....	13
4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp	13
4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm tính đến năm kiểm định)	16
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	16
5.1. Diện tích đất.....	16
5.2. Tài chính	18
5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 1808	18
5.4. Tổng số máy tính của nhà trường: 135.....	18
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG	19
1. Đặt vấn đề.....	19
2. Tổng quan chung	20
2.1. Căn cứ tự đánh giá.....	20
2.2. Mục đích tự đánh giá	20
2.3. Yêu cầu tự kiểm định.....	21
2.4. Phương pháp tự kiểm định	21
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá chất lượng trường	21
3. Tự đánh giá.....	22
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	22
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	34

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG	181
1- Tổ chức và quản lý	181
2- Công tác tuyển sinh, giảng dạy, đào tạo.....	181
3- Giáo viên và cán bộ quản lý.....	182
4. Chương trình, giáo trình	182
5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và Thư viện.....	183
6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	183
7. Quản lý tài chính.....	184
8. Các dịch vụ cho người học nghề	184
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	185

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ký hiệu viết tắt
Ban giám hiệu	BGH
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ NN&PTNT
Tổng cục dạy nghề	TCDN
Cán bộ công nhân viên chức	CBCNVC
Cán bộ quản lý	CBQL
Chương trình đào tạo	CTĐT
Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	Đoàn TNCSHCM
Giảng dạy	GD
Giảng viên	GV
Hội đồng Khoa học và Đào tạo	HĐ KH & ĐT
Học sinh sinh viên	HSSV
Khoa Khoa học cơ bản	Khoa KHCB
Khoa Lâm nghiệp	Khoa LN
Nghiên cứu khoa học	NCKH
Phó giám đốc	PGĐ
Phòng Công tác sinh viên	Phòng CTSV
Phòng Đào tạo	Phòng ĐT
Phòng Kiểm định- Khoa học Hợp tác quốc tế	Phòng KĐ-KHHTQT
Phòng Tài chính – Kế toán	Phòng TC - KT
Phòng Tổ chức – Hành chính	Phòng TC - HC
Phòng Quản lý thiết bị và đầu tư	Phòng QLTB&ĐT
Trung tâm Tuyển sinh và tư vấn việc làm	TT TS&TVVL
Trung tâm Sản xuất Dịch vụ Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp	TT SXDVKHKTNLN
Trung tâm Thực hành Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp	TTHTNNLN
Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	Trường CĐNLĐB

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung của nhà trường

1.1. Tên trường (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc

Tiếng Anh: Northeast College of Agriculture and Forestry

1.2. Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt: CĐNLĐB

Tiếng Anh: AFC DONG BAC

1.3. Tên trước đây: Trường Trung học Lâm nghiệp I TW

1.4. Bộ chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.5. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: Phường Minh Thành, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh

Trung tâm thực hành và thực nghiệm: Phường Bắc Sơn - Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0333.686.800 Số fax: 0333.873.223.

E-mail: cdnldb.quangninh@moet.edu.vn và afcdongbac@gmail.com

Website: www.afcdongbac.edu.vn.

1.7. Năm thành lập trường (theo Quyết định thành lập): 2007

1.8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I hệ Cao đẳng: 2008

1.9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I hệ Cao đẳng: 2011

1.10. Loại hình trường đào tạo: Công lập

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của nhà trường

2.1. Lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc là trường công lập, được thành lập ngày 12/11/2007 theo quyết định số 7191/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương, chịu sự quản lý về chuyên môn và hoạt động theo điều lệ trường Cao đẳng do Bộ GD & ĐT ban hành. Từ ngày 1/1/2017 trường chịu sự quản lý về chuyên môn và hoạt động theo điều lệ trường Cao đẳng theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trải qua, 58 năm xây dựng và phát triển, trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực Nông, Lâm nghiệp, Kinh tế, quản lý tài nguyên và môi trường, đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - xã hội hiện nay cho các tỉnh và thành phố Miền Bắc.

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc hiện nay tiền thân là Trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương, được thành lập theo quyết định số: 205 NN/QĐ ngày 27/04/1962 của Tổng cục Lâm nghiệp, với tên gọi ban đầu là Trường Trung cấp kỹ thuật I. Năm 1983, do việc sắp xếp tổ chức cơ cấu đào tạo cán bộ, Bộ Lâm nghiệp đã giải tán các trường Trung học Lâm nghiệp phía Bắc; Trường Trung học Cơ khí Lâm nghiệp; Trường Trung học Kinh tế Lâm nghiệp, Trung học Công nghiệp rừng Cúc phương và sát nhập vào trường Trung cấp kỹ thuật I thành Trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương đóng tại Phường Minh thành, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng ninh.

Quá trình 60 năm xây dựng và phát triển của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã trải qua các giai đoạn như sau:

Từ năm 1962 đến năm 1974: Đây là giai đoạn nhà trường mới thành lập, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập còn nhiều khó khăn. Mặt khác, do chiến tranh phá hoại miền Bắc của Đế quốc Mỹ, nhà trường phải sơ tán nhiều địa điểm khác nhau để thực hiện nhiệm vụ đào tạo. Trải qua nhiều khó khăn và gian khổ, song tập thể cán bộ giáo viên và học sinh của trường đã không ngừng nỗ lực phấn đấu và hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo của Bộ Lâm nghiệp giao cho.

Từ những năm 1974 đến năm 1984: Trong thời gian này, nhà trường bước đầu đã có sự đổi mới trong công tác đào tạo, thực hiện phương châm giảng dạy và học tập kết hợp với phục vụ sản xuất tại các cơ sở. Mặc dù bước đầu còn nhiều trở ngại và khó khăn, song với hướng đi đúng đắn và được các ngành các cấp cổ vũ khích lệ, trường đã thành công bước đầu trong việc giảng dạy, học tập theo nguyên lý: học đi đôi với hành, giảng dạy kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Với những kinh nghiệm thực tế đó, nhà trường đã tiến hành xây dựng Đề án đào tạo “ Tích hợp” gắn đào tạo lý thuyết với thực hành, thực tập và phục vụ sản xuất. Nhờ cải tiến lề lối làm việc, lề lối quản lý, và xây dựng được những qui định, qui chế cụ thể, đề án đã được thực hiện, chất lượng đào tạo được nâng cao, đặc biệt khâu kỹ năng nghề nghiệp.

Từ năm 1985 đến hết năm 2016: Trên cơ sở thành công của Đề án đào tạo “ Tích hợp”, nhà trường đã tiếp tục xây dựng và phát triển Đề án này lên một bước cao hơn dưới sự chỉ đạo của hai Bộ (Bộ Giáo dục và Bộ Lâm nghiệp) đó là thực hiện đề án “ Tổ hợp” với nội dung “ Đào tạo gắn với sản xuất và nghiên cứu khoa học”. Từ mô hình đào tạo này, nhà trường đã được Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn) và Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho gần 1000 ha rừng và đất rừng để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2017 đến nay: Trường chuyển sang Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, hình thức đào tạo chuyển sang giáo dục nghề nghiệp. Tuy vẫn còn nhiều mới mẻ khi bước sang hình thức đào tạo mới nhưng Nhà trường cũng đã đạt được một số thành tựu nhất định. Đội ngũ giáo viên nhanh chóng tiếp cận và thay đổi phương pháp giảng dạy. Đồ dùng, trang thiết bị, mô hình. . . được Bộ NN&PTNT đầu tư mua sắm tăng thêm hơn nhiều lần so với những năm trước đây. Năm 2017 trường có 7 giáo viên tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Bộ Nông nghiệp và PTNT và 10 giáo viên tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Ninh. Kết quả Hội giảng cấp Tỉnh đạt giải nhì toàn đoàn, giải cá nhân: 3 giải nhì, 2 giải 3 còn lại 5 giáo viên đạt giải khuyến khích. Kết quả Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Bộ NN&PTNT: 3 giải nhất, 1 giải nhì, 3 giải 3. Năm 2020, Trường có 6 giáo viên tham gia Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Kết quả có 3 giáo viên đạt giải nhất, 1 giải nhì và 2 giải 3. Trong số 3 giáo viên đạt giải nhất có 1 giáo viên thuộc top 5 giáo viên đạt điểm cao nhất.

Trải qua 60 năm phấn đấu xây dựng phát triển, trường đã đào tạo được hơn ba mươi ngàn cán bộ kỹ thuật viên trung cấp đến đại học có mặt trên mọi miền của đất nước được các cơ sở chấp nhận là đơn vị đào tạo có chất lượng.

Trong những năm gần đây, Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã thực hiện liên kết đào tạo với các trường Đại học như Trường Đại học Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, Đại học Nông Lâm Bắc Giang và nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo tại nhiều tỉnh, thành phố ở Miền Bắc để tạo nguồn thu tài chính và tăng cường quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng mối quan hệ, hợp tác và trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học với một số trường Đại học, Cao đẳng, Trung tâm ngoài nước đào tạo, nghiên cứu về lĩnh vực Nông Lâm nghiệp như Học viện Kỹ thuật và Dạy nghề Công trình Sinh thái Quảng Tây – Trung Quốc, Trường Cao đẳng Đa ngành Nông nghiệp và Công nghệ (PCAT) – Thái Lan, Tập đoàn Nichihara Nhật, Trung tâm đào tạo quốc tế về công nghệ cao Kamat Neger Isarael, ... Trao đổi, học tập kinh nghiệm về kỹ thuật ghép Thông nhựa với Viện nghiên cứu Lâm nghiệp Quảng Tây (Trung Quốc). Phối hợp với Viện Khoa học Giang Tây Trung quốc thực hiện dự án trồng khảo nghiệm 30 ha cây Áo Cộc tại Miếu Trắng.

Bên cạnh việc liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục, Nhà trường còn hợp tác liên kết với các công ty, cơ sở sản xuất trong nước, nước ngoài để lấy ý kiến tham gia của cán bộ quản lý, kỹ thuật của các công ty góp ý xây dựng nội dung chương trình đào tạo. Các công ty cũng là địa điểm để học sinh, sinh viên, giáo viên của trường thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế sản xuất. Cán bộ của các Công ty đã cùng giáo viên hướng dẫn, đánh giá kết quả thực tập của học sinh, sinh viên trong thời gian rèn nghề ở Công ty. Đồng thời thông qua sự hợp tác đó, nhà trường lập kế hoạch cho học sinh thực hành, thực tập tại các cơ sở sản xuất có sự tham gia hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hành thực tập của cán bộ các công ty. Đó cũng là một trong những giải pháp giúp các em học sinh sau khi ra trường có nhiều cơ hội việc làm. Hiện tại nhà trường hợp tác với các hạt Kiểm lâm của chi cục Kiểm lâm Quảng Ninh, Lạng Sơn, các vườn Quốc gia: Cúc Phương, Cát Bà, các khu bảo tồn: Rừng QG Yên Tử, Đồng Sơn Kỳ Thượng, Bái Tử Long, Yên tử., Đoàn kinh tế Quốc phòng 327. Công ty phát triển chăn nuôi Hoà Phát, Công ty cổ phần Thiên Thuận Tường, Công ty cổ phần VQC, Công ty Việt Long, Công ty Song Hành, HTX Hoa Phong, Công ty VINECO.

Trước yêu cầu đổi mới của nền giáo dục, trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc cũng đã có những kế hoạch, chiến lược bồi dưỡng thu hút nguồn nhân lực. Hiện nay, tổng số giảng viên của nhà trường là 92 giảng viên, trong đó đã tốt nghiệp tiến sĩ là 10 giảng viên, tốt nghiệp thạc sĩ là 58 giảng viên; giáo viên nam 45, giáo viên nữ 47. Hàng năm, nhiều lượt cán bộ, giảng viên được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ giảng dạy, nghiệp vụ chuyên môn. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và công nhân viên của Nhà trường đã và đang đáp ứng ngày một tốt hơn cho tất cả các ngành đào tạo mà Nhà trường đã được phép đào tạo.

2.2. Thành tích nổi bật

Trải qua 60 năm, dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, cùng với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ Nông nghiệp & PTNT, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Dạy nghề - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội kết hợp với sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ CNVC - giáo viên, giảng viên và HSSV, nhà trường đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

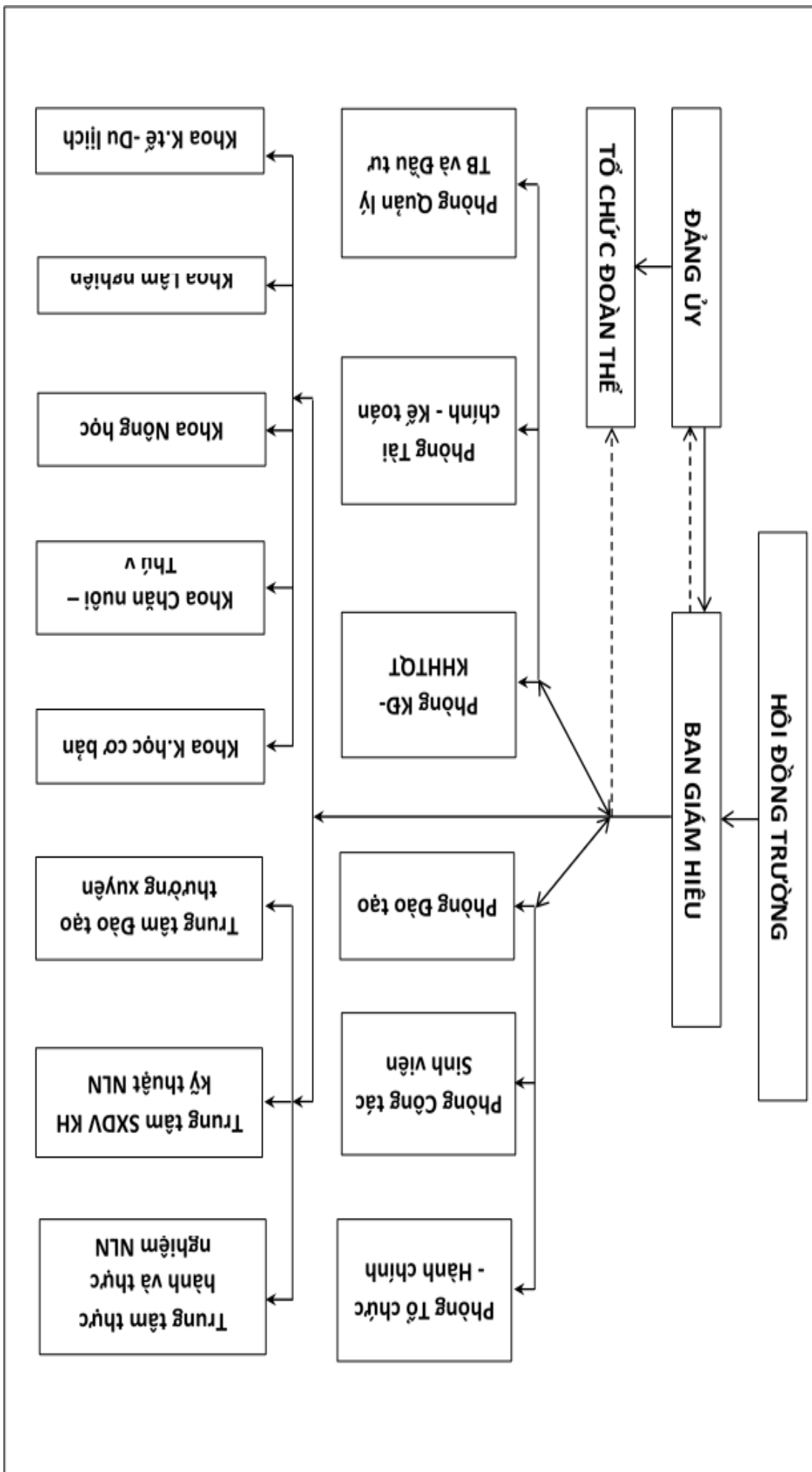
Những thành tích mà các thế hệ thầy và trò nhà trường có được trong 60 năm qua đã được xã hội ghi nhận và đánh giá cao, được Đảng và Nhà nước, các Bộ, Ban, Ngành, địa phương trao tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- 01 Huân chương độc lập hạng ba.

- 02 Huân chương lao động hạng nhất.
- 01 Huân chương lao động hạng nhì.
- 01 Huân chương lao động hạng ba.
- 04 cờ thi đua luân lưu của chính phủ.
- 05 lần nhận cờ của TW đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- 17 Bằng khen của Thủ tướng chính phủ.
- 08 giáo viên được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú.
- 03 cá nhân được phong tặng Huân chương Lao động hạng ba.
- Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2013 - 2014; 2015 – 2016.
- Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Tỉnh cho cơ quan đơn vị văn hóa năm 2016.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2017.
- Cờ thi đua tổng liên đoàn lao động Việt nam năm 2017.
- Cờ thi đua của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2017-2018.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Cơ cấu tổ chức: sơ đồ bộ máy quản lý



a. Hội đồng trường: 15 người

b. Ban giám hiệu: 01 Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng

c. Các khoa chuyên môn: 05 khoa

- Khoa Khoa học cơ bản.

- Khoa Lâm nghiệp.

- Khoa Nông học.

- Khoa Chăn nuôi – Thú y.

- Khoa Kinh tế - Du lịch.

d. Các phòng chức năng: 06 phòng chức năng

- Phòng Tổ chức – Hành chính.

- Phòng Đào tạo.

- Phòng Tài chính – Kế toán.

- Phòng Quản lý thiết bị và Đầu tư.

- Phòng Công tác sinh viên.

- Phòng Kiểm định-Khoa học hợp tác quốc tế.

đ. Các trung tâm: 03 trung tâm

- Trung tâm Đào tạo thường xuyên.

- Trung tâm Sản xuất Dịch vụ KHKT Nông Lâm nghiệp.

- Trung tâm Thực hành và Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp

3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường

Các đơn vị, bộ phận	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
1. Ban giám hiệu			
Hiệu trưởng	Phan Thanh Lâm	TS. Hiệu trưởng	0912558857
Phó hiệu trưởng	Dương Trung Hiếu	TS. P. Hiệu trưởng	0904748307
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn, ...			
Đảng uỷ trường	Phan Thanh Lâm	TS. Bí thư Đảng uỷ	0912558857
Công đoàn trường	Dương Trung Hiếu	TS. Chủ tịch CĐ	0904748307
Đoàn TNCSHCM	Bùi Quang Tép	ThS. Bí thư BCH	0375883238
3. Các phòng chức năng			
Phòng Tổ chức - Hành chính	Đào Thanh Giang	ThS. Trưởng phòng	0912475223
Phòng Đào tạo	Nguyễn Đức Long	ThS. Trưởng phòng	0904513718

Các đơn vị, bộ phận	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
Phòng KĐ-KHHTQT	Nguyễn Hữu Luân	ThS. Trưởng phòng	0904610088
Phòng tài chính kế toán	Ngô Thị Minh Uyên	CN. Trưởng phòng	0915255223
Phòng Quản lý TB & Đầu tư	Vũ Thị Hồng Hạnh	CN. Trưởng phòng	0934208288
Phòng Công tác sinh viên	Phạm Tùng Đông	CN. Trưởng phòng	0984229564
4. Các trung tâm trực thuộc			
Tr.tâm Đ. tạo thường xuyên	Mạc Thị Nguyên	CN. Giám đốc	0912903311
T.tâm SXDVKHKT NLN	Mai Trọng Thịnh	ThS. Giám đốc	0912848288
T.tâm THPT NLN	Cán Kim Hưng	ThS. Trạm trưởng	0917614757
5. Các khoa, tổ bộ môn trực thuộc			
Khoa Lâm nghiệp	Nguyễn Thanh Hà	ThS. P.Trưởng khoa	0983844058
Khoa Nông học	Nguyễn Văn Đèo	ThS. Trưởng khoa	0985802856
Khoa Kinh tế - Du lịch	Bùi Thị Thủy	ThS. Trưởng khoa	0914371963
Khoa Khoa học cơ bản	Trần Xuân Thủy	CN. Trưởng khoa	01278279999
Khoa Chăn nuôi thú y	Mai Thanh Nga	ThS. Trưởng khoa	0985902856

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên và người lao động của nhà trường: 119

TT	Đơn vị	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng
I	Hội đồng trường (15 người, trong đó 1CB ngoài trường)	15	14	-
II	Ban giám hiệu	02	02	-
III	Các phòng chức năng	41	29	12
1	Phòng Tổ chức – Hành chính	8	3	5
2	Phòng Tài chính – Kế toán	3	2	1
3	Phòng Đào tạo	7	7	0
4	Phòng Kiểm định – Khoa học và hợp tác quốc tế	5	4	1
5	Phòng Công tác sinh viên	14	10	4
6	Phòng Quản lý thiết bị và Đầu tư	4	3	1
IV	Các khoa chuyên môn, Bộ môn trực thuộc BGH	57	49	8
1	Khoa Khoa học cơ bản	12	11	1

2	Khoa Nông học	10	8	2
3	Khoa Lâm nghiệp	16	13	3
4	Khoa Kinh tế - Du lịch	13	12	1
5	Khoa Chăn nuôi - Thú y	6	5	1
V	Các trung tâm trực thuộc	19	8	11
1	T. Tâm SX dịch vụ Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp	2	2	0
2	Trung tâm Đào tạo thường xuyên	17	6	11
	Tổng	119	88	31

3.4. Đội ngũ giáo viên: 92

- Nam: 45
- Nữ: 47
- Cơ hữu: 92
- thỉnh giảng: 0

Đội ngũ GV	
Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sỹ	10
Thạc sỹ*	58
Đại học**	24
Tổng	92

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

1. Các ngành/nghề trình độ cao đẳng

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Điện công nghiệp	6520227	30
2	Lâm nghiệp	6620201	20
3	Quản lý tài nguyên rừng	6620207	30
4	Quản lý đất đai	6850102	20

5	Kế toán doanh nghiệp	6340302	20
6	Thiết kế trang Web	6480214	30
7	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6810205	20
8	Phát triển nông thôn	6620129	30
9	Chăn nuôi	6620119	50
10	Dịch vụ thú y	6640201	50
11	Khoa học cây trồng	6620109	20
12	Khuyến nông	6620121	20

2. Các ngành/nghề trình độ trung cấp

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Điện công nghiệp	5520227	60
2	Lâm nghiệp	5620201	40
3	Quản lý tài nguyên rừng	5620207	30
4	Quản lý đất đai	5850102	30
5	Kế toán doanh nghiệp	5340302	30
6	Thiết kế trang Web	5480214	30
7	Quản lý tài nguyên và môi trường	5850103	30
8	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc	5210422	30
9	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	5620111	30
10	Công nghệ sinh học	5420202	30
11	Khuyến nông lâm	5620122	30
12	Chăn nuôi - Thú y	5620120	30
13	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	5620117	30
14	Thú y	5640101	60

15	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	5340101	30
16	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	60
17	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	5340417	30
18	Tin học ứng dụng	5480205	30
19	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	5810205	20

3. Các ngành/nghề trình độ sơ cấp

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi		30
2	Chăn nuôi gia súc gia cầm		60
3	Bảo vệ thực vật		30
4	Khuyến nông lâm		30
5	Sản xuất nông lâm kết hợp		30
6	Sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp		30
7	Trồng và khai thác một số loài cây dưới tán rừng		30
8	Nuôi ong mật		60
9	Trồng ba kích, sa nhân		30
10	Trồng rau an toàn		60
11	Trồng hoa thời vụ		60
12	Trồng và nhân giống nấm		60
13	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh		30
14	Nhân giống cây ăn quả		90
15	Chẩn đoán nhanh bệnh động vật thủy sản		30

16	Kỹ thuật chế biến món ăn		30
17	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc		30

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm tính đến năm kiểm định)

Năm 2020: 1574

Năm 2021: 1522

Năm 2022: 1756

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất

1.5.1. Trụ sở chính (tại Phường Minh Thành - thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh)

Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): **70.929 m²** .

Trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 37.465 m²

+ Diện tích đường đi, cây xanh, lưu không: 33.464 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng		
		Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Diện tích sàn (m ²)
1	Khu hiệu bộ	550	3	1.650
2	Phòng học lý thuyết	1.153		4.996
2.1	Nhà học lý thuyết B1	390	2	1.560
2.2	Nhà học lý thuyết B4	360	4	1.440
2.3	Nhà học lý thuyết B5	403	5	1.996
3	Xưởng/ Phòng thực hành	1.360		2.440
3.1	Xưởng chế biến gỗ	1.000	1	1.000
3.2	Phòng thực hành nhà B3	360	4	1.440
4	Vườn ươm	10.416		10.416
5	Nhà thực hành công nghệ sinh học và trồng nấm	525		800
5.1	Nhà thực hành công nghệ sinh học	275	2	550
5.2	Nhà trồng nấm	250	1	250
6	Khu phục vụ	17.917		20.962

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng		
		Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Diện tích sàn (m ²)
6.1	Thư viện	390	2	780
6.2	Ký túc xá	1.327		3.982
6.2.1	Nhà ký túc xá C1+C2	907	3	2.722
6.2.2	Nhà ký túc xá C3	420	3	1.260
6.3	Nhà ăn	280	1	280
6.4	Trạm y tế	150	1	150
6.5	Khu thể thao	15.770		15.770
6.5.1	Nhà giáo dục thể chất	650	1	650
6.5.2	Sân vận động và đường chạy	15.120		15.120
7	Nhà bảo vệ và văn phòng tuyển sinh	55	1	55
8	Hội trường lớn	550	1	550
9	Vườn cây thực vật rừng	4.939		4.939

1.5.2. Trung tâm Thực hành và Thực nghiệm nông lâm nghiệp

Tổng diện tích đất sử dụng (tính bằng m²): 8.572.091m²

Trong đó:

+ Diện tích đất tại trụ sở làm việc: 34.500 m²

+ Diện tích giao đất để bảo vệ và phát triển rừng làm khu vực thực hành và nghiên cứu khoa học : 8.537.591 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng (m ²)
1	Nhà làm việc	80 m ²	
2	Phòng học lý thuyết	483 m ²	
3	Ký túc xá	484 m ²	
4	Nhà ăn	30 m ²	

5	Nhà bảo vệ rừng	60 m ²	
6	Rừng thực nghiệm	8.537.591 m ²	
7	Vườn ươm và đường đi	33.363 m ²	
8	Nhà thực hành công nghệ sinh học		

5.2. Tài chính

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
1. Nguồn thu	33.588.067.041	29.926.335.205
<i>NSNN cấp</i>	32.149.725.000	27.630.362.409
<i>Thu học phí</i>	530.080.000	855.901.000
<i>ODA</i>		
<i>Nguồn khác</i>	908.262.041	1.440.071.796
2. Tổng quyết toán	32.271.681.870	28.409.504.000

Đơn vị: đồng

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 1808

5.4. Tổng số máy tính của nhà trường: 135

- Dùng cho văn phòng: 25
- Dùng cho HSSV: 110

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo luôn là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế về lĩnh vực giáo dục, đào tạo và yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực để đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo là yêu cầu bức thiết đối với mọi cơ sở giáo dục và đào tạo hiện nay.

Trong những năm qua, Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc luôn phấn đấu đạt mục tiêu nâng cao chất lượng mọi hoạt động giáo dục và đào tạo của nhà trường đáp ứng với chuẩn mực chung của giáo dục và đào tạo cả nước. Muốn vậy, nhà trường luôn xác định điều quan trọng trước hết là phải tự đánh giá được những mặt mạnh, những mặt còn tồn tại để từ đó xây dựng kế hoạch hành động cụ thể nhằm tiếp tục phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt tồn tại, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Trên tinh thần đó, Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trường Trung cấp, Cao đẳng. Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường của nhà trường đã được thành lập. Trong đó, Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, 02 Phó Hiệu trưởng làm Phó Chủ tịch Hội đồng, 17 thành viên còn lại của Hội đồng là trưởng, phó trưởng các đơn vị, bộ phận và đoàn thể trong nhà trường. Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá gồm 8 thành viên do Trưởng phòng Kiểm định-Khoa học &HTQT làm trưởng ban. Chín nhóm chuyên trách của Hội đồng bao gồm 32 thành viên có trách nhiệm nghiên cứu, đánh giá chất lượng nhà trường theo 09 tiêu chuẩn và 100 tiêu chí trong Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Tự đánh giá chất lượng trường là một hoạt động hết sức quan trọng trong các hoạt động kiểm định chất lượng các trường cao đẳng. Trong quá trình này, Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã căn cứ vào các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chỉ ra những mặt

manh và mặt yếu cần khắc phục, cải tiến, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh các nguồn lực và thực hiện các quá trình nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục và đào tạo đã đề ra.

Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác kiểm định chất lượng mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ các hoạt động giáo dục, và phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường.

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã tiến hành nghiên cứu, phân tích kỹ từng tiêu chuẩn, tiêu chí trong Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, huy động toàn bộ cán bộ, giảng viên, công nhân đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội theo chức năng nhiệm vụ được giao viên của nhà trường vào việc thu thập và xử lý tài liệu, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá chất lượng trường.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Trong quá trình tự kiểm định nhà trường căn cứ theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề đối với trường cao đẳng nghề do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (*gồm 9 tiêu chí được cụ thể thành 100 tiêu chuẩn*).

Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Văn bản số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

Căn cứ các loại văn bản minh chứng thu thập từ các đơn vị trong nhà trường về chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Trong quá trình tự kiểm định, nhà trường tổ chức tự đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực

hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện, phương thức học tập của HSSV, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng dạy nghề của trường cao đẳng nghề.

Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

2.3. Yêu cầu tự kiểm định

Tự kiểm định là một quá trình liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn trường. Hoạt động tự kiểm định đòi hỏi tính khách quan, trung thực, minh bạch và công khai.

Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự kiểm định theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

Đảm bảo đầy đủ nội dung cần kiểm định, đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự kiểm định

Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề do Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

Thu thập thông tin, minh chứng, rà soát các hoạt động của nhà trường để chứng minh đạt hay không đạt theo nội hàm của tiêu chí, tiêu chuẩn và chỉ số.

Khảo sát thực tế, thảo luận, phỏng vấn, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá chất lượng trường

Các bước tự đánh giá chất lượng của Trường thực hiện theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động-TBXH Quy định về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; gồm các bước sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng của nhà trường.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng dạy nghề của nhà trường.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	Đề xuất kết quả đạt được		
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	<i>Tiêu chuẩn 1.1:</i> Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	<i>Tiêu chuẩn 1.2:</i> Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
	<i>Tiêu chuẩn 1.3:</i> Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định	1	1
	<i>Tiêu chuẩn 1.4:</i> Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	<i>Tiêu chuẩn 1.5:</i> Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy môn đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1

	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thiện nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của hiến pháp và pháp luật.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	16
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng và khách quan.	1	1
Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0
Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo.	1	1
Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang thiết bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1

	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học, kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan,	1	1

	thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi, số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định, trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1

	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	14
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức; kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	0
Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp	1	1

	về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	15
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực hoạt động của trường theo tiêu chuẩn, khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy)theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo,	1	1

	sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất;	1	1

	hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo, tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	4
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối	1	1

	với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).		
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế, các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	0
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ dịch vụ hoạt động đào tạo, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền, thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường, có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1

8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	8
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội, được đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1

9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá trường	6	6
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ 1. Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý y tế

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc được thành lập theo quyết định số 7191/QĐ/BGD - ĐT, ngày 12 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở Trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương. Từ đó đến nay, trường đã có những bước phát triển mạnh mẽ về cơ sở vật chất, đội ngũ, quy mô đào tạo, ngành

đào tạo, quan hệ quốc tế,... đóng góp vào đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.

Hệ thống cơ cấu tổ chức của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định trong Điều lệ trường Cao đẳng do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành. Căn cứ vào Điều lệ, nhà trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động để giúp các đơn vị trong toàn nhà trường thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình. Việc phổ biến và triển khai các văn bản về tổ chức và quản lý của nhà trường đến CBCNVC và HSSV được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau.

*** Những điểm mạnh**

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc được xác định là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng và uy tín trong ngành Nông nghiệp và PTNT có đủ năng lực hội nhập khu vực và quốc tế.

Sứ mạng và mục tiêu của nhà trường được trình bày rõ ràng bằng văn bản, có cơ sở khoa học phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của ngành, được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt.

Trong mỗi giai đoạn phát triển, sứ mạng và mục tiêu của nhà trường được rà soát, bổ sung và hoàn thiện để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ mới, đồng thời để phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và gắn với định hướng phát triển của ngành Nông nghiệp và PTNT và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong nhà trường đều hoạt động hiệu quả trên nguyên tắc tập trung dân chủ và được đánh giá tốt trong xếp loại hàng năm. Trong 59 năm qua, Đảng bộ nhà trường luôn khẳng định được vai trò lãnh đạo trong tất cả các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn TN CSHCM,... dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ nhà trường đã tập hợp và động viên được trí tuệ và sức mạnh của toàn thể CBCNVC và HSSV góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của nhà trường trong từng năm, từng giai đoạn.

*** Những tồn tại**

Chưa đa dạng hoá được các hình thức tuyên truyền và quảng bá về sứ mạng và mục tiêu giáo dục và đào tạo của nhà trường ra ngoài xã hội, chưa góp phần nâng cao vị thế của nhà trường trong xã hội, đặc biệt ở các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn miền núi.

Sự phối hợp trong công tác giữa các phòng chức năng, khoa chuyên môn và các đơn vị khác trong nhà trường đôi khi còn chưa đồng bộ. Nhiều cán bộ lãnh đạo ở các đơn vị chưa được bồi dưỡng kiến thức về quản lý, lãnh đạo.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tăng cường tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về nhà trường trên các phương tiện thông tin đại chúng, ban hành các tài liệu giới thiệu về ngành nghề đào tạo của nhà trường, phối hợp với các địa phương, các trung tâm đào tạo, các trường phổ thông để tuyên truyền về nhà trường và thu hút sự quan tâm của người học, triển khai liên kết đào tạo tại chỗ cho các vùng miền khác nhau để từng bước nâng cao vị thế nhà trường đối với xã hội.

Hoàn thiện các quy định về sự phối hợp công tác giữa các đơn vị trong nhà trường. Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ. Tạo điều kiện cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý ở các đơn vị được học tập và bồi dưỡng nâng cao kiến thức về công tác quản lý. Định kỳ đánh giá hoạt động của các đơn vị để có kế hoạch luân chuyển, bổ sung cán bộ cho phù hợp. Phân đấu phát huy và giữ vững Danh hiệu “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” đối với tổ chức Đảng và các danh hiệu tiên tiến xuất sắc đối với các đoàn thể khác trong nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12
<i>Tiêu chuẩn 1.1</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.2</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.3</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.4</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.5</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.6</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.7</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.8</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.9</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.10</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.11</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 1.12</i>	1

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc được thành lập theo Quyết định số 7191/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2007 về việc thành lập trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc trên cơ sở Trường Trung học Lâm nghiệp 1 Trung ương, đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường (1.1.01- Quyết định số 4315 của Bộ NN&PTNT ngày 26/10/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trường; 1.1.02- Quyết định số 7191/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2007 về việc thành lập trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc trên cơ sở Trường Trung học Lâm nghiệp 1 Trung ương). Căn cứ vào các quyết định trên, Hiệu trưởng trường đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc (1.1.03- Quyết định số 653/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc; Quyết định 654/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường).

Sứ mạng của trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc được xác định trong "Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc đến năm 2030" cụ thể: Đào tạo đa ngành, đa cấp trình độ theo định hướng chất lượng cao, nhất là các ngành đào tạo nông lâm nghiệp; đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, kết hợp nghiên cứu khoa học, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ góp phần nâng cao chất lượng nguồn lực ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng Đông bắc và cả nước. Với sứ mạng đó, Nhà trường xác định mục tiêu là phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nghề nghiệp, phấn đấu phát triển thành trường Cao đẳng đáp ứng tiêu chí của trường chất lượng cao vào năm 2025, là địa chỉ đào tạo và nghiên cứu ứng dụng uy tín với đa ngành nghề và cấp trình độ đào tạo. (1.1.04- Chiến lược phát triển của trường qua các giai đoạn)

Sứ mạng và mục tiêu trên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển nông thôn theo nhu cầu của xã hội; đào tạo thường xuyên và hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu ứng

dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; tư vấn các lĩnh vực chuyên môn thuộc nhiệm vụ của Trường theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua, mục tiêu và sứ mạng của trường luôn được điều chỉnh phù hợp và được xây dựng bằng hình thức thu thập ý kiến đóng góp của CBVC trong toàn trường và qua thảo luận tại các Đại hội Đảng bộ, hội nghị CBVC hàng năm.

Mục tiêu và sứ mạng của Trường phù hợp với nhu cầu lao động của tỉnh Quảng Ninh. Theo *Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Đó là “Phát triển nhân lực để hỗ trợ các chính sách phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo hướng hiện đại hóa, chuyển dịch từ “Nâu” sang “xanh”, cụ thể: đến năm 2030, nền kinh tế QN sẽ là kinh tế Dịch vụ-Công nghiệp hiện đại với dịch vụ tiên tiến và sản xuất sạch, sản xuất theo công nghệ cao”, với mục tiêu cụ thể của tỉnh Quảng Ninh “Ưu tiên đào tạo nghề có trình độ từ trung cấp trở lên và bồi dưỡng nâng cao tay nghề thường xuyên cho đội ngũ nhân lực; Phát triển nhân lực theo lĩnh vực và các ngành kinh tế trọng điểm: Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp”. (1.1.05 - *Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*). Căn cứ nhu cầu về nhân lực của Tỉnh Quảng Ninh, hằng năm Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển sinh trên cơ sở được cấp phép của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động-Thương binh và xã hội và quyết định phê duyệt các ngành nghề trọng điểm (1.1.06 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHĐGDNN số 18/2020/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 04/2/2020; 1.1.09 - Các Quyết định của Bộ LĐTBXH về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025*).

Đồng thời, Sứ mạng của nhà trường được xác định trên cơ sở ý chí và trí tuệ của toàn thể đội ngũ CBCNV nhà trường, có nội dung rõ ràng được công bố công khai, rộng rãi ra ngoài xã hội trên website <http://www.afcdongbac.edu.vn> và các ấn phẩm của nhà trường (1.1.07: *Đường link của trường: <http://www.afcdongbac.edu.vn>*)

Hằng năm, Trường tiến hành khảo sát cán bộ giáo viên, giảng viên, học sinh sinh viên, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động và nhận được ý kiến nhất trí 100% đều cho rằng: Trường có Mục tiêu và Sứ mạng cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể

hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và được công bố công khai (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng phục vụ cho sự nghiệp CNH-HĐH đất nước và hội nhập lao động Quốc tế, nhà trường đã căn cứ vào Quyết định số 2704/QĐ-UBND của tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến 2030 (1.1.05- Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030).

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của tổng cục dạy nghề nhà trường đã triển khai đào tạo nguồn nhân lực ở 3 cấp trình độ Trường đang đào tạo 12 ngành trình độ Cao đẳng; 19 trình độ Trung cấp và 18 trình độ Sơ cấp. (1.1.06 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNDKHH_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNDKHH_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNDKHH_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHHGDNN số 18/2020/GCNDKHH_TCGDNN ngày 04/2/2020) nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ trong công cuộc phát triển nhân lực của tỉnh và của đất nước. Nhà trường cũng đã xác định các ngành, nghề trọng điểm như: Kỹ thuật chế biến món ăn, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Công nghệ sinh học; Điện công nghiệp; Chăn nuôi thú y

TT	Tên ngành nghề đào tạo	Năm 2020			Năm 2021			Năm 2022		
		Trình độ								
		Sơ cấp	T. cấp	CD	SC	T. cấp	CD	SC	TC	CD

1	Kế toán doanh nghiệp		x	x			x			x
2	Dịch vụ thú y			x			x			x
3	Quản trị nhà hàng & Dịch vụ			x						x
4	Khoa học cây trồng						x			
5	Quản lý đất đai			x						
6	Điện công nghiệp			x		x	x		x	x
7	Kinh doanh thương mại và dịch vụ								x	
8	Tin học ứng dụng		x			x			x	
9	Quản lý tài nguyên rừng		x	x		x			x	
10	Trồng trọt & Bảo vệ thực vật		x			x			x	
11	Kế toán					x			x	
12	Điện công nghiệp		x			x			x	
13	Nghiệp vụ nhà hàng, KS					x			x	
14	Thiết kế trang Web					x			x	
15	Thú y		x			x			x	
16	Chăn nuôi thú y		x			x				
17	Lâm nghiệp		x			x			x	
18	Công nghệ sinh học		x			x				
19	Chế biến món ăn		x			x			x	
20	Chăn nuôi GSGC	x				x				
21	KT nuôi ong mật	x				x				
22	Kỹ thuật chế biến món ăn	x				x				
23	Kỹ thuật trồng cây ăn quả (Nhân giống)							x		
24	Trồng rau an toàn							x		
25	Trồng và chăm sóc sinh vật cảnh							x		
26	KT trồng hoa thời vụ							x		
Tổng số		3	10	6			4	4	12	4

Hằng năm, phòng CTSV đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch, thiết kế phiếu khảo sát ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp đang làm tại doanh nghiệp, đơn vị sản xuất và sự phù hợp của chương trình đào tạo Nhà trường đối với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để từ đó Nhà trường phân tích đánh giá, xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp (1.2.01 - Kế hoạch số 516/KH-CĐNLĐB-TTTSTVVVL ngày 06/08/2020; Kế hoạch số 353/KH-CĐNLĐB-TTTSTVVVL ngày 25/6/2021; Kế hoạch số 368/KH-CĐNLĐB-CTSV ngày 01/07/2022, Kế hoạch số 265/KH-CĐNLĐB-CTSV ngày 24/05/2023 về khảo sát mức độ đáp ứng của cựu HSSV nhà trường đang làm việc tại các doanh nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; 1.2.02 - Phiếu khảo sát mức độ đáp ứng của cựu HSSV nhà trường đang làm việc tại các doanh nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm 2020,2021,2022 và Báo cáo kết quả khảo sát mức độ đáp ứng của cựu HSSV nhà trường đang làm việc tại các doanh nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm 2020,2021,2022; 1.2.03 - Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực năm 2020, 2021, 2022, 2023).

Trường đã nghiên cứu, xây dựng các đề án tuyển sinh hằng năm trên cơ sở phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, từ đó có những phương hướng phù hợp để nhà trường hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh đề ra. Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, BGH đã phân công nhiệm vụ cho phòng Đào tạo có chức năng phụ trách chính điều hành công tác tuyển sinh của Nhà trường. Trong 3 năm qua, công tác tuyển sinh của nhà trường luôn đạt chỉ tiêu cao. (1.2.04- Đề án tuyển sinh của Trường năm 2020, 2021, 2022, 2023; 1.2.05 - Các thông báo tuyển dụng năm 2020, 2021, 2022).

Tính đến thời điểm hiện nay, số lượng các ngành nghề đào tạo của nhà trường phù hợp với nhu cầu nhân lực của các ngành và xã hội. Kết quả là trong các năm qua, nhà trường đã ký kết nhiều hợp đồng đào tạo theo đơn đặt hàng với doanh nghiệp, địa phương và được các đơn vị liên kết cũng như cấp trên đánh giá cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc Quảng Ninh được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương, là đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, quản lý và hoạt động theo điều lệ trường cao đẳng. (1.1.02- Quyết định số 7191/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2007 về việc thành lập trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc trên cơ sở Trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương)

Năm 2017, Nhà trường đã chuyển sang hình thức đào tạo theo giáo dục nghề nghiệp, trực thuộc quản lý chuyên môn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã xây dựng hệ thống các văn bản để tổ chức và hoạt động, đảm bảo đúng quy định và phù hợp thực tế Nhà trường. Cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc được thực hiện theo quyết định số 4315/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (1.1.03- Quyết định số 653/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc; Quyết định 654/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường) gồm 6 phòng chức năng; 5 khoa và 2 trung tâm.

Trong những năm qua, bộ máy tổ chức của Nhà trường luôn được đánh giá; kiện toàn cho phù hợp với quy mô phát triển và yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn, qua đó giúp cho việc tổ chức quản lý, điều hành giúp cho các hoạt động của Nhà trường được thuận lợi và có hiệu quả. (1.3.01 - Các quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc của trường).

Trường có hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý các hoạt động được phổ biến và quán triệt đến từng đơn vị trong toàn trường như: Quy chế chi tiêu nội bộ (1.3.02 - Bảng thống kê các văn bản tổ chức, quản lý hàng năm của trường; 1.3.03 - Quyết định số 130/QĐ-CDNLDB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020; Quyết định số 283/QĐ-CDNLDB-TCKT ngày 31 tháng 5 năm 2021; Quyết định số 212/QĐ-CDNLDB-TCKT ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quyết định số 226/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ); Quy chế thi đua, khen thưởng (1.3.04 - Quyết định số 657/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 28/5/2021 về việc ban hành qui chế thi đua khen thưởng trường CDNLDB); Quy chế tuyển dụng

(1.3.05 - *Quyết định ban hành Quy chế tuyển dụng năm 2015*); Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý (1.3.06 - *Quyết định số 438/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 31/07/2019 về Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý*). Quy chế chế độ làm việc của giáo viên (1.3.07 - *QĐ số 62/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 02/02/2018; QĐ số 31/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 12/1/2022 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy*); Quy chế đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức (1.3.08 - *Quyết định số 615/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 12/09/2019 về Quy chế đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức*); Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động trường (1.3.09 - *Quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động trường*) Quy chế đào tạo (1.3.10 - *Quyết định số 509/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2019 ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, kèm theo Quy chế*); Quy chế tuyển sinh (1.3.11 - *Quyết định số 02/QĐ-CDNLĐB-TSTVVL ngày 04/01/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh hệ trung cấp, cao đẳng năm 2021*); Quy chế hoạt động khoa học và phát triển công nghệ (1.3.12 - *Quyết định số 779/QĐ-CDNLĐB-KĐKHHTQT ngày 3/12/2019 về Quy chế Xét duyệt, công nhận sáng kiến cải tiến*) Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn (1.3.13 - *Quyết định số 656/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với CBVC và NLĐ do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ*) Quy chế thực hiện dân chủ (1.3.14 - *Quyết định số 655 ngày 15/12/2017 Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động trường*)

Quy chế về học sinh, sinh viên (1.3.15 - *Quyết định số 137/QĐ-CDNLĐB-CTSV ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy*).

Các văn bản quản lý của trường được ban hành đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm đối với sự nghiệp công lập, tất cả các văn bản đều thể hiện rõ sự phân cấp trong quản lý và điều hành, quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: *Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở hệ thống văn bản quy định về điều hành, tổ chức và hoạt động, hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, cập nhật, bổ sung các văn bản, quy chế, quy định cho phù hợp với quy định của Pháp luật và thực tế hoạt động của Nhà trường. Trường luôn chú trọng xây dựng các văn bản quy định, quy chế, các văn bản hướng dẫn thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản của cấp trên và kế hoạch hóa mọi hoạt động của Nhà trường, các văn bản quản lý được gửi trực tiếp đến các đơn vị trực thuộc, đồng thời công bố công khai trên trang web của trường www.afcdongbac.edu.vn.

Hàng năm Nhà trường đều tổ chức hội nghị cán bộ viên chức, người lao động các cấp. Một trong những nội dung của Hội nghị viên chức, người lao động các cấp là tham gia đóng góp ý kiến về các chủ trương, kế hoạch của nhà trường, đóng góp ý kiến về việc sửa đổi, chỉnh lý, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, các Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ; rà soát lại quyết định thành lập các Phòng, khoa, đơn vị trực thuộc trường; Quy chế chi tiêu nội bộ và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới. Đồng thời nhà trường thực hiện việc rà soát các hệ thống các văn bản quản lý của trường để có những điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tính hình thực tế của nhà trường. (1.4.01- Kế hoạch tổ chức rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023; 1.4.02 - Biên bản rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023; 1.4.03- Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy định, quy chế của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023; 1.4.04- Các quy định, quy chế sửa đổi bổ sung theo kết quả rà soát mới)

Như vậy, Trường cao đẳng Nông lâm Đông Bắc ban hành đầy đủ các văn bản quản lý, qua đó đã từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, có những điều chỉnh kịp thời những điểm bất hợp lý trong công tác quản lý. (1.1.03- Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngay sau khi nhà trường được nâng cấp thành trường cao đẳng vào tháng 11 năm 2007, các phòng chức năng, các khoa và các bộ môn trực thuộc khoa, các cơ sở phục vụ đào tạo của nhà trường được tổ chức theo hướng phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu mà trường đã đề ra, đồng thời có cơ cấu và nhiệm vụ phù hợp với quy định của Bộ Lao động thương binh và xã hội ban hành (1.1.03- Quyết định số 653/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc; 1.1.10 - Quyết định 654/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường).

Cơ cấu và nhiệm vụ của các phòng chức năng, các khoa và các bộ môn trực thuộc khoa, các cơ sở phục vụ đào tạo trong nhà trường đã được quy định cụ thể, rõ ràng trong Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc trường bao gồm:

-06 phòng chức năng: Phòng Đào tạo; Phòng Kiểm định-Khoa học và hợp tác quốc tế; Phòng Công tác sinh viên; Phòng Tài chính-Kế toán; Phòng Quản lý thiết bị và đầu tư; Phòng Tổ chức hành chính

-05 Khoa: Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Kinh tế-du lịch; Khoa Lâm nghiệp; Khoa Nông học; Khoa Chăn nuôi-Thú y

-03 trung tâm: Trung tâm đào tạo thường xuyên; Trung tâm thực hành và thực nghiệm Nông Lâm nghiệp; Trung tâm sản xuất dịch vụ Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp

Các phòng chức năng: Thực hiện tốt công tác tham mưu lãnh đạo Trường trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc chủ yếu về các lĩnh vực: Đào tạo, tổ chức, hành chính, kiểm định chất lượng, nghiên cứu khoa học,...theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Các khoa, trung tâm: Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, kế hoạch giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình, ngành nghề được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp phép; hoạt động khoa học và công nghệ, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học ứng dụng, phát triển chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, ngân hàng câu hỏi thi... do Hiệu trưởng phân công, tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập, đề xuất xây dựng kế hoạch giảng dạy, bổ sung, bảo trì thiết bị dạy học, thực hành, thực tập.

(1.3.01 - Các quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc trường).

Các đơn vị trong Nhà trường đều hoạt động đồng bộ, hiệu quả, có sự phối hợp gắn

kết chặt chẽ, góp phần không ngừng củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Hàng năm, kết thúc năm học hoặc năm kế hoạch, các đơn vị đều có báo cáo tổng kết đánh giá kết quả hoạt động và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm sau (*1.5.01-Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm 2020; 2021; 2022;2023; 1.5.02 Báo cáo tổng kết của trường năm 2020, 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường cao đẳng Nông lâm Đông bắc là trường cao đẳng công lập chịu sự quản lý về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, chịu sự quản lý hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hoạt động giáo dục của Nhà trường tuân theo Luật giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với điều kiện của địa phương và Nhà trường.

Căn cứ thông tư 46/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường Cao đẳng, Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã xây dựng kế hoạch thành lập Hội đồng trường; theo đó thống nhất số lượng, thành phần, cơ cấu nhân sự của Hội đồng trường gồm 15 thành viên. Sau khi hoàn chỉnh các bước thực hiện, Nhà trường tiến hành bầu chọn Chủ tịch và thư ký Hội đồng; hoàn chỉnh các thủ tục hành chính và được Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ra quyết định. (*1.6.01 - Quyết định số 2557/QĐ-BNN-TCHC ngày 01/07/2019 về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc Khóa I*)

Ngoài Hội đồng trường, Nhà trường còn có các Hội đồng tư vấn giúp lãnh đạo Trường tổ chức thực hiện các công việc hiệu quả như: Hội đồng khoa học và Đào tạo, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi tốt nghiệp,... các hội đồng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Hội đồng trường được họp định kỳ do chủ tịch Hội đồng triệu tập. Các cuộc họp của Hội đồng thường được tổ chức để thảo luận về các điều kiện đảm bảo chất lượng, kết quả hoạt động, việc thực hiện các cam kết và tài chính của trường (*1.6.02- Quy chế hoạt động của Hội đồng*

trường; 1.6.03- Báo cáo tổng kết của Hội đồng trường các năm 2020; 2021; 2022;2023; 1.6.04- Các quyết định thành lập Hội đồng: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng xét nâng lương; Hội đồng tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng; Hội đồng KH&ĐT; Hội đồng Tuyển sinh; Hội đồng Tự đánh giá; Hội đồng đánh giá GVCN; Hội đồng mua sắm; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cho sinh viên; Hội đồng xét duyệt học bổng; 1.6.05 - Các Nghị Quyết của Hội đồng trường năm 2020, 2021, 2022, 2023).

Các phòng chức năng, các khoa và các bộ môn trực thuộc khoa, các cơ sở phục vụ đào tạo của nhà trường đã được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công tác giáo dục và đào tạo trong nhà trường, đồng thời có cơ cấu và nhiệm vụ theo quy định. Các phòng chức năng, các khoa và các bộ môn trực thuộc khoa, các cơ sở phục vụ đào tạo thường xuyên được kiện toàn, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu và thực tiễn công tác giảng dạy và quản lý, phục vụ nhiệm vụ giáo dục và đào tạo trong nhà trường Cơ cấu tổ chức của các phòng chức năng, các khoa và các bộ môn trực thuộc khoa, các cơ sở phục vụ đào tạo của nhà trường khá phù hợp và tinh gọn. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo các phòng chức năng, các khoa và các bộ môn trực thuộc khoa, các cơ sở phục vụ đào tạo của nhà trường đều có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý và lãnh đạo, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao (1.1.03 - Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc; 1.5.01 - Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm 2020; 2021; 2022;2023; 1.5.02 - Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022-2023; 1.6.06 - Các quyết định khen thưởng và công nhận danh hiệu của tập thể, cá nhân các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022-2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.7: Trường tự xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống đảm bảo chất lượng trong hệ thống giáo dục chuyên nghiệp trước đây cũng như hệ thống giáo dục nghề nghiệp hiện nay, Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc đã nghiên cứu, tham khảo mô hình đảm bảo chất lượng của một số trường cao đẳng trong khu vực để xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp nhằm đảm bảo sự vận hành hiệu quả, đạt được các mục tiêu chất lượng.

Trường đã thành lập Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng, hiện nay là phòng Kiểm định-Khoa học&Hợp tác quốc tế để làm công tác đảm bảo chất lượng (1.1.03- *Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc*)

Năm 2019, Trường đã xây dựng, ban hành, vận hành Hệ thống Bảo đảm chất lượng theo quy định của thông tư 28/2017/TT- BLĐTB-XH (1.7.01 - *Kế hoạch xây dựng hệ thống BDCL của trường năm 2019*; 1.7.02 - *QĐ thành lập Hội đồng Bảo đảm chất lượng năm 2019 của trường CD Nông lâm Đông Bắc*; 1.7.03 - *QĐ Ban hành Sổ tay chất lượng năm học 2019-2020, Chính sách chất lượng giai đoạn 2020-2025, mục tiêu chất lượng và hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng năm 2019 của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*; 1.7.04 - *Quyết định số 307/QĐ-CDNLĐB-KTKĐCL ngày 30/05/2019 về việc ban hành Quy định về Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc*; 1.7.05 - *Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL năm 2020, 2021, 2022*; 1.7.06 - *Báo cáo đánh giá hệ thống DBCL năm 2020, 2021, 2022*).

Việc đảm bảo chất lượng luôn được nhà trường quan tâm, chỉ đạo kịp thời. Trường đã thường xuyên tiến hành kiểm tra hoạt động giảng dạy, thi học kỳ, thi tốt nghiệp, tổ chức khảo sát, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV và hiệu quả công việc của nhân viên... Nhờ đó mà hoạt động giảng dạy, học tập trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế đã góp phần quan trọng đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường. (1.5.01-*Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát các bên liên quan để rà soát, cải tiến, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động. (1.1.08 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; 2023; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.8: *Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2007, Phòng Khảo thí và ĐBCL được thành lập sau đó đến năm 2018 sát

nhập với Phòng Khoa học Hợp tác quốc tế và đổi tên là phòng Kiểm định-Khoa học hợp tác quốc tế. Phòng có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo tất cả các bậc học, các hệ đào tạo của Trường với các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo đúng pháp luật, đúng quy chế của Nhà nước và quy định của Nhà trường; Tham mưu và đề xuất các biện pháp tổ chức, quản lý công tác khảo thí, đảm bảo chất lượng giáo dục các hệ, các trình độ đào tạo toàn trường; Tổ chức quản lý các hoạt động khảo thí và công tác đánh giá đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường (1.1.03- Quyết định số 653/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc; 1.3.01 - Các quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc trường (trong đó có phòng KT-KĐCL).

Phòng có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo tất cả các bậc học, các hệ đào tạo của Trường với các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo đúng pháp luật, đúng quy chế của Nhà nước và quy định của Nhà trường; Tham mưu và đề xuất các biện pháp tổ chức, quản lý công tác khảo thí, đảm bảo chất lượng giáo dục các hệ, các trình độ đào tạo toàn trường; Tổ chức quản lý các hoạt động khảo thí và công tác đánh giá đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường.

Phối hợp với các Khoa, bộ môn; xây dựng, quản lý, sử dụng và lưu trữ ngân hàng câu hỏi thi, quỹ đề thi kế thúc môn học, mô đun toàn trường.

Lập kế hoạch coi thi (điều động cán bộ coi thi, tổ chức và giám sát kỳ thi,...)

Tiến hành khảo sát và báo cáo hoạt động đào tạo của giáo viên, học sinh.

Hàng năm, phòng đều tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi, có dự giờ, đánh giá và khen thưởng, động viên khuyến khích giáo viên tham gia giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp bộ và đạt được nhiều thành tích cao. Cuối mỗi năm học, phòng đều tiến hành tổng kết đánh giá công tác kiểm định chất lượng, từ đó phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những hạn chế của công tác này.

(1.7.01 - Kế hoạch xây dựng hệ thống BĐCL của trường năm 2019; 1.7.02 - QĐ thành lập Hội đồng Bảo đảm chất lượng năm 2019 của trường CD Nông lâm Đông Bắc; 1.7.03 - QĐ Ban hành Sổ tay chất lượng năm học 2019-2020, Chính sách chất lượng giai đoạn 2020-2025, mục tiêu chất lượng và hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng năm 2019 của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.7.04 - Quyết định số 307/QĐ-CDNLDB-KTKĐCL ngày 30/05/2019 về việc ban hành Quy định về Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc; 1.7.05 -

Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL năm 2020, 2021, 2022; 1.7.06 - Báo cáo đánh giá hệ thống ĐBCL năm 2020, 2021, 2022).

Sau hơn 10 năm được thành lập, được sự quan tâm của Ban giám hiệu, sự phối hợp chặt chẽ của các phòng chức năng, khoa chuyên môn cùng với sự nỗ lực của cán bộ, viên chức, Phòng Kiểm định – Khoa học hợp tác quốc tế đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần không nhỏ vào việc duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Với 3 năm liền Phòng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, là tập thể lao động xuất sắc và nhận được bằng Khen của Tỉnh Quảng Ninh (1.5.01- Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm 2020; 2021; 2022; 2023; 1.5.02 - Báo cáo tổng kết của trường năm 2020, 2021, 2022, 2023; 1.6.05- Các quyết định khen thưởng và công nhận danh hiệu của tập thể, cá nhân các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022-2023; 1.8.01- Biên bản bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022-2023)

Hàng năm Trường tiến hành khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động của bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo. (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.9: *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng bộ Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Thị xã Quảng Yên – Tỉnh Quảng Ninh, có 07 chi bộ với tổng số đảng viên là 97 người (chính thức 85, dự bị 12 người, trong đó đảng viên là HSSV 30 người). Ban chấp hành Đảng ủy của Đảng bộ nhà trường gồm 8 đồng chí đều là những đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo, năng lực chuyên môn, có uy tín đối với quần chúng và giữ các chức vụ cao trong hệ thống chính quyền và đoàn thể của nhà trường. Bí thư Đảng bộ kiêm Phó Hiệu trưởng Phụ trách nhà trường đã phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động của Nhà trường. Đảng bộ có sự phân công trách nhiệm cho từng đồng chí trong Ban chấp hành để theo dõi và chỉ

đạo các hoạt động của các bộ phận trong nhà trường (1.9.01- *Quyết định kết quả bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Trường*)

Thực hiện phát huy tốt vai trò lãnh đạo toàn diện nhiệm vụ chính trị của nhà trường đã được Đảng, nhà nước và địa phương giao phó, đó là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung

Nhằm phát huy vai trò lãnh đạo, đảm bảo tính thống nhất và thông suốt, giúp các chi bộ trực thuộc triển khai quán triệt về mặt chính trị tư tưởng phù hợp với tình hình thực tế, hàng năm Đảng bộ ra Nghị quyết lãnh chỉ đạo hoạt động của Đảng bộ, các Chi bộ, đảm bảo tất cả đảng viên đều cập nhật kịp thời Nghị quyết của đảng ủy và các chủ trương chính sách mới của các cấp ủy đảng cấp trên, các thông tin quan trọng để có nhận thức đúng đắn, phương hướng, quan điểm, lập trường, hành động đúng đắn, trách nhiệm nhằm phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp phát triển chung của nhà trường (1.9.02- *Nghị quyết Chi bộ/Đảng bộ trường năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Đảng bộ nhà trường thống nhất định kỳ hàng tháng, nửa năm và đặc biệt cuối năm các chi bộ và các cấp chính quyền trong nhà trường tiến hành sơ kết, tổng kết báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy đã đề ra

Hàng năm trong báo cáo tổng kết của Trường và đánh giá của cấp trên đều ghi nhận Đảng bộ Trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật (1.5.03- *Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường năm 2020;2021;2022; 2023*; 1.9.03- *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác của Đảng ủy/Chi ủy các năm 2020;2021;2022; 2023*; 1.9.04- *Các quyết định công nhận thành tích và khen thưởng của cấp với cá nhân/tập thể các năm 2020;2021;2022; 2023*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.10: *Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các tổ chức xã hội, đoàn thể trong trường bao gồm Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ban nữ công được thành lập theo Quy định và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế.

- Công đoàn cơ sở Trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc trực thuộc Công Đoàn Nông nghiệp & PTNT Việt Nam, sự hỗ trợ của lãnh đạo trường, sự phối hợp của các Đoàn thể khác thực sự đảm đương được sứ mệnh là ngọn cờ đoàn kết, tập hợp đội ngũ cán bộ (1.10.01- *Quyết định chuẩn y BCH, BTV, CT, PCT, UBKT CĐCS trường nhiệm kỳ 2017-2022* ; 1.10.02- *Quyết định kiện toàn, chuẩn y của Đoàn Thanh niên 2020 – 2022*; 1.10.03 - *Quyết định của BCH Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017-2022*).

Hiện nay, Công đoàn Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc đã tổ chức thành công đại hội công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2023-2028, đã bầu ra Ban chấp hành khóa mới.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Công đoàn nhà trường thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao. Tích cực xây dựng, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động; tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đẩy mạnh các hoạt động thi đua trong giảng dạy học tập, phong trào văn hóa văn nghệ thể dục thể thao; vận động CBVC thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí... Qua đó, đã lựa chọn những công đoàn viên ưu tú giới thiệu cho Chi bộ xem xét kết nạp (1.10.04 - *Quy chế hoạt động của Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017-2022*; 1.10.05 - *Kế hoạch hoạt động của BCH Công đoàn trường các năm 2020; 2021; 2022; 2023*; 1.10.06 - *Các Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của Công Đoàn trường các năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Đoàn Thanh niên cộng sản HCM của Nhà trường trực thuộc Thị đoàn Quảng Yên hoạt động theo Điều lệ Đoàn là lực lượng nòng cốt trong các hoạt động của phong trào TĐTT-Văn Hóa-Văn nghệ, phòng chống tệ nạn xã hội, an ninh trật tự trong nhà trường, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cộng sản cho HSSV, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho tổ chức (1.10.07- *Quy chế hoạt động của Đoàn trường* ; 1.10.08- *Các Chương trình, kế hoạch hàng năm của Đoàn Thanh niên các năm; Các chương trình hoạt động tiêu biểu các năm 2020, 2021, 2022; 2023*)

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ nhà trường cùng với sự quan tâm, tạo điều kiện của Ban giám hiệu, các phòng chức năng, khoa chuyên môn và các đơn vị trong nhà trường, các đoàn thể và tổ chức xã hội trong nhà trường đã hoạt động theo đúng Điều lệ, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật. Nhiều tập thể, cá nhân thuộc các đoàn thể và tổ chức xã hội trong nhà trường đã được tặng thưởng nhiều Danh hiệu, Bằng khen, Giấy khen,.. của các đoàn thể và tổ chức xã hội các cấp về những thành tích đã đạt được trong công tác triển khai thực hiện chức năng và nhiệm vụ (1.10.09 - *Các Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của Công Đoàn trường các năm 2020, 2021, 2022, 2023*; 1.10.10- *Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong*

trào thanh niên hàng năm 2020, 2021, 2022, 2023; 1.10.11- Các quyết định công nhận thành tích và khen thưởng của trường và công đoàn cấp trên các năm 2020, 2021, 2022, 2023; 1.10.12- Các quyết định công nhận thành tích và khen thưởng của Tỉnh Đoàn, Trung ương Đoàn các năm 2020, 2021, 2022, 2023; 1.5.02 - Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường năm 2020;2021;2022; 2023).

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, Nhà trường có quy định về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường. Trường đã thành lập Ban thanh tra nhân dân có chức năng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường (1.11.01 - Quy chế hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân).

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, hằng năm, Ban thanh tra nhân dân có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường (1.11.02- Kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường năm 2020; 2021; 2022; 2023;1.11.03- Các biên bản kiểm tra, giám sát năm 2020; 2021; 2022; 2023; 1.11.04: Báo cáo kiểm tra, giám sát năm 2020; 2021; 2022; 2023)

Căn cứ vào các biên bản kiểm tra giám sát và kết quả rà soát phương pháp, công cụ kiểm tra giám sát, các bộ phận đã họp và đề xuất các nội dung để cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra giám sát (1.11.05 - Kết quả rà soát phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát hàng năm 2020; 2021; 2022; 2023; 1.11.06 - Nội dung cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Hàng năm Trường đã tổ chức lấy ý kiến đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động kiểm tra, giám sát (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.12: *Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng, thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các loại chế độ chính sách đối với giảng viên, viên chức và người lao động như: nâng lương, nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ thai sản, ốm đau, bảo hiểm xã hội (1.3.02 - *Quyết định số 130/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020; Quyết định số 283/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 31 tháng 5 năm 2021; Quyết định số 212/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quyết định số 226/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; 1.3.03 - Quyết định số 657/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 28/5/2021 về việc ban hành qui chế thi đua khen thưởng trường CDNLĐB).*

Nhà trường có báo cáo, sổ sách liên quan đến những cá nhân được hưởng chế độ chính sách ưu đãi của Nhà nước (1.12.01 - *Báo cáo, sổ sách liên quan đến những cá nhân được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước; 1.10.06 - Các Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của Công Đoàn trường các năm 2020; 2021; 2022; 2023* 1.12.02- *Danh sách và quyết định nhà giáo, viên chức được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp nặng nhọc, độc hại các năm 2020; 2021; 2022; 2023;* 1.12.03 - *Danh sách bồi dưỡng công tác GVCN các năm 2020; 2021; 2022; 2023;* 1.12.04- *Danh sách cán bộ, giảng viên, người lao động chi hỗ trợ các ngày lễ, tết các năm 2020; 2021; 2022; 2023;* 1.12.05 - *Quyết định, danh sách Ủy nhiệm chi cho đối tượng được hưởng thu nhập tăng thêm các năm 2020; 2021; 2022)*

Thực hiện Luật bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Nghị định 48/2009 quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, hàng năm nhà trường xây dựng quy chế tổ chức hoạt động bình đẳng về trách nhiệm và quyền lợi cho tất cả cán bộ không phân biệt nam, nữ. (1.10.05 - *Kế hoạch hoạt động của BCH Công đoàn trường các năm 2020; 2021; 2022; 2023;* 1.10.06 - *Các Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của Công Đoàn trường các năm 2020; 2021; 2022; 2023)*

Hàng năm, trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến CBVC, HSSV, Đơn vị sử dụng lao động về thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ

hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; 2023; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.3.2.2. TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Hoạt động đào tạo được xác định là một hoạt động trọng tâm của Nhà trường. Quá trình tổ chức hoạt động này luôn hướng tới mục tiêu đáp ứng nhu cầu của người học, phát triển nguồn nhân lực của địa phương và các tỉnh phía bắc. Nhà trường đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo. Đặc biệt trong những năm gần đây, nhà trường kết hợp đào tạo hệ trung cấp chính quy với đào tạo giáo dục thường xuyên là sau 3 năm, người học vừa đạt được tay nghề trình độ trung cấp vừa được quyền thi tốt nghiệp THPT quốc gia

*** Những điểm mạnh**

- Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi nghề, theo từng học kỳ, năm học. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng nội dung, chương trình đã được phê duyệt đảm bảo theo mục tiêu và nội dung của chương trình đào tạo; Kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm;

- Trường đã phối hợp tốt với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học.

*** Những tồn tại**

- Nhà trường chưa có phần mềm quản lý đào tạo

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

- Trường cần sớm trang bị phần mềm quản lý đào tạo, quản lý HSSV, quản lý kết quả học tập, rèn luyện...

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16
<i>Tiêu chuẩn 2.1</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.2</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.3</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.4</i>	0
<i>Tiêu chuẩn 2.5</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.6</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.7</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.8</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.9</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.10</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.11</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.12</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.13</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.14</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.15</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.16</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 2.17</i>	1

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN hiện nay, nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo 12 nghề trình độ cao đẳng; 19 nghề trình độ trung cấp; 18 nghề trình độ sơ cấp. (1.1.06: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHHĐGDNN số 18/2020/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 04/2/2020). (2.1.01-Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm 2020, 2021, 2022)

TT	Tên ngành nghề đào tạo	Năm 2020			Năm 2021			Năm 2022		
		Trình độ								
		Sơ cấp	T. cấp	CD	SC	T. cấp	CD	SC	TC	CD
1	Kế toán doanh nghiệp		x	x			x			x
2	Dịch vụ thú y			x			x			x
3	Quản trị nhà hàng & Dịch vụ			x						x
4	Khoa học cây trồng						x			
5	Quản lý đất đai			x						
6	Điện công nghiệp			x		x	x		x	x
7	Kinh doanh thương mại và dịch vụ								x	
8	Tin học ứng dụng		x			x			x	
9	Quản lý tài nguyên rừng		x	x		x			x	
10	Trồng trọt & Bảo vệ thực vật		x			x			x	

11	Kế toán					X			X	
12	Điện công nghiệp		X			X			X	
13	Nghiệp vụ nhà hàng, KS					X			X	
14	Thiết kế trang Web					X			X	
15	Thú y		X			X			X	
16	Chăn nuôi thú y		X			X				
17	Lâm nghiệp		X			X			X	
18	Công nghệ sinh học		X			X				
19	Chế biến món ăn		X			X			X	
20	Chăn nuôi GSGC	X				X				
21	KT nuôi ong mật	X				X				
22	Kỹ thuật chế biến món ăn	X				X				
23	Kỹ thuật trồng cây ăn quả (Nhân giống)							X		
24	Trồng rau an toàn							X		
25	Trồng và chăm sóc sinh vật cảnh							X		
26	KT trồng hoa thời vụ							X		
Tổng số		3	10	6				4	12	4

100% CTĐT được xây dựng chuẩn đầu ra, quy định khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp; căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu chuyên môn của từng ngành, nghề đào tạo, nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của một số trường, thực tiễn đào tạo và điều kiện đặc thù của trường để bảo đảm chuẩn đầu ra có tính khoa học, thực tiễn và thực hiện được. (2.1.02- Các Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các trình độ đào tạo và bộ chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo năm 2019, 2021, 2023). Nhà trường thực hiện công khai chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trên website để xã hội, người học được biết (2.1.03- [http://afcdongbac.edu.vn/quyet-](http://afcdongbac.edu.vn/quyet)

dinh-ban-hanh-chuan-dau-ra-nam-2019/)

Hàng năm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý, kết quả 100% đồng ý cho rằng các ngành, nghề đào tạo của trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng CTĐT và công bố công khai để người học và xã hội biết thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh, sinh hoạt chính trị đầu khóa. *(1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023)*

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Tổng cục giáo dục Nghề nghiệp) cấp giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. *(1.1.06: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHHGDNN số 18/2020/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 04/2/2020).*

Để công tác tuyển sinh đúng quy định Hiệu trưởng đã ký Quyết định số 186/QĐ –CD NLĐB-TSTVVL ngày 28/03/2019; Quyết định số 10/QĐ –CDNLĐB-TSTVVL ngày 10/01/2020, Quyết định số 02/QĐ –CD NLĐB-TSTVVL ngày 04/01/2021; ban hành các Quy chế tuyển sinh gồm 4 chương 22 điều, trong đó quy định thời gian, đối tượng tuyển sinh, ngành nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh. *(2.2.01 - Quy chế tuyển sinh của nhà trường ban hành các năm 2019;2020; 2021; 2023, kèm theo Quyết định ban hành).*

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Hàng năm, trên cơ sở tìm hiểu nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các vùng lân cận, nhà trường đã tiến

hành họp Hội đồng tuyển sinh để phân tích đánh giá tình hình thị trường lao động cũng như nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trên địa bàn tuyển sinh từ đó xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể đối với từng nghề đào tạo phù hợp với năng lực đào tạo của trường (2.3.01 – Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh số 42/CĐNLĐB-ĐT ngày 25/3/2020; Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh số 21/CĐNLĐB-ĐT ngày 15/3/2021; Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh số 59/CĐNLĐB-ĐT ngày 29/4/2022). Cụ thể:

Năm	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu			
Cao đẳng	75	100	90
Trung cấp	665	700	650
Sơ cấp	60	175	120
Tổng	800	975	860

Căn cứ vào số chỉ tiêu mà Trường đã đăng ký, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giao chỉ tiêu tuyển sinh cho trường như sau:

Năm	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu				
Cao đẳng	90	160	160	170
Trung cấp	650	700	650	650
Sơ cấp	60	175	120	120

(2.3.02- Thông báo số 3223/TB-BNN-TCCB ngày 14/5/2020; Thông báo số 2944/TB-BNN-TCCB ngày 20/5/2021; Thông báo số 4017/TB-BNN-TCCB ngày 23/6/2022 về chỉ tiêu Bộ NN&PTNT giao cho trường; Thông báo số 3724/TB-BNN-TCCB ngày 8/6/2023 về chỉ tiêu Bộ NN&PTNT giao cho trường)

Căn cứ vào chỉ tiêu của Bộ giao, Nhà trường ra Quyết định xác định chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể với các ngành, nghề qua các năm (2.3.03-Quyết định số 347/QĐ-CĐNLĐB-TSTVVL ngày 18/5/2020; Quyết định số 354/QĐ-CĐNLĐB-TSTVVL ngày 25/5/2021; Quyết định số 366/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 26/6/2022; **QĐ số 340/QĐ-CĐNLĐB ngày 20/6/2023 xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Hiệu trưởng nhà trường năm 2020, 2021, 2022;2023).**

Để thực hiện tuyển sinh đúng quy định, nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng làm chủ tịch Hội đồng và Ban thư ký tuyển sinh (2.3.04 – Quyết định về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh và ban thư ký các năm 2020; 2021; 2022; 2023). Hội đồng tuyển sinh xây dựng kế hoạch, thông báo tuyển sinh để thực hiện tuyển

theo chỉ tiêu được giao (2.3.05 - Kế hoạch về việc tuyển sinh Trung cấp, cao đẳng các năm 2020; 2021; 2022; 2023; 2.3.06- Tờ bướm, thông báo tuyển sinh các năm học 2020, 2021, 2022; 2023). Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký học, Hội đồng tuyển sinh xem xét các quy định để duyệt hồ sơ trúng tuyển đối với người học; sau đó lập danh sách trình hiệu trưởng ký quyết định trúng tuyển và nhập học (2.3.07-Danh sách HSSV đăng ký học năm 2020, 2021, 2022) (2.3.08- Hồ sơ đăng ký học của học sinh các năm học 2020, 2021, 2022)(2.3.09- Biên bản họp xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022)(2.3.10- Quyết định về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển kèm theo biên bản họp xét; Quyết định mở lớp năm 2020, 2021, 2022)(2.3.11-Danh sách HSSV trúng tuyển và phân lớp các năm học 2020, 2021, 2022) (2.3.12-Giấy báo nhập học năm 2020, 2021, 2022)(2.3.13 -Báo cáo kết quả tuyển sinh hàng năm nộp Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Quảng Ninh các năm 2020, 2021, 2022).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên về thực hiện công tác tuyển sinh của Nhà trường (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN hiện nay, nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo 12 nghề trình độ cao đẳng; 19 nghề trình độ trung cấp; 18 nghề trình độ sơ cấp.(1.1.06: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHHGDNN số 18/2020/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 04/2/2020).

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình

độ cao đẳng theo chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Để cụ thể hóa Thông tư cũng như để phù hợp với điều kiện thực tiễn tại trường, nhà trường đã ban hành quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp trình độ cao đẳng theo phương thức niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp để tổ chức thực hiện đào tạo áp dụng từ năm học 2019-2023 (2.4.01- *Quyết định số 509-CDNLĐB-DT ngày 19/8/2019; Quyết định số 334-CDNLĐB-DT ngày 15/6/2022 về Quy chế đào tạo các hệ TC, CD của trường*)

Để ứng phó kịp thời trong thời điểm dịch Covid diễn biến phức tạp từ cuối năm học 2019-2020 nhà trường đã ban hành Quyết định quy định đối với đào tạo trực tuyến (2.4.09 - *Quyết định ban hành quy định đào tạo trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid*).

Nhà trường thực hiện lập kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các lớp theo quy định. Căn cứ kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo, khoa sẽ thực hiện phân công nhà giáo giảng dạy và lập kế hoạch nhà giáo, thời khóa biểu và triển khai đào tạo theo quy chế. Hiện nay nhà trường đang thực hiện đào tạo 100% các lớp theo phương thức niên chế (2.4.02 - *Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.03-Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.04-Kế hoạch giảng dạy của nhà giáo năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.05-TKB các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.06- Sổ lên lớp các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.07-Giáo án, sổ tay các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.08 – Kết quả học tập các lớp*).

Bên cạnh đó để thích ứng và đáp ứng kịp thời cho hoạt động học tập trực tuyến trong thời kỳ đại dịch Covid diễn ra từ cuối năm học 2019-2020, Phòng đào tạo đã kịp thời điều chỉnh kế hoạch đào tạo cho các lớp để vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh vừa đảm bảo tiến độ học tập của sinh viên các lớp (2.4.10 - *Quyết định về việc điều chỉnh kế hoạch đào tạo các lớp để phòng chống dịch covid 19 và kế hoạch kèm theo*).

Tuy nhiên, hiện tại trong những năm gần đây Trường mới chỉ đào tạo theo 1 phương thức niên chế nên tiêu chuẩn này không đạt

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN hiện nay, nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo 12 nghề trình độ cao đẳng; 19 nghề trình độ trung cấp; 18 nghề trình độ sơ cấp. (1.1.06: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHHGDNN số 18/2020/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 04/2/2020). (2.1.01-Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm 2020, 2021, 2022)(2.5.01-Quyết định 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023) (2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023)

Thực hiện chương trình đào tạo đã được phê duyệt, căn cứ vào kết quả tuyển sinh, lưu lượng HSSV hàng năm và đội ngũ giáo viên của khoa; Phòng Đào tạo xây dựng và ban hành kế hoạch, tiến độ đào tạo theo khóa, năm học cho từng nghề (2.3.10-Quyết định về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển kèm theo biên bản họp xét; Quyết định mở lớp năm 2020, 2021, 2022)(2.3.11-Danh sách HSSV trúng tuyển và phân lớp các năm học 2020, 2021, 2022) (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.03-Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023). Kế hoạch đào tạo được xây dựng chi tiết đến từng MH/MĐ phù hợp với quy định của chương trình đào tạo.

Sau khi Kế hoạch tiến độ đào tạo được phê duyệt, Phòng đào tạo phối hợp với Khoa xây dựng kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu để thực hiện công tác giảng dạy (2.4.04- Kế hoạch giảng dạy của nhà giáo năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.05- TKB các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Như vậy, công tác xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học, kế hoạch giảng

đay được thực hiện đúng quy định biểu mẫu đào tạo của nhà trường và phù hợp với phương thức đào tạo (2.5.03-Quyết định số 666/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 10/10/2019 về việc ban hành biểu mẫu hồ sơ đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp)(2.5.04-Báo cáo số 221/BC-CDNLĐB ngày 3/12/2020; Báo cáo số 238/BC-CDNLĐB ngày 29/11/2021; Báo cáo số 212/BC-CDNLĐB ngày 02/12/2022 về tổng kết công tác giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 2021; 2022)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở các kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã được phê duyệt, phòng chức năng sẽ có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch giảng dạy các lớp giáo dục thường xuyên, trung cấp, cao đẳng của giáo viên theo tháng, học kỳ của mỗi năm học. Ngoài ra, kế hoạch và tiến độ đào tạo còn được thể hiện trên thời khóa biểu theo tuần của năm học. Dựa vào kế hoạch giảng dạy đó, giáo viên sẽ phải chuẩn bị giáo án lên lớp, sổ tay giáo viên. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên sẽ phải thực hiện đầy đủ nghiệp vụ của người nhà giáo như: vào sổ lên lớp, sổ tay giáo viên (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.03-Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.04-Kế hoạch giảng dạy của nhà giáo năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.05-TKB các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.06-Sổ lên lớp các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.07-Giáo án, sổ tay các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023)

Để đánh giá chất lượng thực hiện kế hoạch, tiến độ đào tạo nhà trường giao cho phòng KĐ-KH&HTQT kiểm tra, giám sát chất lượng quản lý đào tạo toàn trường. Phòng KĐ-KH&HTQT xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các phòng, khoa, đơn vị thực hiện kiểm tra chuyên đề theo từng lĩnh vực quản lý đào tạo, sau mỗi đợt kiểm tra, có biên bản kiểm tra và báo cáo tình hình kiểm tra giám sát trình Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có kế hoạch khắc phục những nội dung chưa thực hiện tốt (2.6.01-Quyết định thành lập Ban Thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2020, 2021, 2022) (2.6.02-Kế hoạch thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; 2023) (2.6.03-Biên bản kiểm tra, giám sát, dự giờ các hoạt động

của nhà trường năm 2020, 2021, 2021, 2023) (2.6.04-Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: *Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động, thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo đánh giá Nhà trường đã đạt Tiêu chuẩn 5 - Tiêu chí 2 về: xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo theo đúng quy định. (2.5.01-Quyết định 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023) (2.5.02- Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023) (2.3.10- Quyết định về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển kèm theo biên bản họp xét; Quyết định mở lớp năm 2020, 2021, 2022) (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.03-Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.04-Kế hoạch giảng dạy của nhà giáo năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023)

Thực hiện theo đúng quy định của chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng và kỹ năng nghề cho người học. Nhà trường đã tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, giúp HSSV tiếp cận được với các kiến thức, kỹ năng thực tế. Nhà trường ký biên bản thỏa thuận với doanh nghiệp với nhiều công ty, doanh nghiệp để cử học sinh đến thực tập tại doanh nghiệp. (2.7.01 - Các biên bản thỏa thuận giữa nhà trường với doanh nghiệp về thực tập của sinh viên); Căn cứ chương trình, kế hoạch, tiến độ đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch thực tế thực tập theo quy định cho người học, trong đó xác định mục đích, yêu cầu, thời gian, địa điểm, nội dung thực tập và phân công trách nhiệm của giáo viên (2.7.02 - Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp các lớp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023; 2.7.03- Đề cương thực tập các lớp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023; 2.7.04- Quyết định đưa học sinh thực tập tại doanh nghiệp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023; 2.7.05- Danh

sách số lượng HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023)

Nhà trường đã thực hiện đúng quy định trong đào tạo, người học trước khi tốt nghiệp phải được thực hành, thực tập rèn luyện kỹ năng nghề tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (2.7.06 - *Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn thực tập năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023; 2.7.07 –Danh sách giáo viên hướng dẫn thực hành tại các đơn vị năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023; 2.7.08 – Bảng điểm thực tập, thực hành của HSSV các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023; 2.7.9- Báo cáo kết quả thực tập của HSSV năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023; 2.7.10- Báo cáo kết quả hướng dẫn thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023).*

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: *Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các Khoa luôn thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy, đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn theo quy định (2.4.02 - *Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.03-Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.04-Kế hoạch giảng dạy của nhà giáo năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.05-TKB các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).* Trong quá trình thực hiện đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường và giáo viên các khoa có phương pháp đào tạo.

+ Phương pháp đào tạo phù hợp kết hợp với rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học như sau: Lấy người học làm trung tâm không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học qua các hoạt động học theo nhóm, dạy tích hợp, viết tiểu luận, bài tập lớn; sử dụng các phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, giảng viên giảng dạy đã áp dụng phương pháp phân tích nghề vào ngay trong quá trình biên soạn giáo án, bài giảng của giảng viên. Các bài giảng được gắn với chuẩn đầu ra. Trong quá trình giảng dạy, giảng

viên đã có những giải pháp thực hiện bài giảng hiệu quả năng động, chủ động và tham gia một cách nghiêm túc, tích cực vào quá trình giảng dạy của giảng viên, đồng thời rèn luyện tác phong làm việc theo nhóm cho sinh viên, hình thành khả năng tự tư duy, nghiên cứu về nghề nghiệp cho sinh viên (2.4.06-Sổ lên lớp các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.07- Giáo án, sổ tay các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023)

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của nhà trường, trong đó có hoạt động đào tạo, giảng dạy để thường xuyên đánh giá, cải tiến phương pháp đào tạo của nhà trường. (2.6.01-Quyết định thành lập Ban Thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2020, 2021, 2022) (2.6.02- Kế hoạch thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; 2023) (2.6.03- Biên bản kiểm tra, giám sát, dự giờ các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2021, 2023) (2.6.04-Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023)

Hàng năm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học, nhà giáo về phương thức đào tạo của nhà trường, kết quả cho thấy tỷ lệ người và nhà giáo đều hài lòng về phương pháp đào tạo của nhà trường. (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiểu được tầm quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học, hầu hết các phòng học đều được trang bị máy chiếu phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường đã khuyến khích nhà giáo/giảng viên ứng dụng CNTT trong giảng dạy, biên soạn bài giảng điện tử nhằm nâng cao chất lượng bài giảng. 100% các nhà giáo nhà trường có trình độ tin học, ngoại ngữ đạt chuẩn theo tiêu chuẩn nhà giáo; nhà trường có trang web riêng là kênh quảng bá chính thức.

Nhà giáo của trường đang sử dụng phổ biến các phần mềm để sử dụng trong soạn giáo án và thực hiện giảng dạy, soạn bài giảng điện tử như: các phần mềm Microsoft PowerPoint, phần mềm Window Movie maker để tạo video từ ảnh từ đó tạo ra các video

clip phục vụ học tập, ngoài ra nhà giáo còn dùng các phần mềm chuyên nghiệp để chỉnh sửa ảnh phục vụ làm bài giảng như Adobe Photoshop, phần mềm Ispring Suite để soạn thảo bài giảng trực tuyến. Một số các phần mềm, ứng dụng để giảng dạy trực tuyến như Zoom Cloud meeting,... được khai thác để giảng dạy và hướng dẫn tự học như là một phần của bài giảng trên lớp. Ngoài ra, một số môn học, ngành học cũng sử dụng các phần mềm mô phỏng chuyên biệt riêng của ngành: phần mềm mô phỏng giảng dạy ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y,... (2.9.01-Danh mục các bài giảng - video điện tử của giáo viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.9.02- Danh mục các phần mềm, ứng dụng mô phỏng sử dụng trong năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.9.03- Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2020, 2021, 2022)

Qua kết quả khảo sát hàng năm của nhà trường cho thấy nhà giáo, HSSV đánh giá cao về công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy học của nhà trường. (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023.)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có quy định cụ thể về việc kiểm tra giám sát các hoạt động của trường (2.10.01 - Quyết định về việc ban hành quy định kiểm tra giám sát các hoạt động của trường).

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của nhà trường, trong đó có hoạt động đào tạo, giảng dạy để thường xuyên đánh giá, cải tiến phương pháp đào tạo của nhà trường.

(2.6.01-Quyết định thành lập Ban Thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2020, 2021, 2022; 2.6.02-Kế hoạch thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.6.03-Biên bản kiểm tra, giám sát, dự giờ các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2021, 2023; 2.6.04-Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023)

Định kỳ, phòng Kiểm định-Khoa học Hợp tác quốc tế phối hợp với phòng Đào tạo thực hiện kiểm tra hoạt động dạy và học, tổ chức dự giờ đánh giá giờ giảng của giảng viên/nhà giáo và đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm đổi mới, cải tiến phương thức dạy và học kịp thời đáp ứng yêu cầu của bài giảng. (1.5.01- Báo cáo tổng kết năm học 2020, 2021, 2022 phòng Kiểm định-Khoa học Hợp tác quốc tế và phòng Đào tạo)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.11: *Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học, phòng Kiểm định-Khoa học Hợp tác quốc tế phối hợp với phòng Đào tạo thực hiện kiểm tra hoạt động dạy và học, tổ chức dự giờ đánh giá giờ giảng của giảng viên/nhà giáo và đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm đổi mới, cải tiến phương thức dạy và học kịp thời đáp ứng yêu cầu của bài giảng. (2.6.01-Quyết định thành lập Ban Thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2020, 2021, 2022;2023; 2.6.02-Kế hoạch thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.6.03-Biên bản kiểm tra, giám sát, dự giờ các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2021, 2023; 2.6.04-Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023).

Căn cứ các kết luận từ các báo cáo trên, Nhà trường chỉ đạo các phòng ban, khoa, bộ môn đề xuất và thực hiện các biện pháp khắc phục bất cập trong hoạt động nhằm cải thiện chất lượng giáo dục. Tổng kết năm học, các đơn vị báo cáo hoạt động của các đơn vị trong năm học trong đó nêu rõ những bất cập, những khắc phục, cải tiến đã thực hiện và đề xuất giải pháp.

Qua kết quả khảo sát hàng năm của nhà trường cho thấy cán bộ, nhà giáo đánh giá cao công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được thực hiện đúng quy định, chặt chẽ và có điều chỉnh, đề xuất kịp thời với thực tế, đáp ứng tốt việc bảo đảm chất lượng dạy và học. (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: *Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ nội dung của Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 về Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Để cụ thể hóa Thông tư cũng như để phù hợp với điều kiện thực tiễn tại trường, nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp để tổ chức thực hiện đào tạo áp dụng từ năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023. (2.4.01- *Quyết định số 509-CDNLĐB-ĐT ngày 19/8/2019; Quyết định số 334-CDNLĐB-ĐT ngày 15/6/2022 về Quy chế đào tạo các hệ TC, CĐ của trường*)

Thông tư 10/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Thông tư 34/2018/TT - BLĐT BXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐT BXH Nhà trường đã ban hành các Quy chế, cụ thể:

- *Quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện,:*

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc. Tại chương III, IV của Quy chế có quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp gồm 2 chương, 13 điều ban hành năm 2019 kèm theo Quyết định số 509/QĐ-CDNLĐB -ĐT ngày 09/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc (2.4.01- *Quyết định số 509-CDNLĐB-ĐT ngày 19/8/2019 về Quy chế đào tạo các hệ TC, CĐ của trường*)(2.12.01- *Quyết định số 279/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 28/5/2021 về việc ban hành quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, hệ chính quy*)

Việc tổ chức thi, xét tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại TT 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 và Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc kèm theo Quyết định số: 509/QĐ-CD-CDNLĐB-ĐT ngày 09/8/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc

- Quy định về cấp văn bằng, chứng chỉ:

Năm 2018, Trường ban hành quy định kèm theo Quyết định số 670/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 28/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc về việc ban hành Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. Quy chế gồm có 18 điều (2.12.09: *Quyết định về việc ban hành Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, kèm theo Quy chế năm 2019; 2022*).

- Đối với đánh giá kết quả rèn luyện: Để thực hiện đúng quy định nhà trường ban hành quyết định số 137/2018 quy định về quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV (1.3.14 – *Quyết định số 137/QĐ-CDNLĐB-CTSV ngày 03/04/2018 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy, kèm theo quy chế*).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: *Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN hiện nay, nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo 12 nghề trình độ cao đẳng; 19 nghề trình độ trung cấp; 18 nghề trình độ sơ cấp. (1.1.06 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHĐ_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHĐ_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHĐ_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHĐGDNN số 18/2020/GCNĐKHĐ_TCGDNN ngày 04/2/2020; 2.1.01-Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm 2020, 2021, 2022, 2023*)

Nhà trường ký biên bản thỏa thuận với doanh nghiệp với nhiều công ty, doanh nghiệp để cử học sinh đến thực tập tại doanh nghiệp. (2.7.01 - *Các biên bản thỏa thuận giữa nhà trường với doanh nghiệp về thực tập của sinh viên*);

Trong các biên bản thỏa thuận, ghi nhớ trên đều có nội dung các đơn vị sử dụng lao động cam kết tiếp nhận HSSV của trường đến tham quan, thực hành, thực tập, phối hợp cùng Nhà trường đánh giá kết quả học tập của HSSV và tuyển dụng lao động là người học của Trường sau tốt nghiệp.

Căn cứ chương trình, kế hoạch, tiến độ đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch thực tế thực tập theo quy định cho người học, trong đó xác định mục đích, yêu cầu, thời gian, địa điểm, nội dung thực tập và phân công trách nhiệm của giáo viên (2.7.02 - *Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp các lớp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023.*; 2.7.03- *Đề cương thực tập các lớp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023*). Nhà trường đã thực hiện đúng quy định trong đào tạo, người học trước khi tốt nghiệp phải được thực hành, thực tập rèn luyện kỹ năng nghề tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (2.7.04- *Quyết định đưa học sinh thực tập tại doanh nghiệp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023*; 2.7.05- *Danh sách số lượng HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023*).

Kết thúc đợt thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động HS đi thực tập có báo cáo kết quả thực tập, có xác nhận, đánh giá của đơn vị sử dụng lao động đồng thời giáo viên hướng dẫn các đợt thực tập đã có báo cáo đánh giá đợt thực tập do mình hướng dẫn (2.7.06 - *Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn thực tập năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023*; 2.7.07 –*Danh sách giáo viên hướng dẫn thực hành tại các đơn vị năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023*; 2.7.08 – *Bảng điểm thực tập, thực hành của HSSV các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023*; 2.7.9- *Báo cáo kết quả thực tập của HSSV năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023*; 2.7.10- *Báo cáo kết quả hướng dẫn thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023*; 2.13.01- *Danh sách các đơn vị tham gia đánh giá thực tập năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023*).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.14: *Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc khách quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

+ Việc tổ chức thi kết thúc, mô đun, môn học được Phòng Kiểm định-KH&HTQT của Trường tổ chức đúng theo quy trình, quy định, đảm bảo khách quan, nghiêm túc từ khâu lập kế hoạch, bốc đề thi, nhân bản đề thi và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tổ chức kiểm tra kết thúc của khoa. Việc tổ chức kiểm tra của khoa diễn

ra nghiêm túc, đảm bảo đúng theo quy chế. Đối với các mô đun thực hành của các khoa có đầy đủ trang thiết bị, mô hình cho học sinh kiểm tra, đối với các môn lý thuyết giáo viên coi thi nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định (2.14.01 – Bộ biên bản xây dựng đề thi các môn học năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.02- Kế hoạch thi, chấm thi kết thúc học phần các năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.03 – Biên bản bốc thăm đề thi các đợt thi năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.04 -Hồ sơ tổ chức thi các đợt thi 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.05- Danh sách dự thi môn học/modun năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.06- Sổ nhận bài thi (từ giáo viên coi thi)các lớp năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.07- Sổ giao nhận bài thi, bảng điểm (giữa Phòng Kiểm định, Khoa học và HTQT với giáo viên)năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.08- Kết quả thi hết môn học/modun và bảng điểm tổng kết môn học/modun các lớp năm 2020, 2021, 2022; 2023)

+ Đối với đánh giá kết quả rèn luyện: Để thực hiện đúng quy định nhà trường ban hành quyết định số 137/2018 quy định về quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV (1.3.14 – Quyết định số 137/QĐ-CDNLDB-CTSV ngày 03/04/2018 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy, kèm theo quy chế).

Việc đánh giá điểm rèn luyện được thực hiện từ lớp đến phòng Công tác sinh viên và Hội đồng đánh giá nhà trường. Cụ thể về việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV, sau khi kết thúc học kỳ, năm học, sinh viên sẽ tự đánh giá nhận xét kết quả rèn luyện của mình căn cứ vào văn bản hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện học HSSV. Trên cơ sở phiếu tự nhận xét đánh giá của sinh viên, giảng viên chủ nhiệm tổ chức sinh hoạt lớp để bình xét điểm rèn luyện của sinh viên, kết quả đánh giá chuyển về phòng Công tác HSSV làm căn cứ công nhận kết quả rèn luyện của HSSV (2.14.09 - Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện năm 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.14.10- Biên bản xét kết quả rèn luyện năm học 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023 (kèm phiếu tự đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên); 2.14.11- Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.14.12- Các QĐ công nhận kết quả rèn luyện năm học 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.14.13- Hồ sơ đánh giá kết quả học tập (Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả học tập; Biên bản họp đánh giá kết quả học tập)các lớp các kỳ năm học 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.14.14- Quyết định công nhận kết quả học tập các lớp các kỳ năm học 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023)

+ Đối với thi, xét tốt nghiệp: Việc tổ chức thi, xét tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy chế của Trường theo Quyết định số: 509/QĐ-CD-CDNLĐB-ĐT ngày 09/8/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc. *Kết thúc khóa học, trường lập kế hoạch thi tốt nghiệp, thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp rà soát danh sách và bảng điểm từng sinh viên theo quy chế để thống nhất danh sách được công nhận tốt nghiệp, lập biên bản xét tốt nghiệp, lập danh sách HSSV đủ điều kiện tốt nghiệp và trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp (2.4.01- Quyết định số 509-CDNLĐB-ĐT ngày 19/8/2019; Quyết định số 334-CDNLĐB-ĐT ngày 15/6/2022 về Quy chế đào tạo các hệ TC, CD của trường)(2.14.15- Quyết định Thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021 – 2022; 2022-2023; 2.14.16- Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp năm học 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.14.17- Lịch coi thi tốt nghiệp các lớp 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.14.18- Biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp 2019-2020; 2020-2021, 2021 – 2022, 2022-2023; 2.14.19- Danh sách HSSV đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021 – 2022, 2022-2023; 2.14.20- Hồ sơ tổ chức thi tốt nghiệp năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021 – 2022, 2022-2023; 2.14.21- Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021 – 2022, 2022-2023; 2.14.22- Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021 – 2022, 2022-2023)*

+ Đối với việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ nhà trường có sổ theo dõi cấp văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định. Sau các kỳ thi tốt nghiệp Nhà trường ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp cho các học sinh theo đúng quy định. Căn cứ các quyết định tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành in bằng, vào số hiệu bằng, vào thông tin sổ cấp phát văn bằng. HSSV đến nhận bằng thì trình chứng minh thư, đối chiếu các thông tin trong bằng và sổ cấp phát bằng và ký nhận bằng. Đối với những phôi bằng, chứng chỉ hỏng hoặc không còn hiệu lực đã được nhà trường thành lập Hội đồng tiêu hủy (2.14.23- *Đề nghị cấp phôi bằng để in năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.24- Sổ theo dõi quản lý nhập - xuất phôi bằng cao đẳng trung cấp năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.25- Sổ cấp phát văn bằng các lớp tốt nghiệp trong năm 2020, 2021, 2022; 2023; 2.14.26- Báo cáo tổng kết cuối năm học của Phòng Đào tạo 2020; 2021; 2022; 2.14.27- Quyết định về việc phê duyệt mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ năm 2018, 2022; 2.14.28- Báo cáo xác nhận phôi bằng, chứng chỉ năm 2018, 2022 với cơ quan quản lý nhà nước)*

Hàng năm, Ban kiểm tra công tác đào tạo thanh tra, kiểm tra và lập biên bản. Qua nội dung của các biên bản kiểm tra có thể nói nhà trường thực hiện đúng quy định của Bộ và quy chế của trường (2.6.01-Quyết định thành lập Ban Thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2020, 2021, 2022) (2.6.02-Kế hoạch thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; 2023) (2.6.03-Biên bản kiểm tra, giám sát, dự giờ các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2021, 2023) (2.6.04-Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023)

Như vậy công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định nhà trường thực hiện đúng, đủ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.15: *Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo, hàng năm nhà trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học theo quy định.

Trường giao nhiệm vụ cho phòng Đào tạo thường xuyên rà soát cập nhật các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ, BC lãnh đạo trường khi cần điều chỉnh.

Hiện tại, các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được thực hiện theo các Thông tư của Bộ LĐTĐ và một số văn bản cụ thể hóa do trường ban hành đối với các cấp trình độ. (2.15.01- Kế hoạch về việc rà soát các quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ năm học 2019-2020,2020-2021, 2022 – 2023; 2.15.02- Báo cáo kết quả về việc rà soát các quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ năm học 2019-2020,2020-2021, 2022 – 2023).

Qua khảo sát ý kiến hàng năm, tỷ lệ nhà giáo, cán bộ quản lý đồng ý về công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ điều chỉnh kịp thời năm 2020, 2021 và 2022. (1.1.08-

Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.16: *Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có ban hành Quy chế về tuyển sinh và đào tạo liên thông trên cơ sở các quy định tại Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ LĐTB&XH về việc quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Trường tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng theo hình thức đào tạo chính quy thực hiện theo quy chế đào tạo chính quy trên cơ sở thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 từ 2017-2022 và từ 2022 đến nay là thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022. Nhà trường ban hành quy chế đào tạo chung cho các trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy và liên thông chính quy theo phương thức đào tạo niên chế (1.1.06- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HDGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HDGDNN số 04/2019/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHDGDNN số 18/2020/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 04/2/2020) (2.16.01- **Quyết định 485/QĐ-CĐNLĐB-ĐT** định quy chế đào tạo liên thông từ TC-CĐ ngày 20/8/2021) (2.4.01- **Quyết định số 509-CĐNLĐB-ĐT** ngày 19/8/2019; **Quyết định số 334-CĐNLĐB-ĐT** ngày 15/6/2022 về Quy chế đào tạo các hệ TC, CĐ của trường)

Trên cơ sở các quy định về hình thức đào tạo, tuyển sinh, chương trình, thời gian đào tạo, công nhận giá trị chuyển đổi, tổ chức lớp học, nhà trường đã xây dựng, thẩm định và phê duyệt chương trình đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng (2.16.02- **Quyết định về ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng của Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc năm 2020;2022**)

Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh toàn trường hàng năm trong đó có chỉ tiêu tuyển sinh liên thông; ra thông báo tuyển sinh; tổ chức nhận hồ sơ và xét tuyển theo đúng quy chế tuyển sinh của trường và tuân theo quy định về tuyển sinh tại quyết định 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội và

Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng. Thông báo công khai các thông tin về ngành nghề tuyển sinh liên thông, kế hoạch đào tạo và bằng cấp sau khi tốt nghiệp (2.16.03- *Kế hoạch, thông báo tuyển sinh liên thông năm 2020, 2021, 2022, 2023*; 2.16.04- *Quyết định việc tuyển sinh, đào tạo liên thông năm 2020, 2021, 2022, 2023*; 2.3.13 -*Báo cáo kết quả tuyển sinh hàng năm nộp Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Quảng Ninh các năm 2020, 2021, 2022*).

Qua khảo sát ý kiến hàng năm, tỷ lệ nhà giáo, cán bộ quản lý đồng ý về công tác tuyển sinh đào tạo liên thông trong trường thực hiện linh hoạt về tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học năm 2020, 2021, 2022. (1.1.08- *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022*; *Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023*).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.17: *Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động đào tạo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của nhà trường. Vì vậy cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường được lưu trữ và cập nhật thường xuyên, đảm bảo đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và các công tác khác.

Theo quy định tại Thông tư 23/2018/TT-BLĐTBXH quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, Nhà trường đã ban hành quy định về biểu mẫu, sổ sách trong đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng. Từ 2020, thực hiện chỉ đạo việc đưa công nghệ thông tin vào trong quản lý đào tạo, giúp cho hiệu quả hơn trong hoạt động quản lý đào tạo, nhà trường đã đưa phần mềm quản lý đào tạo vào sử dụng, và đã ban hành quy định về hồ sơ biểu mẫu quản lý đào tạo trong đó có các biểu mẫu hồ sơ điện tử (2.17.01 - *Quyết định ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp (Điều 21-Quản lý hồ sơ, sổ sách đào tạo)*).

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo, gồm có: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; cơ sở dữ liệu về nhà giáo; được nhà trường lưu trữ và phân công đơn vị phụ trách quản lý

Trường có quy định về quản lý khai thác và cung cấp thông tin, đăng tải thông tin trên website của trường đồng thời có quyết định thành lập Ban biên tập chịu trách nhiệm quản lý đối với các hoạt động trên trang thông tin của trường (2.17.02- Quy chế tổ chức và hoạt động trang thông tin điện tử của trường) (2.17.03- Quyết định về ban hành thành lập ban biên tập website của trường)

Trường đã ban hành Hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý đào tạo về việc quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đào tạo trong trường, quy định về nguyên tắc chung đảm bảo an toàn thông tin ĐBCL bên trong, quy định các đơn vị quản lý các dữ liệu về các hoạt động của trường, quy định về bảo mật hệ thống thông tin, quy định về sử dụng thiết bị. (1.5.01-Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm 2020; 2021; 2022; 2023; 1.5.02 – Báo cáo tổng kết của trường năm 2020, 2021, 2022; 2023).

Nhà trường hàng năm tổ chức lấy ý kiến của nhà giáo và cán bộ quản lý về việc khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu của nhà trường về các hoạt động đào tạo, tổ chức quản lý (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Đội ngũ giảng viên, giáo viên có vai trò then chốt, quyết định việc thực hiện thành công của hoạt động đào tạo. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và tư cách nhà giáo, có sức khỏe tốt và yêu nghề là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường

Hiểu rõ như vậy, Ban giám hiệu thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng giảng viên cần bổ sung cho từng năm (thay thế giảng viên nghỉ hưu hoặc chuyển công tác).

Trên cơ sở đó tuyển đủ số lượng và đảm bảo tiêu chuẩn giảng viên từ nhiều nguồn khác nhau và tạo điều kiện cho họ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn và làm việc theo đúng chuyên môn được đào tạo.

*** Những điểm mạnh**

-Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức và người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế, quy định của nhà trường.

- Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

-Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

-Công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm được thực hiện công khai minh bạch, khách quan ngày càng đã trở thành động lực thúc đẩy sự nỗ lực của mỗi cá nhân phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

-100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

*** Những tồn tại**

Mặc dù đội ngũ giáo viên cơ hữu đều có trình độ chuyên môn là thạc sỹ trở lên nhưng một số Khoa chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia để đạt chuẩn nhà giáo giảng dạy thực hành, tích hợp theo quy định của thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH. Nguyên nhân là do đặc thù nghề nghiệp thuộc ngành Nông Lâm nghiệp, trước đây chưa có đơn vị nào đăng cai tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho giáo viên. Nhà trường cũng đã có kế hoạch thông báo tới những Khoa mà giáo viên chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề sắp xếp thời gian, công việc và lựa chọn đơn vị đăng cai tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc III cho giáo viên

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tiếp tục liên hệ với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, tìm kiếm các đơn vị có đủ tư cách pháp nhân được phép tổ chức thi cấp chứng chỉ kỹ năng nghề để cho giáo viên của trường đăng ký tham gia

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
<i>Tiêu chuẩn 3.1</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.2</i>	1

<i>Tiêu chuẩn 3.3</i>	0
<i>Tiêu chuẩn 3.4</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.5</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.6</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.7</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.8</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.9</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.10</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.11</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.12</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.3</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.14</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 3.15</i>	1

Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động, Trường có ban hành đầy đủ quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định được thể hiện ở các Quy chế sau: Quy chế tuyển dụng; Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn; Quy chế Thi đua, Khen thưởng; Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức (*1.1.03-Quyết định 654/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường*)

Quy chế thi đua, khen thưởng (*1.3.03: Quyết định số 657/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 28/5/2021 về việc ban hành qui chế thi đua khen thưởng trường CDNLĐB*); Quy chế tuyển dụng (*1.3.04-Quyết định ban hành Quy chế tuyển dụng năm 2015*); Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý (*1.3.05- Quyết định số 438 ngày 31/07/2019 về Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý*); Quy chế đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức (*1.3.07- Quyết định số 615/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 12/09/2019 về Quy chế đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức*); Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động trường (*1.3.08-Quyết định ban hành*

Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động trường; 3.1.01- Văn bản quy hoạch cán bộ viên chức của trường)

Ngoài ra, Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường cũng đã thể hiện rất rõ việc tuyên dương, khen thưởng, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (*1.3.02: Quyết định số 130/QĐ-CDNLDB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020; Quyết định số 283/QĐ-CDNLDB-TCKT ngày 31 tháng 5 năm 2021; Quyết định số 212/QĐ-CDNLDB-TCKT ngày 19 tháng 4 năm 2022; Quyết định số 226/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ*) cụ thể:

- Về phân loại cá nhân (được thể hiện rõ ở điều 13 trang 9; 10; 11)
- Về chi thi đua khen thưởng gồm: (được ghi rõ ở điều 15 trang 11,12)
 - + Chi thưởng các danh hiệu thi đua theo Luật Thi đua, khen thưởng
 - + Chi thưởng cho CBGV tham gia hội giảng và thi tay nghề Bộ Nông nghiệp và PTNT
- + Chi khen thưởng các đợt thi đua ngắn ngày, khen thưởng đột xuất do Hiệu trưởng quyết định.
- Về chi cho chi phí đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ được ghi rõ ở Điều 26 trang 20; 21; 22 của Quy chế.

Trong công tác quy hoạch, bồi dưỡng cũng như đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên luôn được đảm bảo thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của Trường; nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động của các đơn vị trong Trường.

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở quy trình tuyển dụng đã ban hành, Nhà trường đã tiến hành việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo đúng quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTĐBXH Quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo GDNN và các văn bản quy định của tỉnh đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan (*3.2.01-Quy trình tuyển dụng; 3.2.02-Thông báo tuyển dụng các năm 2020; 2021; 2022; 3.2.03 – Hồ sơ tuyển*

dụng gồm *Biên bản tuyển dụng, thông báo kết quả tuyển dụng các năm 2020; 2021; 2022; 3.2.04 - Hợp đồng lao động và phân công nhiệm vụ năm 2020; 2021; 2022*).

Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện theo các văn bản HD của cấp trên và căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, nhà trường thực hiện quy hoạch công tác quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ theo quy định hiện hành (*3.1.01- Văn bản quy hoạch cán bộ viên chức của trường*)

Căn cứ kết quả công tác quy hoạch, Trường thực hiện công tác bổ nhiệm viên chức quản lý theo quy định. (*3.2.05- Các quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý của trường các năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, hằng năm, Trường đều tiến hành xây dựng kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng (*3.2.06- Quy trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức; 3.2.07- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020; 2021; 2022; 2023*). Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, các khoa, bộ môn căn cứ nhiệm vụ cụ thể của khoa, số lượng giáo viên từng khoa và kế hoạch của khoa để cử từng đối tượng giáo viên tham gia khóa đào tạo hay bồi dưỡng (*3.2.08 - Các quyết định cử giáo viên đi học tập, bồi dưỡng năm 2020; 2021; 2022; 2023*). Sau mỗi năm học, công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo viên được tổng kết đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học (*3.2.09 - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của Trường năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Hàng năm, trường tổ chức đánh giá, phân loại đối với cán bộ, viên chức, xếp loại thi đua, xét khen thưởng. Kết quả đánh giá, phân loại CBVC được công bố công khai trong toàn trường. (*3.2.10- Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Trường luôn thực hiện tốt chế độ chính sách cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật; thực hiện tốt các chế độ về tiền lương, thu nhập tăng thêm, chế độ phụ cấp độc hại, chế độ bảo hiểm, về an sinh xã hội cũng như việc tổ chức cho cán bộ, nhà giáo nhà trường tham gia vào các tổ chức đoàn thể nhằm tạo nên sức mạnh đoàn kết của tập thể cán bộ, nhà giáo trong thực hiện mục tiêu đào tạo chung của nhà trường. (*1.3.06- QĐ số 62/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 02/02/2018; QĐ số 31/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 12/1/2022 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; 1.12.01- Báo cáo, sổ sách liên quan đến những cá nhân được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước 2020, 2021, 2022, 2023; 1.12.02- Danh sách và quyết định nhà*

giáo, viên chức được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp nặng nhọc, độc hại các năm 2020; 2021; 2022; 2023)

Hàng năm, trường đã thực hiện lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên giảng viên về Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đến nay, Nhà trường đang có 95 giáo viên tham gia giảng dạy đều đảm bảo tiêu chuẩn của giáo viên theo điều lệ trường cao đẳng (3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc các năm 2020; 2021; 2022, 2023; 3.3.02: Hồ sơ quản lý nhà giáo; CBQL; viên chức, người lao động).
Cụ thể:

Năm học 2021-2022

- **Nhà giáo giảng dạy môn chung:** 12 GV cơ hữu và 01 GV kiêm nhiệm; tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: gồm 1 tiến sỹ triết học; 04 Thạc sỹ, và 08 Đại học.

+ Su phạm: Gồm có: 13 có Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: Gồm có các trình độ: 03 CN; 01 chứng chỉ B2; 01 chứng chỉ B1; 08 chứng chỉ B.

+ Tin học: Gồm có: 02 Thạc sỹ; 04 CN; 07 chứng chỉ B

- **Nhà giáo giảng dạy chuyên môn:**

+Khoa Kinh tế: Tổng số 14 GV

Tổng số là 14 GV cơ hữu, 01 kiêm giảng được bố trí 09 GV giảng dạy lý thuyết, 05 GV giảng dạy tích hợp; 13/15 GV đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: Gồm 01 Tiến sỹ; 10 Thạc sỹ chuyên ngành; 02 Đại học; 01 Cao đẳng

+ Kỹ năng nghề bao gồm: 05 Cao đẳng nghề Kỹ thuật chế biến món ăn; còn 09 GV chưa sát hạch chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 03 (vì một số nghề chưa có đơn vị nào tổ chức sát hạch (nghề đặc thù).

+ Su phạm: 14 Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: 07 chứng chỉ B1; 06 chứng chỉ B; 01 chứng chỉ C

+ Tin học: Gồm 14 chứng chỉ B

+Khoa Chăn nuôi thú y: Tổng số 06 GV

Tổng số là 06 GV, được bố trí 03 GV giảng dạy lý thuyết, 03 GV giảng dạy tích hợp; tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: Gồm 06 Thạc sỹ chuyên ngành;

+ Kỹ năng nghề bao gồm: 03 Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề Thú y; còn 03 GV chưa sát hạch chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 03 (vì nghề Chăn nuôi chưa có đơn vị nào tổ chức sát hạch (nghề đặc thù).

+ Su phạm: 06 Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: 05 chứng chỉ B1; 01 B2

+ Tin học: Gồm 06 chứng chỉ Tin học UDCB

+Khoa Lâm nghiệp: Tổng số 14 GV

Tổng số là 14 GV cơ hữu, 11 kiêm giảng

được bố trí 01 GV giảng dạy lý thuyết, 22 GV giảng dạy tích hợp;

+ Trình độ chuyên môn: Gồm 05 Tiến sỹ; 02 NCS; 16 Thạc sỹ chuyên ngành; 02 Đại học;

+ Kỹ năng nghề bao gồm: 06 Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề Điện công nghiệp; 16 Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề Lâm nghiệp; còn 03 GV chưa sát hạch chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 03 vì một số nghề chưa có đơn vị nào tổ chức sát hạch (nghề đặc thù).

+ Su phạm: 25 Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: 02 chứng chỉ B2; 22 chứng chỉ B; 01 chứng chỉ A

+ Tin học: Gồm 25 chứng chỉ B

+Khoa Nông học: Tổng số 11 GV

Tổng số là 10 GV cơ hữu; được bố trí 08 GV giảng dạy lý thuyết, 02 GV giảng dạy tích hợp;

+ Trình độ chuyên môn: Gồm 01 Tiến sỹ; 01 NCS; 07 Thạc sỹ chuyên ngành; 01 Đại học;

+ Kỹ năng nghề bao gồm: 02 Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề Lâm nghiệp; còn 08 GV chưa sát hạch chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 03 (vì một số nghề chưa có đơn vị nào tổ chức sát hạch (nghề đặc thù).

+ Su phạm: 10 Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: 10 chứng chỉ B

+ Tin học: Gồm 10 chứng chỉ B

Đối chiếu với các quy định trong Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH thì đội ngũ các nhà giáo dạy nghề trình độ trung cấp, cao đẳng của trường tham gia giảng dạy đều đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ SPDN, Kỹ năng nghề, tiếng Anh, Tin học theo qui định. (3.3.03- Báo cáo trình độ chuyên môn nhà giáo; CBQL; viên chức, người lao động). Tuy nhiên, một số ngành nghề của trường chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề do chưa có cơ quan tổ chức sát hạch nghề đặc thù nên tiêu chuẩn này của Trường không đạt

Hàng năm, trường đã thực hiện lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên giảng viên về đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên của Trường có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; có trình độ chuyên môn, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động của Trường như: giảng viên đã thực hiện giảng dạy theo đúng nội dung, chương trình đào tạo ban hành; biên soạn giáo trình, bài giảng phục vụ giảng dạy học tập theo sự phân công của Trường, khoa, bộ môn; cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Trường không ngừng bồi dưỡng nghiệp vụ, cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo (1.1.03- Quyết định số 654/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Nông

Lâm Đông Bắc; 3.4.01- Nội quy, quy định của Trường cao đẳng Nông lâm Đông bắc) (3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc các năm 2020; 2021; 2022; 2023; 3.3.02: Hồ sơ quản lý nhà giáo; CBQL; viên chức, người lao động).

CBGV được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo các chế độ chính sách quy định; được hưởng các chế độ nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước và được nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ thường niên theo quy định của Nhà nước và Luật Lao động. Bên cạnh đó, CBGV được tham gia NCKH, được cử đi đào tạo và bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được nâng lương thường xuyên hàng năm, nâng lương trước hạn theo đúng quy định của Nhà nước và Trường. Ngoài ra, các cá nhân, tập thể CBGV được xét tặng danh hiệu thi đua hàng năm. Đây là một trong khuyến khích tinh thần có giá trị tạo động lực cho toàn thể CBGV và nhân viên Trường trong hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền lợi của mình, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường luôn chịu sự giám sát của các cấp quản lý về chất lượng, nội dung và phương pháp thực hiện. Hàng năm, công tác đánh giá, phân loại công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, viên chức luôn được nhà trường quan tâm đúng mực. (3.2.10- Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020; 2021; 2022; 2023)(3.4.02-Biên bản đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020; 2021; 2022; 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ, nhà giáo đảm bảo tỉ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỉ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở của thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề, nhà trường đã xây dựng quy định về chế độ làm việc của giáo viên hàng năm (1.3.06- QĐ số 62/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 02/02/2018; QĐ số 31/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 12/1/2022; QĐ số 712/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 30/10/2023 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy)

Để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng và số lượng nguồn nhân lực cho công tác đào tạo của nhà trường, trong những năm qua, trường đã xây dựng đội ngũ

giảng viên đảm bảo đủ số lượng và chuẩn về chất lượng, đảm bảo về tỉ lệ quy đổi thông qua việc tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên của nhà trường. Do vậy, quá trình thực hiện công tác giảng dạy của nhà trường hàng năm đã thực hiện đúng các chế độ làm việc của giáo viên, trong đó giáo viên cơ hữu có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/2 số giờ tiêu chuẩn; giáo viên kiêm chức có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/3 số giờ tiêu chuẩn. (3.3.01 - *Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc năm học 2021-2022; 2022-2023*)

Hàng năm, phòng Đào tạo đều xây dựng đầy đủ kế hoạch đào tạo từng nghề, từng học kỳ. Trên cơ sở đó nhà trường đã có thời khóa biểu các môn học, mô đun theo tuần cho các lớp học tại trường và có kế hoạch giảng dạy từng giai đoạn cho các lớp đặt tại các điểm liên kết. (2.4.02 - *Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.03-Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.04-Kế hoạch giảng dạy của nhà giáo năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*)

Với số lượng học sinh các năm học, nhà trường đã biên chế thành các lớp theo nhóm nghề và cấp trình độ đào tạo theo đúng qui định, đảm bảo lớp học lý thuyết không quá 35 HSSV, lớp học thực hành không quá 18 HSSV đối với nghề bình thường. Hiện nay, đội ngũ giáo viên của nhà trường đã quy đổi là: năm 2020-59.9; 2021-54.1; 2022-56.1; 2303-55.1. Như vậy cho thấy cho thấy tỷ lệ quy đổi nhỏ hơn 25 HSSV/1giáo viên phù hợp với quy định tại thông tư số 29/2011/TT-BLĐT BXH ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ LĐT B & XH.

TT	Năm học	Nhà giáo quy đổi	Học sinh quy đổi	Tỷ lệ HS/NG quy đổi
1	2020	59.9	1390	23.2
2	2021	54.1	1221	22.6
3	2022	56.1	1299	23.2
4	2023	55.1	505	9.2

(Số liệu thống kê tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo)

(3.5.01 – *Danh sách người học từng lớp thể hiện số người học lý thuyết, số người học thực hành các năm 2020; 2021; 2022; 2023*) ; 3.5.02- *Bảng tổng hợp giờ giảng nhà giáo các năm 2020; 2021; 2022; 2023; 3.5.03- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo các năm 2020; 2021; 2022; 2023; 3.5.04-Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi*

người học/ nhà giáo các năm 2020; 2021; 2022; 2023; 3.5.05- Biên bản thanh kiểm tra đối với đội ngũ nhà giáo (bao gồm cả đối với giáo viên dạy chuyên ngành riêng 2020; 2021; 2022; 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào KH đào tạo chung của nhà trường, các khoa chuyên môn xây dựng KH giáo viên theo từng học kỳ, từng năm học. Nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, tập thể giáo viên, giảng viên của trường đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của CTĐT và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của CTĐT. (2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành các năm 2019;2021;2023)

Đội ngũ giáo viên thực hiện giảng dạy theo đúng nội dung, chương trình được quy định, cụ thể như số giờ lên lớp của chương trình, có giáo án đầy đủ, thực hiện đầy đủ quy định biểu mẫu như: Sổ ghi chép, Sổ tay lên lớp,... thực hiện đúng theo kế hoạch đào tạo của nhà trường theo biên chế năm học được xây dựng hàng năm (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.03-Tiến độ đào tạo các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.04-Kế hoạch giảng dạy của nhà giáo năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.05-TKB các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.06-Sổ lên lớp các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.07-Giáo án, sổ tay các lớp năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc các năm 2020; 2021; 2022; 2023)

Định kì các bộ môn đều tiến hành dự giờ đối với giảng viên để đánh giá năng lực và chất lượng bài giảng. Ngoài ra, Kiểm định-KHHTQT là đơn vị tham mưu, tổ chức các buổi dự giờ đột xuất đối với tất cả các nhà giáo. Sau mỗi buổi dự giờ, nhà trường đều tiến hành lập biên bản dự giờ và lưu hồ sơ. Qua các buổi dự giờ định kì và thường xuyên cho thấy các giảng viên đa phần đều thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và đảm bảo yêu cầu chất lượng của tiết giảng (2.6.03- Biên bản kiểm tra, giám sát, dự giờ các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2021, 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhà giáo chính là cơ sở để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Nhận thức được tầm quan trọng của việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhà giáo nên nhà trường luôn có những chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho nhà giáo, cán bộ tham gia học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ; nhà giáo tham gia học tập, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được nhà trường áp dụng chế độ giảm khối lượng giờ giảng đối với học tập nâng cao trình độ trong năm học theo quy định

(1.3.07- Quyết định số 615/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 12/09/2019 về Quy chế đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức; 1.3.06- QĐ số 62/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 02/02/2018; QĐ số 31/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 12/1/2022; **QĐ số 712/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 30/10/2023** về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; 3.2.07- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020; 2021; 2022, 2023; 3.2.09 - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của Trường năm 2020; 2021; 2022; 3.7.01-Báo cáo nhu cầu bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy các năm 2020; 2021; 2022)

Để có căn cứ điều chỉnh bổ sung cơ chế chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, Hàng năm, trường đã thực hiện lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên giảng viên về đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã có những quy định về các chế độ, chính sách tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ giáo viên tham gia học tập trong và ngoài nước. Trường đã có quy định rõ ràng cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của người tham gia hoạt động nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời trong các văn bản của Nhà trường có quy định về việc hỗ trợ tài chính cho nhà giáo tham gia học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ (*1.3.03: Quyết định số 212/QĐ-CDNLDB-TCKT ngày 19 tháng 4 năm 2022; Quyết định số 226/QĐ-CDNLDB-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023*)

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên, giáo viên (*3.2.07- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020; 2021; 2022; 2023*). Thông qua đó, mỗi giáo viên sẽ đăng ký những nội dung mà bản thân muốn học tập, bồi dưỡng. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, các khoa, bộ môn căn cứ nhiệm vụ cụ thể của khoa, số lượng giáo viên từng khoa và kế hoạch của khoa để cử từng đối tượng giáo viên tham gia khóa đào tạo hay bồi dưỡng (*3.2.08 - Các quyết định cử giáo viên đi học tập, bồi dưỡng năm 2020;2021; 2022; 2023; 3.8.01- Bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận, hình ảnh các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn năm 2020; 2021; 2022; 2023; 3.8.02- Báo cáo kết thúc chương trình học tập cá nhân/nhóm các năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Sau mỗi năm học, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên thường được tổng kết đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học (*3.2.09 - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của Trường năm 2020; 2021; 2022*)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, giáo viên đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định bắt buộc và được bố trí 4 tuần/năm. Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc có các chế độ chính sách hỗ trợ nhà giáo thực hiện việc đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động (*3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc các năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Hàng năm, phòng Đào tạo kết hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức cho giáo viên có thời gian đến các đơn vị sử dụng lao động; đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ, ngoài việc quản lý, hướng dẫn người học tại nơi thực tập, giáo viên còn có cơ hội thâm nhập thực tế rèn luyện kỹ năng nghề; bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức sản xuất (3.9.01 - Công văn đi thực tế các năm 2020; 2021; 2022, 2023; 3.9.02-Kế hoạch nhà giáo đi đào tạo, bồi dưỡng tại vị sử dụng lao động của nhà trường năm 2020; 2021; 2022;2023; 3.9.03-Các Quyết định nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất năm 2020; 2021; 2022; 2023 và DS kèm theo)

Sau mỗi đợt thực tập, Giáo viên đều có báo cáo kết quả thực tập có ý kiến đánh giá kết quả rèn nghề của cán bộ tại đơn vị mà nhà giáo (3.9.04- Báo cáo kết quả có xác nhận của doanh nghiệp về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập và hình ảnh tại đơn vị sử dụng lao động các năm 2020; 2021; 2022, 2023)

Hàng năm, trường đã thực hiện lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên giảng viên về bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022, 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đánh giá hiệu công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo, Trường tiến hành tổng kết thông qua các báo cáo tổng kết hàng năm (3.2.09 - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của Trường năm 2020; 2021; 2022)

- Đến nay, Đội ngũ giáo viên, giảng viên trong Nhà trường hiện có 95 người trong đó có 09 Tiến sĩ; 59 người có trình độ Thạc sĩ, 30 Đại học; 01 Nghiên cứu sinh; 100% giáo viên, giảng viên đạt chuẩn giảng dạy bậc Cao đẳng và Đại học

Nhìn chung nhà trường rất quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo và hàng năm, Nhà trường đều thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.(3.7.01-Báo cáo nhu cầu bồi dưỡng nâng

cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy các năm 2020; 2021; 2022)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, Ban lãnh đạo trường, gồm 01 Đồng chí Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng. Ban Giám hiệu được bổ nhiệm đảm bảo các tiêu chuẩn theo Điều lệ trường cao đẳng: phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; đã qua tham gia quản lý giáo dục, có học vị tiến sĩ, có trình độ cao cấp chính trị; trình độ quản lý nhà nước, tuổi đời bổ nhiệm dưới 55 tuổi (3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc năm học 2020, 2021, 2022, 2023; 3.3.02: Hồ sơ quản lý nhà giáo).

Đồng chí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng trường, là người chịu trách nhiệm trực tiếp, quản lý và điều hành mọi hoạt động của Trường theo các quy định, thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm được giao theo đúng quy định Điều lệ trường Cao đẳng và các quy chế đã được xây dựng và phê duyệt (1.1.03- Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc; Quyết định 654/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường). Ban giám hiệu đã thống nhất, Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban giám hiệu phụ trách các mảng công tác của trường. (3.11.01- Quyết định phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu)

Ban lãnh đạo ý thức rõ trách nhiệm, quyền hạn, đoàn kết quy tụ được sức mạnh của tập thể sư phạm, giúp nhà trường từng bước phát triển theo mục tiêu, nhất là việc duy trì và mở rộng quy mô đào tạo, bồi dưỡng; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên; đầu tư sửa chữa, bổ sung trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động dạy và học, xây dựng cảnh quang môi trường xanh, sạch, đẹp. Ban giám hiệu đều là ủy viên BCH Đảng bộ. Chính vì vậy, mọi chủ trương đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp đều được quán triệt, học tập và cụ thể hóa vào hoạt động của nhà trường. Hàng năm, Ban giám hiệu đều được cấp có thẩm quyền quản lý đánh giá, xếp loại là Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và có nhiều giấy khen các cấp (3.2.10- Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020; 2021; 2022;

3.4.02-Biên bản đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020; 2021; 2022; 2023; 3.11.02- Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức của cấp trên đối với BGH các năm; 1.5.02- Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường năm 2020;2021;2022; 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường đã xác định rõ nhiệm vụ, chức năng và trách nhiệm của từng đơn vị trực thuộc Trường. Nhằm triển khai thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, nhà trường luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, có phẩm chất tốt của một người lãnh đạo từ Ban Giám Hiệu, Trưởng khoa, phòng, trung tâm, bộ môn (1.1.03- Quyết định số 653/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc; Quyết định 654/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; 3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc năm học 2020, 2021,2022, 2023)

Trong những năm qua, công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý của nhà trường đã được Đảng ủy và Ban giám hiệu quan tâm thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo tính nguyên tắc và dân chủ nhằm tạo ra đội ngũ cán bộ kế cận có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng được yêu cầu quản lý trong nhà trường qua các giai đoạn. Các vị trí quản lý luôn được lãnh đạo nhà trường rà soát, lập quy hoạch, bổ sung quy hoạch nguồn hàng năm đảm bảo có sự kế thừa kinh nghiệm, công tác chuyên môn độ tuổi (3.12.01- Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ quản lý; 3.2.05- Các quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý của trường các năm 2020; 2021; 2022; 2023)

Cán bộ được quy hoạch và bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong nhà trường phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ, trường đã được Đảng ủy và Ban giám hiệu quan tâm thực hiện hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao và có uy tín đối với CBCNV. Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đều là những cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường, quan điểm vững vàng, tích cực thực hiện đổi mới trong công tác quản lý, lãnh đạo theo tinh thần Nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời tích cực tự

học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng ngày một tốt hơn chức trách, nhiệm vụ được giao.

Để có căn cứ đánh giá, nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường, hàng năm, nhà trường xây dựng KH khảo sát lấy ý kiến của các cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với hoạt động của Nhà trường. (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong 3 năm gần đây tất cả (100%) cán bộ quản lý đạt chuẩn chuyên môn và nghiệp vụ theo quy định trong Điều lệ trường cao đẳng. Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, trình độ về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước đúng qui định; có kinh nghiệm trong công tác quản lý, lãnh đạo (3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc năm học 2020, 2021, 2022, 2023; 3. 3.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Nhà trường).

Nhiệm vụ và quyền hạn của đội ngũ cán bộ quản lý được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động trường. Kết quả phân loại cán bộ viên chức hàng năm cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý của trường có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị trong Trường. (1.5.01-Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm 2020; 2021; 2022; 1.5.02 – Báo cáo tổng kết của trường năm 2020, 2021, 2022; 3.2.10- Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020; 2021; 2022; 3.4.02-Biên bản đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020; 2021; 2022; 3.13.01- Bảng thống kê số lượng CBQL của Nhà trường). Cụ thể:

Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
	Số lượng CBQL	Số lượng CBQL	Số lượng CBQL

Đào tạo	02	03	03
Công tác SV	02	2	02
KĐ-KHHTQT	01	1	01
TC-KT	01	1	01
QLTB&ĐT	01	1	01
Khoa KHCB	02	2	02
Khoa CNTY	01	1	01
TCHC	01	1	01
Khoa Lâm nghiệp	01	02	02
Khoa Nông học	01	01	01
Khoa KT-DL	02	02	02
TT ĐTTX	02	02	02
Tổng số	18	20	20

Nguồn: Phòng TCCB

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã có những quy định về các chế độ, chính sách tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho CBQL tham gia học tập trong và ngoài nước. Trường đã có quy định rõ ràng cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của người tham gia hoạt động nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời trong các văn bản của Nhà trường có quy định về việc hỗ trợ tài chính cho CBQL tham gia học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Vào đầu năm học các phòng Khoa, Trung tâm đều có kế hoạch đăng ký tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Nhà trường lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý về chuyên môn nghiệp vụ và thông qua hội nghị cán bộ viên chức (3.2.07- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020; 2021;

2022; 2023; 3.2.08 - Các quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng năm 2020;2021; 2022; 2023)

Sau mỗi khóa học đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ quản lý được cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc chứng nhận và gửi lưu tại hồ sơ cán bộ. (3.8.01- Bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận, hình ảnh các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn năm 2020; 2021; 2022; 2023; 3.8.04 - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường năm 2020; 2021; 2022).

Hàng năm, trường đã thực hiện lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên giảng viên về kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý. (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại, nhà trường có 132 cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ hữu. Đội ngũ viên chức, người lao động được nhà trường bố trí nhiệm vụ phù hợp cơ bản đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu (3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc năm học 2020, 2021,2022, 2023; 3. 3.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Nhà trường).

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường, công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức trong thời gian tới trường xây dựng KH định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ viên chức. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được các đơn vị đưa vào kế hoạch hoạt động của đơn vị, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm từng đơn vị trong năm học (3.2.07- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020; 2021; 2022; 2023; 3.2.08 - Các quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng năm 2020;2021; 2022; 2023)

Sau mỗi năm học, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cho đội ngũ viên chức, người lao động thường được tổng kết đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học (3.8.01- Bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận, hình ảnh các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn năm 2020;

2021; 2022, 2023; 3.8.02- Báo cáo kết thúc chương trình học tập cá nhân/nhóm các năm 2020; 2021; 2022, 2023; 3.8.04 - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường năm 2020; 2021; 2022; 1.5.01-Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm 2020; 2021; 2022; 1.5.02 – Báo cáo tổng kết của trường năm 2020, 2021, 2022; 3.2.10- Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020; 2021; 2022; 3.4.02- Biên bản đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020; 2021; 2022)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Chương trình đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Chương trình đào tạo có nội dung đáp ứng được yêu cầu của đơn vị dụng lao động, phù hợp với nhu cầu của người học sẽ là điều kiện tiên quyết để tạo thuận lợi cho công tác tuyển sinh hàng năm của trường

***Những điểm mạnh**

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các quy định, sứ mạng của nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể chương trình đào tạo. Các môn học/mô đun trong chương trình đào tạo đảm bảo tính logic, hợp lý. Đề cương chi tiết của các môn học/mô đun được xây dựng theo quy định của thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội - Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Tỷ lệ số giờ lý thuyết, thực hành theo quy định của thông tư phù hợp với hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho người học.

Chương trình đào tạo luôn được cập nhật, bổ sung đổi mới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, trong đó nổi bật nhất là các ngành trọng điểm quốc gia, Asean và quốc tế, thể hiện sự gắn kết giữa chương trình đào tạo với thị trường lao động. Thực tế yêu cầu về chất lượng lao động của các đơn vị sử dụng lao động là cơ sở để xác định nội dung của chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo tốt thì hoạt động đào tạo có chất lượng cao, cung cấp lại cho đơn vị sử dụng lao động đội ngũ lao động có tay nghề cao, chất lượng hiệu quả tốt khi làm việc.

Giáo trình và tài liệu giảng dạy đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương

pháp dạy học tích cực; định kỳ có ý kiến đóng góp xây dựng của giáo viên và HSSV, cán bộ quản lý doanh nghiệp để điều chỉnh nội dung của giáo trình.

Giáo trình biên soạn đều lấy ý kiến đóng góp của giáo viên, chuyên gia một số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, HSSV đáp ứng yêu cầu về nội dung và đổi mới phương pháp dạy học.

Trong 2 năm gần đây, Nhà trường đã tiến hành đánh giá ngoài 2 chương trình đào tạo nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi thú y. Kết quả là đã đạt kiểm định chất lượng và có giấy chứng nhận về kiểm định chất lượng.

*** Những tồn tại**

Nhà trường chưa thu thập được nhiều ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia từ các doanh nghiệp sản xuất về chương trình đào tạo ở một số nghề.

Các giáo trình do cán bộ và giảng viên của nhà trường biên soạn còn ít, đặc biệt là giáo trình của các môn học/học phần trong chương trình đào tạo ở bậc cao đẳng. Chính vì vậy, nhà trường đã phải lựa chọn giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học/học phần từ các cơ sở giáo dục và đào tạo khác.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Định kỳ thực hiện rà soát, hoàn thiện các chương trình đào tạo, bảo đảm tính liên thông hợp lý hơn giữa các trình độ. Chú trọng việc mời các chuyên gia từ bên ngoài tham gia xây dựng, biên soạn, chỉnh sửa chương trình đào tạo.

Đẩy mạnh việc đưa các chương trình đào tạo của nhà trường lên website www.afcdongbac.edu.vn, đồng thời xây dựng chuyên mục lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo trên website để các nhà tuyển dụng lao động, cựu HSSV, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác có điều kiện thuận lợi đóng góp ý kiến về các chương trình đào tạo của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	14
<i>Tiêu chuẩn 4.1</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.2</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.3</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.4</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.5</i>	1

<i>Tiêu chuẩn 4.6</i>	0
<i>Tiêu chuẩn 4.7</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.8</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.9</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.10</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.11</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.12</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.13</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.14</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 4.15</i>	1

Tiêu chuẩn 4.1: *Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN hiện nay, nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo 12 nghề trình độ cao đẳng; 19 nghề trình độ trung cấp; 18 nghề trình độ sơ cấp. (1.1.06- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHHGDNN số 18/2020/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 04/2/2020; 2.1.01-Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm 2020, 2021, 2022, 2023).

Các nghề đào tạo của trường có đầy đủ CTĐT, đã được Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định phê duyệt, ban hành phù hợp với chuẩn đầu ra và danh mục ngành, nghề trình độ đào tạo phù hợp với Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ LĐTBXH ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (2.1.02- Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2019, 2021, 2023; 4.1.01- Danh sách thống kê CTĐT năm 2019; 2021; 2023; 2.5.01-Quyết định 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023) (2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: *100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ ngày 1/1/2017 trường chịu sự quản lý về chuyên môn và hoạt động theo điều lệ trường Cao đẳng theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Tháng 3/2017, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1 tháng 3 năm 2017, Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng. Căn cứ vào đó, năm 2018 Trường xây dựng quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo (4.2.01 – *Quyết định số 648/QĐ-CDNLDB-KTĐBCL ngày 20/0/2018 về việc ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo Quy trình*).

Quy trình xây dựng, chỉnh sửa chương trình gồm 14 bước: (1)Xác định yêu cầu, (2)Phân công giáo viên, chuyên gia xây dựng CT, (3)Xây dựng kế hoạch, (4)Phê duyệt, (5)Tập huấn triển khai kế hoạch, (6)Thiết kế chương trình, (7)Biên soạn chương trình, (8)Hội thảo xin ý kiến góp ý, (9)Hoàn chỉnh dự thảo CT (10)Thành lập hội đồng thẩm định, (11)thẩm định chương trình, (12)Điều chỉnh theo yêu cầu của HĐĐTĐ (13)Ban hành CT; (14)Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ.

Năm 2018 đến 2023 để đáp ứng sự thay đổi của công nghệ, nhu cầu lao động, Trường đã thực hiện 3 lần rà soát, điều chỉnh cập nhật bổ sung CTĐT cụ thể:

Phòng Đào tạo tham mưu xây dựng Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng (4.2.02- *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn CTĐT các cấp năm 2018, 2020, 2022; 4.2.03- Quyết định về việc thành lập Ban rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2018, 2020, 2022*).

Phòng đào tạo chủ trì triển khai kế hoạch, gửi thông báo rà soát, đánh giá CTĐT tới các khoa, bộ môn phụ trách thực hiện CTĐT. Các khoa căn cứ kế hoạch chung, thông báo báo rà soát, đánh giá CTĐT, triển khai rà soát, đánh giá CTĐT. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá CTĐT, các khoa đề nghị, đề xuất các nội dung cần chỉnh sửa, điều chỉnh (4.2.04- *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn CTĐT cấp khoa năm 2018, 2020, 2022; 4.2.05- Biên bản nghiệm thu CTĐT cấp khoa năm 2018, 2020, 2022*).

Sau khi tổ biên soạn tiến hành xây dựng, chỉnh sửa CTĐT theo nội dung được phân công, phòng Đào tạo chủ trì tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, nhà sử dụng

lao động, cán bộ quản lý để góp ý, hoàn thiện cho CTĐT (4.2.06- *Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và bản nhận xét đánh giá của chuyên gia năm 2018, 2020, 2022*). Sau khi nhận được các ý kiến góp ý của chuyên gia trong hội thảo, Phòng đào tạo tổng hợp, lên kế hoạch tổ chức thẩm định CTĐT toàn trường. Phòng đào tạo tham mưu hiệu trưởng thành lập các Hội đồng thẩm định CTĐT đối với các nghề. Quy trình thẩm định CTĐT thực hiện theo Điều 7 của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH (4.2.07- *Quyết định về việc thành lập hội đồng thẩm định CTĐT các hệ ngành TC năm 2018; 2020; 2022; 4.2.08-Biên bản họp thẩm định; bản nhận xét, phản biện đánh giá CTĐT năm 2019; 2021; 2023 (kèm theo phiếu thẩm định)*)

Quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT các ngành nghề đào tạo, có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ các đơn vị sử dụng lao động (4.2.09- *Danh sách CBQL, NG, ĐVSĐLĐ tham gia rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2019; 2021; 2023*)

Hiệu trưởng căn cứ kết quả thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm định đề ra quyết định ban hành CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng làm cơ sở đăng ký hoạt động GDNN và tổ chức đào tạo theo quy định (2.5.01-*Quyết định 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023; 2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023*). Nhà trường thực hiện báo cáo rà soát, chỉnh sửa theo quy định (4.2.10-*Biên bản rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.02.11- Báo cáo rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019; 2021; 2023*).

Như vậy, Nhà trường đã thực hiện xây dựng chương trình đào tạo theo đúng quy định của thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành.

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: *Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức; kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã ra Quyết định ban hành CTĐT, trong đó bao gồm chương trình chi tiết mô-đun, môn học. Trong từng CTĐT đều thể hiện rõ mục tiêu đào tạo; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp theo quy định Thông

tư số 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội. (2.5.01-Quyết định 231/QĐ-CĐNLDB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CĐNLDB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CĐNLDB-ĐT ngày 20/3/2023; 2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023).

Khi xây dựng chương trình đào tạo, Trường đã xây dựng và có quyết định ban hành chuẩn đầu ra. Chuẩn đầu ra của chương trình trung cấp, cao đẳng đã quy định rõ các chuẩn đầu ra về: Kiến thức; Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp có thể đảm nhận; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Khi thực hiện chương trình đào tạo thì những học sinh tốt nghiệp ra trường phải đáp ứng được yêu cầu của chuẩn đầu ra đã được xây dựng (2.1.02-Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2019, 2021, 2023).

Trong Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, Trường đã quy định rõ (Bước 6) yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu thông qua thời lượng của chương trình phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2017/BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ LĐTBXH. Chương trình nêu rõ yêu cầu về năng lực người học thông qua mục tiêu đào tạo về: Kiến thức, Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm,... mà người học phải đạt được ở từng mô đun/môn học, quy định tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thực hành (4.1.01-Danh sách thống kê CTĐT năm 2019; 2021; 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: *Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định GTĐT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trường thành lập các Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn xây dựng, chỉnh sửa CTĐT; thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT các ngành nghề. Quy trình xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thực hiện theo Điều 6 của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017; Quy trình thẩm định CTĐT thực hiện theo Điều 7 của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 (4.2.02- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên

soạn CTĐT các cấp năm 2018, 2020, 2022; 4.2.03- Quyết định về việc thành lập Ban rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2018, 2020, 2022; 4.2.05- Biên bản nghiệm thu CTĐT cấp khoa năm 2018, 2020, 2022; 4.2.06- Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và bản nhận xét đánh giá của chuyên gia năm 2018, 2020, 2022; 4.2.07- Quyết định về việc thành lập hội đồng thẩm định CTĐT các hệ ngành TC năm 2018; 2020; 2022; 4.2.08-Biên bản họp thẩm định; bản nhận xét, phản biện đánh giá CTĐT năm 2019; 2021; 2023 (kèm theo phiếu thẩm định))

100% chương trình đào tạo của Trường khi xây dựng, chỉnh sửa, thẩm định đều có sự tham gia của các bên liên quan: 100% nhà giáo cơ hữu đã giảng dạy chuyên môn ngành/nghề của Nhà trường đều tham gia vào quá trình xây dựng hoặc góp ý hoặc thẩm định chương trình đào tạo, mỗi CTĐT mỗi ngành nghề đều có sự tham gia của ít nhất 01 cán bộ quản lý GDNN, 01 cán bộ của đơn vị sử dụng lao động, các nhà giáo chuyên môn đến từ các cơ sở đào tạo (4.2.09- Danh sách CBQL, NG, ĐVSĐLĐ tham gia rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2019; 2021; 2023; 2.5.01-Quyết định 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023; 2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023).

Hàng năm, trường tổ chức lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý và đơn vị sử dụng lao động thông qua hình thức phát phiếu khảo sát để đánh giá sự hài lòng về các CTĐT của nhà trường. (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: *Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng thị trường lao động trên địa bàn Quảng Ninh và cả nước, Nhà trường xác định Chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển về Nông, Lâm nghiệp của địa phương và đất nước. Từ năm 2018 đến nay trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh, xây dựng CTĐT 03 lần vào các năm 2018; 2020; 2022; và trong tất cả các đợt rà soát, điều chỉnh CTĐT nhà trường đều xem xét tính thực tiễn và đáp ứng của CTĐT với

sự thay đổi của thị trường, điều này thể hiện rất rõ trong các biên bản tổng hợp các ý kiến góp ý của các chuyên gia về CTĐT, các biên bản thẩm định CTĐT năm 2019, 2021, 2023. (4.2.02- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn CTĐT các cấp năm 2018, 2020, 2022; 4.2.03- Quyết định về việc thành lập Ban rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2018, 2020, 2022; 4.2.05- Biên bản nghiệm thu CTĐT cấp khoa năm 2018, 2020, 2022; 4.2.06- Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và bản nhận xét đánh giá của chuyên gia năm 2018, 2020, 2022; 4.2.07- Quyết định về việc thành lập hội đồng thẩm định CTĐT các hệ ngành TC năm 2018; 2020; 2022; 4.2.08- Biên bản họp thẩm định; bản nhận xét, phản biện đánh giá CTĐT năm 2019; 2021; 2023 (kèm theo phiếu thẩm định))

Quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT các ngành nghề đào tạo, có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ các đơn vị sử dụng lao động (4.2.09- Danh sách CBQL, NG, ĐVSĐLD tham gia rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2019; 2021; 2023)

Hiệu trưởng căn cứ kết quả thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm định đề ra quyết định ban hành CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng làm cơ sở đăng ký hoạt động GDNN và tổ chức đào tạo theo quy định (2.5.01- Quyết định 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023; 2.5.02- Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023).

Hàng năm, trường đã thực hiện lấy ý kiến của sinh viên, cán bộ, giáo viên giảng về chương trình phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ đào tạo (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi xây dựng, điều chỉnh CTĐT cho các nghề, Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn tạo luôn bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác theo quy định nhằm tạo điều kiện cho người học có thể nâng cao trình độ chuyên

môn của mình một cách thuận lợi. Khi xây dựng chương trình đào tạo cũng như chương trình môn học/mô đun đều có một số mô đun, môn học là kiến thức cơ sở ngành để HSSV sau khi học xong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng có thể học tiếp ở bậc học cao hơn. (2.16.01- *Quyết định quy chế đào tạo liên thông từ TC-CD năm 2019*). Hàng năm nhà trường có kế hoạch và thông báo tuyển sinh liên thông từ trung cấp lên cao đẳng các ngành nghề đào tạo. Nhà trường ban hành quyết định trúng tuyển kèm theo danh sách trúng tuyển hệ liên thông, đồng thời tiến hành rà soát các mô đun, môn học mà người học chương trình liên thông từ trung cấp lên cao đẳng (4.6.01-*Kế hoạch xây dựng và rà soát CTĐT liên thông TC lên CD 2020; 2022*) (4.6.02-*Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/ rà soát CTĐT liên thông năm 2020; 2022*; 4.6.03- *Biên bản nghiệm thu CTĐT liên thông cấp khoa năm 2020; 2022*; 4.6.04-*Kế hoạch hội thảo; BB hội thảo; bản nhận xét 2020; 2022*; 4.6.05- *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT 2020; 2022*; 4.6.06-*Biên bản thẩm định, bản nhận xét 2020; 2022*; 2.16.02- *Quyết định về ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng của Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc năm 2020;2022 kèm bộ CTĐT*; 2.16.03- *Kế hoạch, thông báo tuyển sinh liên thông năm 2021*)(2.16.05- *Bộ CTĐT liên thông từ TC-CD năm 2021, 2022, 2023*)

Hiện tại các nghề TC; CD của trường chưa có cơ sở giáo dục đại học nào công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và kỹ năng đã tích lũy tích lũy của người học được miễn trừ khi học CTĐT liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành; do không có nhu cầu của người học nên Trường chưa triển khai công việc này

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2018 đến nay, nhà trường thực hiện 03 đợt rà soát chỉnh sửa CTĐT các ngành trình độ trung cấp, cao đẳng vào các năm 2019 , 2021 và năm 2023, đảm bảo 100% CTĐT được rà soát, đánh giá và đảm bảo ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với CTĐT đã ban hành, cụ thể: Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh 8 CTĐT Cao đẳng, 15 CTĐT Trung cấp nhằm đáp ứng sự thay đổi của công nghệ, nhu cầu lao động, Trường đã thực hiện 3 lần rà soát, điều chỉnh cập nhật bổ sung CTĐT.

Phòng Đào tạo tham mưu xây dựng Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng (4.2.02- *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh,*

biên soạn CTĐT các cấp năm 2018, 2020, 2022); 4.2.03- Quyết định về việc thành lập Ban rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2018, 2020, 2022)

Phòng đào tạo chủ trì triển khai kế hoạch, gửi thông báo rà soát, đánh giá CTĐT tới các khoa, bộ môn phụ trách thực hiện CTĐT. Các khoa căn cứ kế hoạch chung, thông báo báo rà soát, đánh giá CTĐT, triển khai rà soát, đánh giá CTĐT. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá CTĐT, các khoa đề nghị, đề xuất các nội dung cần chỉnh sửa, điều chỉnh (4.2.04- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn CTĐT cấp khoa năm 2018, 2020, 2022; 4.2.05- Biên bản nghiệm thu CTĐT cấp khoa năm 2018, 2020, 2022)

Sau khi tổ biên soạn tiến hành xây dựng, chỉnh sửa CTĐT theo nội dung được phân công, phòng Đào tạo chủ trì tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, nhà sử dụng lao động, cán bộ quản lý để góp ý, hoàn thiện cho CTĐT (4.2.06- Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và bản nhận xét đánh giá của chuyên gia năm 2018, 2020, 2022). Sau khi nhận được các ý kiến góp ý của chuyên gia trong hội thảo, Phòng đào tạo tổng hợp, lên kế hoạch tổ chức thẩm định CTĐT toàn trường. Phòng đào tạo tham mưu hiệu trưởng thành lập các Hội đồng thẩm định CTĐT đối với các nghề. Quy trình thẩm định CTĐT thực hiện theo Điều 7 của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐT BXH (4.2.07- Quyết định về việc thành lập hội đồng thẩm định CTĐT các hệ ngành TC năm 2018; 2020; 2022; 4.2.08-Biên bản họp thẩm định; bản nhận xét, phản biện đánh giá CTĐT năm 2019; 2021; 2023 (kèm theo phiếu thẩm định))

Quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT các ngành nghề đào tạo, có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ các đơn vị sử dụng lao động (4.2.09- Danh sách CBQL, NG, ĐVSĐLĐ tham gia rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2019; 2021; 2023)

Hiệu trưởng căn cứ kết quả thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm định để ra quyết định ban hành CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng làm cơ sở đăng ký hoạt động GDNN và tổ chức đào tạo theo quy định (2.5.01-Quyết định 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023; 2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023). Nhà trường thực hiện báo cáo rà soát, chỉnh sửa theo quy định (4.2.10-Biên bản rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.02.11- Báo cáo rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019; 2021; 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: *Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi triển khai chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, Trường luôn chú trọng đến việc cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo, cũng như tham khảo các các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước

Từ năm 2018 đến nay, nhà trường thực hiện 03 đợt rà soát chỉnh sửa CTĐT các ngành trình độ trung cấp, cao đẳng vào các năm 2019, 2021 và năm 2023, theo đó các CTĐT mới ban hành cũng được cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo, đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn và các quy định mới của Bộ LĐTBXH. (2.5.01-Quyết định 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023; 2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023).

Trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa CTĐT, nhà trường tham khảo các CTĐT nước ngoài, các tài liệu khoa học để kịp thời cập nhật các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến đối với từng CTĐT, do đó, các CTĐT hiện nay của nhà trường đều được cập nhật mới theo quy định hiện hành và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến có liên quan ngành nghề đào tạo. (4.2.02- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn CTĐT các cấp năm 2018, 2020, 2022; 4.8.01-Những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật CTĐT 2018, 2020, 2022).

Các nội dung thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ, tiên tiến đã được cập nhật chi tiết trong các CTĐT và được thông qua hội thảo lấy ý kiến chuyên gia và thông qua hội đồng thẩm định theo quy định. (4.2.05- Biên bản nghiệm thu CTĐT cấp khoa năm 2018, 2020, 2022; 4.2.08-Biên bản họp thẩm định; bản nhận xét, phản biện đánh giá CTĐT năm 2019; 2021; 2023 (kèm theo phiếu thẩm định))

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: *Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo Cao đẳng liên thông gồm 7 ngành là: Điện công nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng; Kế toán danh nghiệp; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Khoa học cây trồng; Dịch vụ thú y; Thiết kế trang web. (2.16.01- *Quyết định quy chế đào tạo liên thông từ TC-CD năm 2019*; 2.16.02- *Quyết định về ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng của Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc năm 2020;2022 kèm CTĐT*).

Nhà trường đều căn cứ vào chương trình đào tạo và thực hiện rà soát các mô-đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học. Chương trình đào tạo tại trường luôn được xây dựng, điều chỉnh theo chương trình khung của Bộ Lao động-Thương binh & xã hội và theo mô-đun nên khi học CTĐT này, người học có thể liên thông một cách dễ dàng giữa các trình độ đào tạo. Khi liên thông từ bậc trung cấp lên cao đẳng cùng ngành thì chỉ cần bổ sung thêm một số mô-đun, môn học nâng cao. Còn đối với trường hợp liên thông ngang, người học muốn chuyên sang một ngành học khác cùng cấp trình độ thì được miễn các môn học, mô-đun đã học. Chương trình đào tạo liên thông được rà soát, điều chỉnh hằng năm phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu người học. (4.9.01- *Biên bản họp rà soát các mô-đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trung cấp lên cao đẳng năm 2020; 2022*; 4.9.02-*Quyết định về việc ban hành các mô-đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng các ngành*)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: *Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN hiện nay, nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo 12 nghề trình độ cao đẳng; 19 nghề trình độ trung cấp; 18 nghề trình độ sơ cấp.(1.1.06: *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHHGDNN số 18/2020/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 04/2/2020*) (2.5.01-*Quyết định 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày*

18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023; 2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023).

100% mô đun, môn học của Chương trình đào tạo của nhà trường có đủ giáo trình đào tạo. Đối với các môn chung như: giáo dục chính trị, pháp luật, tin học, tiếng anh, ... nhà trường sử dụng giáo trình do Bộ ban hành (4.10.01-Quyết định ban hành GTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.10.02-Bản in các GTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.10.03-Danh mục thống kê GTĐT năm 2019; 2021; 2023)(4.1.01-Danh sách thống kê CTĐT năm 2019; 2021; 2023)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào tạo, ở mỗi mô-đun, môn học đều có đủ giáo trình đào tạo, trong đó 100% được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Tháng 3/2017, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1 tháng 3 năm 2017, Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng. Căn cứ vào đó, năm 2018, trường đã xây dựng ban hành quy trình biên soạn, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình. (4.11.01-Quyết định số 649/QĐ-CDNLĐB-KTĐBCL ngày 20/08/2020 về ban hành quy trình biên soạn giáo trình; kèm theo Quy trình). Quy trình xây dựng, chỉnh sửa giáo trình gồm 12 bước: 1. Xác định yêu cầu, 2. Xây dựng kế hoạch, 3. Phê duyệt kế hoạch, 4. Tập huấn triển khai kế hoạch, 5. Thiết kế cấu trúc giáo trình, 6. Xin ý kiến góp ý về cấu trúc giáo trình, 7. Biên soạn giáo trình, 8. Hội thảo xin ý kiến, 9. Chỉnh sửa hoàn chỉnh dự thảo GT, 10. Thẩm định GT, 11. Ban hành GT, 12. Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ. (2.5.01-Quyết định 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/3/2023; (2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023).

Hệ thống Giáo trình trong Chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng của trường được sử dụng từ 2 nguồn:

Nguồn 1: Trường sử dụng các giáo trình do tổng cục GDNN ban hành (gồm có 6 giáo trình cho các môn học chung). Trường lựa chọn các giáo trình của Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Đối với loại này, việc lựa chọn giáo trình được thực hiện theo quy trình: (1) Khoa nghiên cứu đề xuất danh mục giáo trình lựa chọn, (2) Trường tổ chức thẩm định giáo trình, (3) Trường ban hành Quyết định sử dụng giáo trình lựa chọn. Những giáo trình được lựa chọn này nếu chưa khớp hoàn toàn với Chương trình MH/MĐ đã xây dựng thì Trường yêu cầu giảng viên biên soạn giáo trình sử dụng nội bộ trên cơ sở Giáo trình đã lựa chọn và các tài liệu tham khảo phù hợp với Chương trình MH/MĐ của chương trình đào tạo đã ban hành (4.11.02-*Quyết định lựa chọn 6 môn chung theo QĐ của Tổng cục GDNN năm 2018*)

Nguồn 2: Trường tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình (chủ yếu là các giáo trình sử dụng nội bộ) được thực hiện theo quy trình: (1) Khoa đề xuất danh mục giáo trình cần biên soạn và ban biên soạn giáo trình, (2) Trường thành lập ban biên soạn giáo trình, (3) Tổ chức biên soạn giáo trình, (4) Trường tổ chức thẩm định giáo trình, (5) Trường ban hành Quyết định sử dụng giáo trình đã biên soạn. (4.11.03 – *Kế hoạch lựa chọn/rà soát, điều chỉnh GTĐT các cấp trình độ năm 2019, 2021, 2023*.; 4.11.04- *QĐ V/v thành lập ban chủ nhiệm, tổ biên soạn lựa chọn/rà soát, điều chỉnh GTĐT các ngành trình độ TC, CĐ năm 2019, 2021, 2023*)

Phòng đào tạo chủ trì triển khai kế hoạch, gửi thông báo rà soát, đánh giá GTĐT tới các khoa, bộ môn phụ trách thực hiện GTĐT. Các khoa căn cứ kế hoạch chung, thông báo báo rà soát, đánh giá GTĐT, triển khai rà soát, đánh giá GTĐT. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá GTĐT, các khoa đề nghị, đề xuất các nội dung cần chỉnh sửa, điều chỉnh, biên soạn (4.11.05- *Biên bản nghiệm thu GTĐT cấp khoa năm 2019, 2021, 2023*)

Phòng đào tạo tham mưu, chủ trì tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, nhà sử dụng lao động để góp ý về cấu trúc GTĐT (4.11.06-*Kế hoạch tổ chức Hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về GTĐT năm 2019, 2021, 2023*)

Ban biên soạn đề nghị tổ biên soạn hoàn thiện dự thảo GTĐT sau khi nhận được các ý kiến góp ý của chuyên gia. Phòng đào tạo tổng hợp, lên kế hoạch tổ chức thẩm định GTĐT toàn trường. Phòng đào tạo tham mưu hiệu trưởng thành lập các Hội đồng thẩm định GTĐT. Quy trình thẩm định GTĐT thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH.(4.11.07- *QĐ v/v thành lập hội đồng*

thẩm định giáo trình đào tạo các hệ ngành CĐ, TC năm 2019, 2021, 2023; 4.11.8 - Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019, 2021, 2023)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: *Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các GTĐT của nhà trường được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong CTĐT. Các GTĐT trước khi ban hành được Hội đồng thẩm định kỹ lưỡng, bám sát với nội dung CTĐT các nghề nên đảm bảo về nội dung kiến thức và các kỹ năng cần có của từng mô đun, môn học; cập nhật các kiến thức, kỹ năng mới đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế. (1.1.06: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHHĐGDNN số 18/2020/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 04/2/2020; 4.10.01-Quyết định ban hành GTĐT năm 2019; 2021; 2023)

Khi biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, các nhà giáo của Khoa căn cứ mục tiêu của chương trình đào tạo của nghề để biên soạn giáo trình. Nội dung của giáo trình giải quyết vấn đề hình thành và nâng cao năng lực cho người học theo hướng đảm bảo các mục tiêu cần đạt được của chương trình đào tạo (4.10.02-Bản in các GTĐT năm 2019; 2021; 2023)

Căn cứ vào chương trình mô đun, môn học, Nhà trường đã biên soạn giáo trình trình độ TC; CĐ và đã được công bố trong chương trình đào tạo. Các giáo trình đã cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. Trong số đó có những Giáo trình được thực hiện triển khai theo phương pháp tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp cho sinh viên dễ nắm bắt, thực hiện đúng quy trình và nhớ được quy trình thực hiện các thao tác chuyên môn nghiệp vụ. (4.11.07- QĐ v/v thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo các hệ ngành CĐ, TC năm 2019, 2021, 2023; 4.11.8 - Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019, 2021, 2023)

Hàng năm, trường đã lấy ý kiến của nhà giáo, sinh viên về nội dung giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.13: *Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình các môn học mô đun do trường lựa chọn có đầy đủ nội dung, đề mục, chương, bài phù hợp với các nội dung đã quy định trong CTĐT của môn học, mô đun tương ứng. Các giáo trình do trường lựa chọn đều thể hiện tác giả, Nhà xuất bản, năm xuất bản, có Quyết định in ấn do các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan cấp, và đã nộp lưu chiểu. Điều đó cho thấy các giáo trình trên đã được kiểm duyệt chặt chẽ do đó giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. (1.1.06: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHHĐGDNN số 18/2020/GCNĐKHHĐ_TCGDNN ngày 04/2/2020; 4.10.01-Quyết định ban hành GTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.10.02-Bản in các GTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.11.07- QĐ v/v thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo các hệ ngành CD, TC năm 2019, 2021, 2023; 4.11.8 - Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019, 2021, 2023).

Hàng năm, trường đã lấy ý kiến của HSSV về giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đối tượng hài lòng về GTĐT (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.14: *Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến sinh viên, học sinh tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường và được triển khai bằng hình thức điều tra qua phát phiếu khảo sát trực tiếp đến từng cựu HS-SV về tình hình việc làm và thu nhập. Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường, Nhà trường còn tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi trực tiếp của các nhà sử dụng lao động, các cơ quan, doanh nghiệp nơi tiếp nhận các HSSV thực tập, kiến tập.

Hàng năm, Phòng Kiểm định-Khoa học & hợp tác quốc tế tiến hành khảo sát ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo của Nhà trường, trong đó có mục về chương trình, giáo trình và được triển khai bằng hình thức phát phiếu trực tiếp đến đối tượng cần khảo sát. Phòng CTSV đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch, thiết kế phiếu khảo sát ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp đang làm tại doanh nghiệp, đơn vị sản xuất và sự phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo Nhà trường đối với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023; 4.14.01-Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến hằng năm 2020; 2021; 2022; 2023)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.15: *Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2018 đến nay, nhà trường thực hiện 03 đợt rà soát chỉnh sửa CTĐT các ngành trình độ trung cấp, cao đẳng vào các năm 2019, 2021 và năm 2023, đảm bảo 100% CTĐT được rà soát, đánh giá và đảm bảo ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với CTĐT đã ban hành, cụ thể: Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh 8 CTĐT Cao đẳng, 15 CTĐT Trung cấp nhằm đáp ứng sự thay đổi của công nghệ, nhu cầu lao động, Trường đã thực hiện 3 lần rà soát, điều chỉnh cập nhật bổ sung CTĐT. (2.5.01-Quyết định 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22/4/2019; Quyết định 291/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định 114/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 20/3/2023; 2.5.02-Bộ CTĐT các hệ ngành năm 2019; 2021; 2023).

Khi có sự thay đổi về CTĐT, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với GTĐT đảm bảo yêu cầu theo quy định (4.15.01- Danh sách CTĐT có sự thay đổi năm 2019; 2021; 2023). Trường xây dựng Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng, đồng thời cũng tiến hành việc rà soát, bổ sung danh mục giáo trình đào tạo và đăng ký biên soạn, thẩm định giáo trình nội bộ (4.2.02- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn CTĐT các cấp năm 2018, 2020, 2022; 4.02.11- Báo cáo rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.11.03 – Kế hoạch lựa chọn/rà soát, điều chỉnh GTĐT các cấp trình độ năm 2019, 2021, 2023.; 4.11.04- QĐ V/v thành lập ban chủ nhiệm, tổ biên soạn lựa chọn/rà soát, điều chỉnh GTĐT các ngành trình độ TC, CD năm 2019, 2021, 2023)

Phòng đào tạo chủ trì triển khai kế hoạch, gửi thông báo rà soát, đánh giá GTĐT tới các khoa, bộ môn phụ trách thực hiện GTĐT. Các khoa căn cứ kế hoạch chung, thông báo báo rà soát, đánh giá GTĐT, triển khai rà soát, đánh giá GTĐT. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá CTĐT, các khoa đề nghị, đề xuất các nội dung cần chỉnh sửa, điều chỉnh, biên soạn (4.11.05- Biên bản nghiệm thu GTĐT cấp khoa năm 2019, 2021, 2023).

Phòng đào tạo tham mưu, chủ trì tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, nhà sử dụng lao động để góp ý về cấu trúc GTĐT (4.11.06-Kế hoạch tổ chức Hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về GTĐT năm 2019, 2021, 2023)

Ban biên soạn đề nghị tổ biên soạn hoàn thiện dự thảo GTĐT sau khi nhận được các ý kiến góp ý của chuyên gia. Phòng đào tạo tổng hợp, lên kế hoạch tổ chức thẩm định GTĐT toàn trường. Phòng đào tạo tham mưu hiệu trưởng thành lập các Hội đồng thẩm định GTĐT. Quy trình thẩm định GTĐT thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH.(4.11.07- QĐ v/v thành lập hội đồng

thẩm định giáo trình đào tạo các hệ ngành CD, TC năm 2019, 2021, 2023; 4.11.08 - Biên bản họp thẩm định CTĐT năm 2019, 2021, 2023; 4.15.02-Danh sách giáo trình sau khi thay đổi năm 2019, 2021, 2023; 4.10.02-Bản in các GTĐT năm 2019; 2021; 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

3.2.5. TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu

Đặc điểm của đào tạo nghề là thời gian thực hành rèn luyện kỹ năng nghề chiếm hơn một nửa thời lượng của mỗi môn học/mô đun. Được sự quan tâm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nhà trường đã không ngừng xây dựng hệ thống cơ sở vật chất (giảng đường, thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, mô hình thiết bị đào tạo tự làm, thiết bị, dụng cụ...) để giáo viên của Trường có đủ điều kiện cơ sở vật chất giảng dạy, nghiên cứu khoa học và giúp cho học sinh, sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề TC, CD đáp ứng được mục tiêu đào tạo của chương trình.

***Những điểm mạnh**

Hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện luôn được nhà trường quan tâm đầu tư kinh phí để sửa chữa, bổ sung, nâng cấp và mở rộng nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ công tác đào tạo tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Trường có đủ phòng học, phòng chuyên môn hóa, nhà thực hành được trang bị hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo các nghề TC, CD

Trường có đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo nghề TC, CD

Trường bố trí sắp xếp nguyên, nhiên, vật liệu, thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; quản lý, cấp phát, sử dụng theo đúng quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

***Những tồn tại**

Chương trình, giáo trình chưa được số hóa để tích hợp với thư viện điện tử phục vụ cho hoạt động đào tạo.

Người học chưa được cung cấp tài khoản riêng để tra cứu kết quả học tập.

Tài liệu tham khảo, giáo trình.... của thư viện còn ít, sức thu hút người đọc không nhiều.

Trường chưa xây dựng định mức tiêu hao vật tư cho các nghề trình độ Trung cấp, Cao đẳng.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Chương trình, giáo trình được cần được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử để phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Năm tới, Nhà trường tiến hành xây dựng định mức tiêu hao vật tư cho các nghề trình độ TC, CĐ

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	15
<i>Tiêu chuẩn 5.1</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.2</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.3</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.4</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.5</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.6</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.7</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.8</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.9</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.10</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.11</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.12</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.13</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.14</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 5.15</i>	1

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập, giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại, thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc được thành lập trên cơ sở Trường Trung học lâm nghiệp I Trung ương. (1.1.02- Quyết định 7191/QĐ-BGDĐT ngày 12/11/2007 về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc trên cơ sở Trường Trung học

Lâm nghiệp I Trung ương). Nhà trường có địa chỉ số 607 Đường Mạc Đăng Dung (Trục đường 18 từ Hà Nội đi thành phố Hạ Long) thuộc Phường Minh Thành - Thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh với diện tích là 70.929 m² trong đó diện tích xây dựng là 37.465 m², diện tích đường đi, cây xanh, lưu không là 33.464 m². Ngoài ra, nhà trường còn có Trung tâm Thực hành - Thực nghiệm NLN tại Phường Bắc Sơn - Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh có diện tích là 8.527.091 m², trong đó diện tích được để xây dựng cơ sở vật chất là 34.500 m² còn lại 8.537.591 m² rừng và đất rừng được quy hoạch để xây dựng phát triển phục vụ công tác thực hành, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học nông lâm nghiệp. Nhà trường cách xa một số khu công nghiệp như Khu công nghiệp Đông Mai khoảng 3 km. Với điều kiện như trên là đảm bảo điều kiện cách xa các khu công nghiệp thải ra các chất độc hại, gây tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước, không khí thuận tiện cho việc học tập và giảng dạy. (5.1.01- *Bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng trường, Trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu Trắng; bản đồ hiện trạng sử dụng đất trại trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu trắng*) 5.1.02- *Sơ đồ vị trí của trường trên địa bàn tỉnh; 5.1.03- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (2 địa điểm) - (GCN số 363/QSDĐ ngày 17/12/1999; GCN số 00004/QSDĐ ngày 27/8/1990); 5.1.04- Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Quảng Yên đến năm 2040; 5.1.05- Danh sách thống kê khoảng cách đến các khu công nghiệp, nhà máy xí nghiệp quanh khu vực trường)*

Nhà trường có một hệ thống đường ống dẫn nước lấy từ nguồn nước suối sạch về kết hợp với hệ thống nước máy do nhà máy nước của tỉnh Quảng Ninh cung cấp. Trường nằm trên địa bàn thị xã Quảng Yên, ngay tại ngã ba km 11, giao thông đi lại thuận lợi, an toàn. Hệ thống xe buýt, xe khách của tỉnh Quảng Ninh đi các tỉnh rất nhiều, luôn đáp ứng thuận lợi giao thông cho mọi người. Hệ thống điện cung cấp cho nhà trường ổn định và luôn đảm bảo nguồn điện cho sinh hoạt, vận hành máy móc, thiết bị, chiếu sáng, bảo vệ. Đối với cơ sở tại Trung tâm Thực hành Thực nghiệm NLN nằm trên địa bàn Phường Bắc Sơn - thành phố Uông bí bên cạnh hệ thống suối rừng đủ nước sạch quanh năm lại còn có thêm hệ thống cấp nước sạch của thành phố. Hệ thống đường điện, nguồn cung cấp dồi dào luôn luôn đủ để phục vụ cho mọi hoạt động của cơ sở thực hành, thực nghiệm (5.1.06- *Bản quy hoạch cấp điện theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.1.07- Bản quy hoạch cấp nước theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.1.08- Bản quy hoạch thoát nước thải theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã*

Quảng yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.1.09- Bản quy hoạch thoát nước mưa theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.1.10- Biên bản kiểm tra đánh giá của Phòng Tài nguyên - Môi trường tỉnh về: Vị trí, địa chất; hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường; hệ thống xử lý nước thải, chất thải)

Thực tế cho thấy trong nhiều năm qua các hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường được đảm bảo an toàn, yên tĩnh không bị ảnh hưởng bởi các điều kiện thiên tai, hạn hán, lũ lụt; không khí trong lành; nguồn nước từ giếng khoan đảm bảo không bị ô nhiễm; sức khỏe của cán bộ, giáo viên, HSSV đều đảm bảo tốt, không có trường hợp nào bị ốm đau do ô nhiễm môi trường.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV về khuôn viên của nhà trường (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm, diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Mặt bằng tổng thể khuôn viên nhà trường được quy hoạch phù hợp với chức năng đào tạo, đảm bảo yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc cảnh quan và đảm bảo cảnh giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên. (5.1.01- Bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng trường, Trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu trắng; bản đồ hiện trạng sử dụng đất Trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu trắng) Với đặc điểm diện tích rộng nên việc khảo sát, thiết kế và xây dựng các cơ sở hạ tầng như nhà hiệu bộ, giảng đường, hội trường, nhà đa năng, vườn thực hành, nhà thư viện, trạm điện, khu túc xá... được bố trí hợp lý, không ảnh hưởng lẫn nhau trong cùng một thời điểm hoạt động. Các cơ sở đều được bố trí phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nhà xưởng tách biệt, đảm bảo yêu cầu trong tổ chức hoạt động dạy và học. (5.1.03- Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất (2 cơ sở) -(GCN số 363/QSDD ngày 17/12/1999; GCN số 00004/QSDD ngày 27/8/1990); 5.2.01- Báo cáo Số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng, mật độ xây dựng công trình, diện tích cây xanh)

Trường có các công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác đào tạo nghề bao gồm:

- Khu làm việc: 01 Nhà Hiệu bộ 3 tầng (có diện tích là 550 m²) bao gồm phòng làm việc của Ban giám hiệu, phòng chức năng, phòng họp.

- Khu học tập: gồm 23 phòng học lý thuyết và 09 phòng thực hành với diện tích là 2000 m², diện tích xưởng thực hành thực tập là 1.360 m² với hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng đủ cho hơn 1.000 HSSV học tập và nghiên cứu. Các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế cho HSSV, bảng từ, quạt trần, máy chiếu và hệ thống chiếu sáng lớp học đủ theo tiêu chuẩn quy định. Phòng thực hành, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành

- Dịch vụ HSSV: kí túc xá là 1.327 m² có 3 dãy nhà 3 tầng gồm 90 phòng có diện tích 26 m², 04 phòng có diện tích 46m², 01 thư viện là 390 m²; 01 nhà giáo dục thể chất với diện tích 800 m² được trang bị hệ thống chiếu sáng hiện đại và các thiết bị cần thiết để tổ chức các hoạt động học tập và thi đấu các môn thể dục thể thao trong nhà như cầu lông, bóng bàn, võ thuật, thể dục,... Bên cạnh đó, sân vận động chính của nhà trường với tổng diện tích 12.000m² bao gồm 01 sân bóng chuyền, bóng rổ, 01 đường pít đạt tiêu chuẩn, hệ thống xà đơn, xà kép, và nâng cấp 03 sân bóng đá nhân tạo (5.2.02- Hồ sơ thiết kế thi công các khối công trình Trường năm 2019, 2020, 2021, 2022; 5.2.03- Hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường năm 2019, 2020, 2021, 2022)

Ngoài ra, nhà trường còn có Trung tâm Thực hành – Thực nghiệm NLN tại Phường Bắc Sơn – Thành phố Uông Bí – Tỉnh Quảng Ninh có diện tích là 958.45 ha, trong đó diện tích được cấp để xây dựng cơ sở vật chất là 3.45 ha còn lại hơn 950 ha rừng và đất rừng được quy hoạch để xây dựng phát triển phục vụ công tác thực hành, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học nông lâm nghiệp.

Khu vực cây xanh được nhà trường quy hoạch dọc theo hệ thống được giao thông nội bộ trường, khu vực quanh khu hiệu bộ, khu ký túc xá, khu giảng đường. (5.2.04- Hình ảnh khuôn viên nhà trường; 5.1.10- Biên bản kiểm tra đánh giá của Phòng Tài nguyên - Môi trường tỉnh về: Vị trí, địa chất; hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường; hệ thống xử lý nước thải, chất thải)

Nhà trường luôn nhận được sự ủng hộ của Bộ Nông nghiệp và PTNT cùng các cơ quan hữu trách của địa phương đối với công tác quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất, đồng thời đầu tư nguồn vốn, kinh phí để nhà trường có điều kiện thực hiện hoá công tác quy hoạch về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp đào tạo và phát triển của nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV về khuôn viên của nhà trường (*1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023*)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các khu vực phục vụ hoạt động theo tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học, thực hành, rèn luyện thể chất, làm việc, phục vụ sinh hoạt cho người học và cán bộ công nhân viên chức trong trường (*5.1.01- Bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng trường, Trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu trắng; bản đồ hiện trạng sử dụng đất Trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu trắng*)

-Khu làm việc: 01 Nhà Hiệu bộ 3 tầng (có diện tích là 550 m²) bao gồm phòng làm việc của Ban giám hiệu, phòng chức năng, phòng họp.

-Khu học tập: gồm 23 phòng học lý thuyết và 09 phòng thực hành với diện tích là 2000 m², diện tích xưởng thực hành thực tập là 1.360 m² với hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng đủ cho hơn 1.000 HSSV học tập và nghiên cứu. Các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế cho HSSV, bảng từ, quạt trần, máy chiếu và hệ thống chiếu sáng lớp học đủ theo tiêu chuẩn quy định. Phòng thực hành, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành

-Dịch vụ HSSV: kí túc xá là 1.327 m² có 3 dãy nhà 3 tầng gồm 90 phòng có diện tích 26 m², 04 phòng có diện tích 46m², 01 thư viện là 390 m² ; 01 nhà giáo dục thể chất với diện tích 800 m² được trang bị hệ thống chiếu sáng hiện đại và các thiết bị cần thiết để tổ chức các hoạt động học tập và thi đấu các môn thể dục thể thao trong nhà như cầu lông, bóng bàn, võ thuật, thể dục,... Bên cạnh đó, sân vận động chính của nhà trường với tổng diện tích 12.000m² bao gồm 01 sân bóng chuyên, bóng rổ, 01 đường pít đạt tiêu chuẩn, hệ thống xà đơn, xà kép, và nâng cấp 03 sân bóng đá nhân tạo. Như vậy sân vận động của nhà trường hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện để tổ chức hoạt động học tập và thi đấu các môn thể thao ngoài trời như bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, điền kinh (5.1.06- *Bản quy hoạch cấp điện theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.1.07- Bản quy hoạch cấp nước theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.1.08- Bản quy hoạch thoát nước thải theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.1.09- Bản quy hoạch thoát nước mưa theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.2.01- Báo cáo Số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng, mật độ xây dựng công trình, diện tích cây xanh).*

Theo nhiệm vụ chức năng của từng đơn vị trong trường mà các công trình được xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải tự trách nhiệm trước đơn vị về công tác quản lý, khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các công trình hoặc thiết bị được giao. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước ban giám hiệu về các công trình, thiết bị, tài sản mà đơn vị mình quản lý

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV về khuôn viên của nhà trường (1.1.08 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).*

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.4. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió, phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc được quy hoạch xây dựng có hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ làm việc, học tập, nghiên cứu khoa học, thực hành, thực nghiệm, rèn luyện thể chất (5.1.01- Bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng trường, Trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu trắng; bản đồ hiện trạng sử dụng đất Trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu trắng)

Hệ thống đường giao thông nội bộ xung quanh nhà trường với tổng chiều dài gần 2000 m² được bê tông hóa và thiết kế rộng đảm bảo việc đi lại và vận chuyển thiết bị dễ dàng, thuận tiện.

Nhà trường có một hệ thống đường ống dẫn nước lấy từ nguồn nước suối sạch về kết hợp với hệ thống nước máy do nhà máy nước của tỉnh Quảng Ninh cung cấp. Trường nằm trên địa bàn thị xã Quảng Yên, ngay tại ngã ba km 11, giao thông đi lại thuận lợi, an toàn. Hệ thống xe buýt, xe khách của tỉnh Quảng Ninh đi các tỉnh rất nhiều, luôn đáp ứng thuận lợi giao thông cho mọi người. Đối với cơ sở tại Trung tâm Thực hành Thực nghiệm NLN nằm trên địa bàn Phường Bắc Sơn - thành phố Uông Bí bên cạnh hệ thống suối rừng đủ nước sạch quanh năm lại còn có thêm hệ thống cấp nước sạch của thành phố. Hệ thống đường điện, nguồn cung cấp dồi dào luôn luôn đủ để phục vụ cho mọi hoạt động của cơ sở thực hành, thực nghiệm (5.1.07- Bản quy hoạch cấp nước theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng Yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.1.08- Bản quy hoạch thoát nước thải theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng Yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.1.09- Bản quy hoạch thoát nước mưa theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng Yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.4.01- Hồ sơ hoàn công bổ sung xây lắp hệ thống cung cấp nước sạch và hệ thống trạm bơm cấp nước sạch ngoài nhà trụ sở chính của nhà trường; 5.4.02- Hồ sơ hoàn công sửa chữa hệ thống cấp thoát nước năm 2013 (kèm biên bản bàn giao hệ thống cung cấp nước).

Hệ thống đường điện 3 pha qua biến thế của nhà trường được đầu tư lấy từ trạm điện của Thị xã Quảng Yên đặt cạnh hội trường lớn cung cấp nguồn ánh sáng trong toàn

trường mạng điện đủ công suất sử dụng cung cấp đến các khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng thực hành thí nghiệm, khu giáo dục thể chất, khu ký túc xá... hàng năm đã được nhà trường thường xuyên đầu tư nâng cấp thay thế và được điện lực Thị xã Quảng Yên, đến bảo trì thay thế những thiết bị hư hỏng. Đường điện tại Trung tâm THPT Nông lâm nghiệp được lắp trực tiếp từ đường điện của điện lực thành phố Uông Bí đi vào khu làm việc và các dãy nhà ký túc xá của học sinh sinh viên. Nhà trường đã thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo công suất sử dụng, an toàn có hiệu quả. học (5.1.06- *Bản quy hoạch cấp điện theo QĐ số 3994/QĐ-UBND Thị xã Quảng yên ngày 4/12/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; 5.4.03.- Hồ sơ bảo dưỡng trạm biến áp của nhà trường; 5.4.04- Hợp đồng điện, nước, hóa đơn điện, nước năm 2020, 2021, 2022 (Hợp đồng mua bán điện với Điện lực Thành phố Uông Bí số 20/BF5038 và Quảng yên số 06/005002; Hợp đồng mua nước số 15/2006/HĐKT với xí nghiệp nước bãi cháy - Công ty CP nước sạch Quảng Ninh)*

Hệ thống đường giao thông nội bộ của Trường được xây dựng liên hoàn giữa các khu chức năng: khu hiệu bộ, khu giảng đường, khu thực hành, khu hội trường, khu ký túc xá, sân chơi,... thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển trang thiết bị (5.2.03- *Hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường năm 2019, 2020, 2021, 2022*)

Trường có quy trình về bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, đồng thời có quy định về quản lý sử dụng, bảo dưỡng. (5.4.05- *Quyết định ban hành Quy định sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên và định kỳ tài sản cố định*)

Hàng năm trường có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật và báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý và bảo dưỡng, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật (5.4.06- *Quyết định của Bộ NN&PTNT v/v phê duyệt kế hoạch mua sắm, xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng của trường năm 2020,2021,2022 (kèm tờ trình)*)

Năm 2013 nhà trường triển khai xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) ngoài nhà cho dự án nâng cấp, mở rộng trường cao đẳng Nông lâm Đông Bắc. Các phòng học lý thuyết, phòng học thực hành thí nghiệm, thư viện, hội trường lớn, hội trường nhà 5 tầng được thiết kế hệ thống PCCC đảm bảo đúng tiêu chuẩn của luật PCCC quy định. Các nhà được xây mới trước khi đưa vào sử dụng nhà trường mời Cảnh sát PCCC của Tỉnh về kiểm tra và nghiệm thu công tác PCCC. Khu nhà nội bộ được trang bị các bình chữa cháy, các nội quy về phòng cháy, chữa cháy. Hàng năm nhà trường đón từ 01 đến 02 đoàn Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy của Tỉnh đến kiểm tra công tác PCCC của trường (5.4.07- *Hồ sơ hoàn công hệ thống phòng cháy chữa cháy ngoài nhà năm 2013; 5.4.08- Hồ sơ thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng hạ tầng, hệ thống điện, cấp*

thoát nước, xử lý nước thải, PCCC năm 2020,2021, 2022; 5.4.09- Sổ nhật ký thực hiện bảo dưỡng hạ tầng, hệ thống điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, PCCC năm 2020,2021, 2022; 5.4.10- Hồ sơ thiết kế hệ thống PCCC; 5.4.11- Hồ sơ quản lý công tác PCCC năm 2020,2021,2022; 5.4.12- Kế hoạch diễn tập PCCC và cứu nạn, cứu hộ năm 2022, 2023 (năm 2020, 2021 dịch covid không triển khai); 5.4.13- Kế hoạch thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2022, 2023; 5.4.14- Kế hoạch kiểm tra công tác PCCC và CNCH năm 2020, 2021,2022; 5.4.15- Biên bản kiểm tra định kỳ an toàn về PCCC năm 2020, 2021, 2022; 5.4.16- Biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ của công an tỉnh Quảng Ninh năm 2021, 2022; 5.4.17- Các hoạt động cải tiến công tác PCCC; 5.4.18- Báo cáo tự đánh giá của Trường về hệ thống phòng cháy, chữa cháy năm 2020, 2021, 2022).

Nhà trường ký hợp đồng với UBND Phường Minh Thành vận chuyển rác thải sinh hoạt ra nơi tập kết chung của phường đảm bảo vệ sinh môi trường. (5.1.10- Biên bản kiểm tra đánh giá của Phòng Tài nguyên - Môi trường tỉnh về: Vị trí, địa chất; hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường; hệ thống xử lý nước thải, chất thải) (5.4.19- Hợp đồng lao động, Hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt năm 2020; 2021;2022; 2023; 1.5.01 - Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm 2020; 2021; 2022 (báo cáo có nội dung quản lý sử dụng, bảo dưỡng hạ tầng, điện, nước, PCCC, xử lý nước, rác thải,..).

Hàng năm trường có báo cáo tổng kết hoạt động của trường và có kế hoạch khảo sát đối với cán bộ, giáo viên, HSSV đánh giá: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc hiện nay tiền thân là Trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương, được thành lập theo quyết định số 7191/QĐ-BGDĐT ngày 12/11/2007 (1.1.02-Quyết định 7191/QĐ-BGDĐT ngày 12/11/2007 về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc trên cơ sở Trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương) Trong quá trình phát triển, Trường được đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhiều Khoa.

Về diện tích phòng học : phòng học lý thuyết nhỏ nhất là 59,4 m², phòng to nhất là 95,4 m². Như vậy tất cả các phòng học lý thuyết đều đảm bảo diện tích một phòng trên 48 m², đáp ứng điều kiện quy định tại phụ lục số 1 quy định về tiêu chuẩn, diện tích công trình sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp của Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2018 Quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (tối thiểu 48 m² và tối đa 60m²). Các phòng học đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng đen, hệ thống chiếu sáng, quạt điện, điều hoà, màn hình, máy chiếu.. phục vụ giảng dạy, học tập (5.1.01- Bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng trường, Trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu trắng; bản đồ hiện trạng sử dụng đất Trung tâm thực hành và thực nghiệm Miếu trắng; 5.2.02- Hồ sơ thiết kế thi công các khối công trình Trường năm 2019, 2020,2021, 2022; 5.2.03- Hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Hệ thống các phòng học, phòng thực hành được trang bị hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo: Phòng học lý thuyết, thực hành đều được trang bị hệ thống chiếu sáng bằng hệ thống các đèn neon, quạt, điều hoà, bảng đen, màn chiếu, tivi, đèn chiếu, ỏn áp. Ngoài ra các phòng đều có hệ thống thông gió và chiếu sáng tự nhiên thông qua hệ thống cửa sổ. Các phòng học, phòng chuyên môn có khu vệ sinh chung, Điện cung cấp đến các nhà thực hành có điện áp 3 pha và 1 pha, có các ổ cắm cố định và di động thuận tiện cho việc giảng dạy của GV trong từng nhà; các phòng học, nhà thực hành đáp ứng đủ cho nhu cầu của người học.

Các phòng phòng thực hành được trang bị đầy đủ, đúng chủng loại thiết bị phục vụ công tác dạy và học theo quy định của chương trình đào tạo (5.5.01- Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm và yêu cầu công nghệ; 5.5.02- Thống kê, số lượng, diện tích vị trí của phòng học phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng chuyên môn hóa; 5.5.03- Thống kê số lớp lý thuyết, thực hành năm 2020, 2021, 2022, 2023)

Nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng của các trang thiết bị đào tạo, nhà trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Trong các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn đều có nội quy quy định riêng, quy định việc vận hành và bảo quản trang thiết bị. Nhà trường giao trực tiếp cho các khoa chuyên môn quản lý, khai thác và sử dụng trang thiết bị đào tạo. Qua đó, các khoa chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng các thiết bị đào tạo được trang bị. Các khoa căn cứ vào quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của trường và của nhà sản xuất để lên KH sử dụng và bảo trì bảo dưỡng thiết bị cho phù hợp để không làm ảnh hưởng đến KH và tiến độ giảng dạy. Đây là cơ sở để đánh giá việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của các đơn vị liên quan trong trường. (5.4.05- *Quyết định ban hành Quy định sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên và định kỳ tài sản cố định*; 5.5.04- *Quyết định ban hành Hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng (QT05- Quy trình về quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị)*; 5.5.05- *Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại các phòng thực hành của trường*; 5.5.06- *Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị*; 5.5.07- *Hướng dẫn sử dụng thiết bị đào tạo*)

Tại các phòng học đều có Nội quy và phân công cán bộ quản lý để thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.5.08- *Nội quy các phòng lý thuyết, thực hành*; 5.5.09- *Bộ ảnh chụp máy móc, thiết bị*; 5.5.10- *Bộ chứng từ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (gồm: Giấy báo hỏng, mất công cụ, dụng cụ; Phiếu đề nghị sửa chữa tài sản, công cụ, dụng cụ năm 2020, 2021, 2022, 2023)*)

Trường có sự đầu tư về các trang thiết bị phù hợp với các ngành nghề. Các trang thiết bị công nghệ của Trường phù hợp với yêu cầu đào tạo được thể hiện trong các hợp đồng kinh tế về mua sắm trang thiết bị, biên bản kiểm kê tài sản cố định hằng năm và theo dõi trang thiết bị (5.5.11- *Quyết định phê duyệt kế hoạch mua sắm, xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng năm 2020,2021,2022*; 5.5.12- *Hợp đồng kinh tế mua sắm trang thiết bị thực hành, Biên bản nghiệm thu và thanh lý năm 2020, 2021, 2022*; 5.5.13- *Biên bản bàn giao, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng theo hợp đồng (cho các đơn vị sử dụng)*; 5.5.14- *Sổ theo dõi bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo*; 5.5.15- *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật năm 2020, 2021, 2022*; 5.5.16- *Báo cáo tổng kết hoạt động của quản lý thiết bị và đầu tư của trường năm 2020,2021, 2022*)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên về phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành (1.1.08 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử*

dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo của một cơ sở GDNN. Vì vậy, trường đã quản lý thiết bị đào tạo theo danh mục các thiết bị trong đó nêu rõ xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất và quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất (5.5.01- Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm và yêu cầu công nghệ)

Nhà trường có đầy đủ quy định về việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo để sẵn sàng phục vụ công tác giảng dạy, học tập cho HSSV toàn trường (5.4.05- Quyết định ban hành Quy định sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên và định kỳ tài sản cố định; 5.5.04- Quyết định ban hành Hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng (QT05- Quy trình về quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị)

Trong các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn đều có nội quy quy định riêng, quy định việc vận hành và bảo quản trang thiết bị. Nhà trường giao trực tiếp cho các khoa chuyên môn quản lý, khai thác và sử dụng trang thiết bị đào tạo. Qua đó, các khoa chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng các thiết bị đào tạo được trang bị. Các khoa căn cứ vào quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của trường và của nhà sản xuất để lên KH sử dụng và bảo trì bảo dưỡng thiết bị cho phù hợp để không làm ảnh hưởng đến KH và tiến độ giảng dạy. Đây là cơ sở để đánh giá việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của các đơn vị liên quan trong trường.

Tại các phòng học đều có Nội quy và phân công cán bộ quản lý để thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.5.07- Hướng dẫn sử dụng thiết bị đào tạo) (5.5.08- Nội quy các phòng lý thuyết, thực hành; 5.5.09- Bộ ảnh chụp máy móc, thiết bị).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc gồm 23 phòng học lý thuyết và 09 phòng thực hành với diện tích là 2000 m², diện tích xưởng thực hành thực tập là 1.360 m² trong đó, giảng đường 2 tầng với 1560 m², nhà học lý thuyết số 1 với 1440 m², nhà học lý thuyết số 2 với 1996 m², nhà thực hành thí nghiệm với 1440 m² (5.5.01- *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm và yêu cầu công nghệ*; 5.1.02- *Hồ sơ thiết kế thi công các khối công trình Trường năm 2019, 2020, 2021, 2022*)

Phòng học lý thuyết nhỏ nhất là 59,4 m², phòng to nhất là 95,4 m². Như vậy tất cả các phòng học lý thuyết đều đảm bảo diện tích một phòng trên 48 m², đáp ứng điều kiện quy định tại phụ lục số 1 quy định về tiêu chuẩn, diện tích công trình sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp của Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2018 Quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (tối thiểu 48 m² và tối đa 60m²). Các phòng học đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng đen, hệ thống chiếu sáng, quạt điện, điều hoà, màn hình, máy chiếu.. phục vụ giảng dạy, học tập

Các phòng học, phòng thí nghiệm, nhà thực hành được trang bị hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. Các phòng học, phòng chuyên môn có khu vệ sinh chung, các nhà thực hành có khu vệ sinh khép kín; Điện cung cấp đến các nhà thực hành có điện áp 3 pha và 1 pha, có các ổ cắm cố định và di động thuận tiện cho việc giảng dạy của GV trong từng nhà; các phòng học, nhà thực hành đáp ứng đủ cho nhu cầu của người học

Tại các phòng học đều có Nội quy và phân công cán bộ quản lý để thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.5.07- *Hướng dẫn sử dụng thiết bị đào tạo*; 5.5.08- *Nội quy các phòng lý thuyết, thực hành*)

Hàng năm trường kết hợp với các Khoa tổ chức kiểm kê tài sản theo quy định. Tại các sổ quản lý tài sản và các Biên bản kiểm kê tài sản các năm của các khoa, trường cho thấy 100% các thiết bị có hồ sơ quản lý rõ ràng gồm: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm mua và tình trạng thiết bị (tốt, kém) (5.7.01- *Biên bản bàn giao, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng theo hợp đồng (cho các đơn vị sử dụng)*).

Để đảm bảo thiết bị, dụng cụ được quản lý, bảo dưỡng, vệ sinh, khai thác, sử dụng đúng công năng và có hiệu quả, Trường đã ban hành Quyết định về “Phân công phụ trách kiêm nhiệm các phòng, nhà xưởng, xưởng thực hành”, thí nghiệm, trong đó tại Điều 2 của Quyết định đã nêu:

“Cán bộ, giáo viên đã được phân công chịu trách nhiệm quản lý, vệ sinh, thực hiện hồ sơ sổ sách và lên kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng thực hành, thực tập của các phòng, nhà vườn, xưởng thực hành, thí nghiệm theo đúng kế hoạch đào tạo hàng năm của khoa và Nhà trường” (5.7.02- *Quyết định phân công phụ trách kiêm nhiệm các phòng, nhà vườn, xưởng thực hành, thí nghiệm các năm 2019, 2020, 2021*);.

Mặt khác, Trường cũng ban hành quy trình sử dụng, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị . Qua báo cáo sử dụng thiết bị của Khoa cho thấy các thiết bị được sử dụng đúng công năng, được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. (5.4.05- *Quyết định ban hành Quy định sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên và định kỳ tài sản cố định*; 5.5.04- *Quyết định ban hành Hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng (QT05- Quy trình về quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị)*; 5.7.03- *Báo cáo công tác kiểm kê tài sản năm 2020, 2021, 2022 (kèm bảng tổng hợp kiểm kê tài sản cố định tại các đơn vị)*; 5.7.04- *Báo cáo tổng kết hoạt động của phòng Tài chính - Kế toán; báo cáo của các phòng, khoa năm 2020, 2021, 2022*)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo cán bộ quản lý, nhân viên về cơ sở vật chất của trường. Kết quả cho thấy: tỷ lệ cao ý kiến của nhà giáo cho rằng: Phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của Nhà trường được sử dụng theo quy định hiện hành (1.1.08 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023*)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn cố gắng trang bị đủ thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về GDNN quy định.

Do một số nghề TC, CD chưa có danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu mà Bộ Lao động –Thương binh và xã hội ban hành nên Nhà trường đã xây dựng thiết bị đào tạo cho nghề. (5.2.02- Hồ sơ thiết kế thi công các khối công trình Trường năm 2019, 2020,2021, 2022; 5.8.01- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; 5.8.02- Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ đào tạo)

Ngoài ra trường có ký Hợp đồng, Biên bản thỏa thuận ghi nhớ liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, trong đó có nội dung sử dụng thiết bị, phòng chuyên đề đào tạo các môn thực hành cho HSSV vì vậy HSSV luôn được tiếp cận học tập với các trang thiết bị, máy móc hiện đại nhất (2.7.01- Các hợp đồng nguyên tắc ký kết thỏa thuận với doanh nghiệp về hỗ trợ thực hành thực tập cho sinh viên (bao gồm hỗ trợ thiết bị đào tạo))

Các trang thiết bị hiện có của nhà trường đảm bảo chất lượng, phù hợp với công nghệ sản xuất, phù hợp với các ngành nghề đào tạo trong giai đoạn hiện nay. Thiết bị máy móc, dụng cụ, phục vụ các hoạt động giảng dạy thực hành đáp ứng đúng về chủng loại, công năng, thông số kỹ thuật, mỹ thuật và đảm bảo các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh an toàn (5.7.03- Báo cáo công tác kiểm kê tài sản năm 2020, 2021, 2022 (kèm bảng tổng hợp kiểm kê tài sản cố định tại các đơn vị))

Đa số các nghề đào tạo của nhà trường hiện nay đủ trang thiết bị thực hành, thực tập của HSSV. Thiết bị thực hành đáp ứng tiêu chuẩn theo yêu cầu đào tạo. Trong các giờ thực hành đảm bảo số lượng 15-20 HSSV trong một nhóm, vì thế xưởng thực hành cơ bản đều có đủ thiết bị, dụng cụ đảm bảo cho giờ học thực hành (5.8.03- Số liệu học sinh; số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023; 3.5.04- Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo các năm 2020; 2021; 2022, 2023; 2.4.02- Kế hoạch đào tạo các lớp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.4.05- Thời khóa biểu các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các thiết bị, dụng cụ đào tạo được bố trí tại nơi có nguồn điện áp 3 pha, 1 pha để có thể có thể kết nối, vận hành dễ dàng. Thiết bị được ghi chú rõ ràng (tên mô hình, năm đưa vào sử dụng) thuận tiện cho các giáo viên và sinh viên thao tác kết nối, vận hành. Các thiết bị thực hành có thể cơ động di chuyển các vị trí để thuận tiện cho quá trình giảng dạy và thực hành của sinh viên. Các mô hình, thiết bị thực hành thường được bố trí thuận tiện, độ cao phù hợp cho thao tác thực hành khi dạy và học. Hệ thống trang trại chuồng nuôi, khu thực hành được bố trí tại các khu vực xa đảm bảo vệ sinh môi trường. (5.9.01- *Biên bản bàn giao, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng theo hợp đồng (cho các đơn vị sử dụng)*)

Các thiết bị giảng dạy được các giảng viên đặt ở các vị trí đảm bảo các yêu cầu sư phạm, dễ dàng thao tác mẫu và quan sát người học thực hành. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; Tất cả các thiết bị, được lắp đặt an toàn, có đủ ánh sáng để học tập; Nhiều thiết bị có bánh xe di chuyển, nên thuận tiện cho việc thực hiện vệ sinh thiết bị và xưởng thực hành; Các dụng cụ học tập đều được sắp xếp gọn gàng trong tủ hay trên các giá đỡ giúp người học dễ dàng lấy ra thực tập và cất giữ khi không thực tập (5.8.02- *Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ đào tạo*; 5.2.02- *Hồ sơ thiết kế thi công các khối công trình Trường năm 2019, 2020, 2021, 2022*; 5.5.07- *Hướng dẫn sử dụng thiết bị đào tạo*; 5.5.08- *Nội quy các phòng lý thuyết, thực hành*).

Hàng năm trường kết hợp với các Khoa tổ chức kiểm kê tài sản theo quy định. Tại các sổ quản lý tài sản và các Biên bản kiểm kê tài sản các năm của các khoa, trường cho thấy 100% các thiết bị có hồ sơ quản lý rõ ràng gồm: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm mua và tình trạng thiết bị (tốt, kém) (5.9.02- *Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại các phòng thực hành của trường (7 ngành)*; 5.9.03- *Thông báo kết luận cuộc họp về việc chuẩn bị cơ sở vật chất đầu năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021-2022*; 5.4.16- *Biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ của công an tỉnh Quảng Ninh năm 2021, 2022*; 5.1.10- *Biên bản kiểm tra đánh giá của Phòng Tài nguyên - Môi trường tỉnh về: Vị trí, địa chất; hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường; hệ thống xử lý nước thải, chất thải*)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về việc bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có văn bản quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. (5.4.05- Quyết định ban hành Quy định sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên và định kỳ tài sản cố định; 5.5.04- Quyết định ban hành Hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng (QT05- Quy trình về quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị))

Nhiều năm liền, vật tư thiết bị luôn được bảo quản tốt về chất lượng và tuyệt đối an toàn. Trong thời gian sử dụng, các giảng đường dạy lý thuyết có bố trí nhân viên trực làm nhiệm vụ đóng mở cửa, quản lý các trang thiết bị dạy học, theo dõi việc cho mượn các thiết bị hỗ trợ giảng dạy và báo cáo khi có sự cố, còn đối với phòng thực hành thì nhà trường giao cho các khoa/ bộ môn quản lý và nội quy, quy định được đặt ngay tại phòng và có sổ theo dõi tần suất sử dụng trang thiết bị. Ngoài ra, để khắc phục kịp thời các sự cố đột xuất về trang thiết bị, giáo viên có thể phản ánh về phòng Quản lý thiết bị và đầu tư để có những biện pháp xử lý kịp thời. (5.5.07- Hướng dẫn sử dụng thiết bị đào tạo; 5.5.08- Nội quy các phòng lý thuyết, thực hành).

Hàng năm, phòng Quản lý thiết bị và đầu tư phối hợp với các Khoa tổ chức kiểm kê tài sản theo quy định. Tại các sổ quản lý tài sản và các Biên bản kiểm kê tài sản các năm của khoa, trường cho thấy 100% các thiết bị có hồ sơ quản lý rõ ràng gồm: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm mua và tình trạng thiết bị (tốt, kém) 5.5.16- Báo cáo tổng kết hoạt động của quản lý thiết bị và đầu tư của trường năm 2020,2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng hàng năm, đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo của nhà trường có hồ sơ quản lý rõ ràng, được lưu trữ cẩn thận và được bàn giao cho bộ phận sử dụng, HD sử dụng, quản lý và được bảo trì bảo dưỡng theo qui định. Hàng năm các bộ phận trực tiếp sử dụng thiết bị đào tạo đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (5.5.01- *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm và yêu cầu công nghệ; 5.5.05- Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại các phòng thực hành của trường*).

Nhà trường ban hành Hệ thống bảo đảm chất lượng, trong đó có quy trình bảo trì, bảo dưỡng tài sản và quy trình quản lý các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành. Trong các phòng thực hành, phòng học chuyên môn đều có nội quy, quy định việc vận hành và bảo quản trang thiết bị. Nhà trường giao trực tiếp cho các khoa quản lý, khai thác và sử dụng trang thiết bị đào tạo (5.4.05- *Quyết định ban hành Quy định sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên và định kỳ tài sản cố định; 5.5.04- Quyết định ban hành Hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng (QT05- Quy trình về quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị; 5.5.07- Hướng dẫn sử dụng thiết bị đào tạo; 5.5.08- Nội quy các phòng lý thuyết, thực hành*).

Hệ thống quản lý trang thiết bị tại trường được thực hiện theo quy định quản lý và sử dụng tài khoản công, trong đó quy định rõ phân loại tài sản, quy mô tài sản, quy trình quản lý tài sản từ khi đề xuất mua bán, giao nhận, sử dụng thanh lý, thu hồi. Các đơn vị thực hiện việc thu nhận và cấp phát vật tư, hàng hóa có sổ theo dõi, giám sát của cán bộ phụ trách, khi xuất thiết bị vật tư thực hành đều có sổ theo dõi quản lý. (5.9.01- *Biên bản bàn giao, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng theo hợp đồng (cho các đơn vị sử dụng); 5.11.01- Sổ theo dõi phòng thực hành*)

Các thiết bị được sử dụng đúng công năng, có cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, vệ sinh các thiết bị sau mỗi giờ thực hành. Các thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường (5.5.10- *Bộ chứng từ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (gồm: Giấy báo hỏng, mất công cụ, dụng cụ; Phiếu đề nghị sửa chữa tài sản, công cụ, dụng cụ năm 2020, 2021, 2022; 5.11.02- Sổ theo dõi bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo năm 2020, 2021, 2022; 2023; 5.5.16- Báo cáo tổng kết hoạt động của quản lý thiết bị và đầu tư của trường năm 2020,2021, 2022; 5.8.03- Báo cáo*

công tác kiểm kê tài sản năm 2020, 2021, 2022 (kèm bảng tổng hợp kiểm kê tài sản cố định tại các đơn vị))

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.12: Trường có quy định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo, tổ chức thực hiện theo quy định, đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tiến hành xây dựng và ban hành Quyết định về xác định định mức thiết bị đào tạo kèm sổ định mức (5.12.01- *Quyết định ban hành quy định của trường về xác định định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo (19 ngành nghề)*)

Nhà trường có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo, tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. (5.12.02- *Quy trình mua sắm cấp phát vật tư, công cụ, dụng cụ mã số QT.04/QLTB-DT*)

Căn cứ kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ, các khoa thực hiện dự trù vật tư cho từng lớp, dự trù vật tư thể hiện rõ số lượng, chủng loại, giá thành trình Lãnh đạo trường duyệt. Sau đó các khoa thực hiện mua vật tư, đối với các lớp ở trung tâm liên kết, các khoa thực hiện mua vật tư cho từng lớp theo cả khóa học. Vật tư mua về được lưu kho, xuất về cho các khoa và các giáo viên, bàn giao cho cán sự lớp để thực hiện giảng dạy, học tập theo thời khóa biểu. Kết thúc MH/MĐ, vật tư được kiểm kê (5.12.03- *Hồ sơ quản lý vật tư đào tạo, gồm: Phiếu đề nghị mua vật tư (kèm dự trù vật tư); Hợp đồng mua vật tư; Biên bản nghiệm thu và thanh lý*); 5.12.04- *Sổ ghi chép cấp phát vật tư năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022, 2022-2023*; 5.12.05-*Báo cáo thống kê tình hình quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Nhà trường có các kho lưu trữ, bảo quản vật tư, được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. Việc cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo cũng được quản lý chặt chẽ giữa phòng Quản lý thiết bị và đầu tư và các khoa vừa nhằm mục đích quản lý chi phí, vừa nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vật tư cho hoạt động

đào tạo của nhà trường theo KH và tiến độ đào tạo. (5.12.06- Báo cáo công tác thực hiện định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022, 2022-2023)

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất của trường về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng KH và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng học, lưu trữ đảm bảo theo chuẩn của thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện của trường ở tầng 1 nhà 4 tầng học lý thuyết, có kho sách với diện tích 150 m²; phòng đọc với diện tích 120 m²; 02 phòng máy tính với 20 máy tính/phòng. 100% các máy tính được kết nối internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu và các thông tin khác thể hiện ở website <http://www.cdnldb.edu.vn/>. Thư viện sử dụng phần mềm điện tử iLibMe 5.0 quản lý và tra cứu tài liệu giúp cán bộ, nhà giáo và học sinh, sinh viên dễ dàng trong việc tìm kiếm thông tin. (5.13.01- Quyết định số 15/QĐ-CDNLDB ngày 1/1/2019 v/v ban hành Quy định hoạt động thư viện; 5.13.02- Nội quy thư viện (trong đó có quy định việc sử dụng, thời gian mở cửa; hình thức phục vụ; hoạt động mượn, trả, đọc tại chỗ; 5.13.03- Nội quy phòng đọc; 5.13.04- Nội quy sử dụng phòng Internet).

Diện tích thư viện đạt so với tiêu chuẩn về thư viện của trường đào tạo cao đẳng (5.4.03- Hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường (trong đó có thư viện); 5.13.05 -Số liệu diện tích và trang thiết bị tại thư viện; 5.13.06- Hình ảnh thư viện)

Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN hiện nay, nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo 12 nghề trình

độ cao đẳng; 19 nghề trình độ trung cấp; 18 nghề trình độ sơ cấp (1.1.06: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 140/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 15/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN bổ sung số 140a/2017/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 31/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký HĐGDNN số 04/2019/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 28/01/2019; Giấy chứng nhận ĐKHĐGDNN số 18/2020/GCNĐKHH_TCGDNN ngày 04/2/2020; 2.1.01-Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm 2020, 2021, 2022).

Thư viện nhà trường có 16.315 cuốn

Trong đó sách phục vụ giảng dạy chuyên môn

- Sách về kinh tế: 417 cuốn
- Nông lâm nghiệp: 1496 cuốn
- + Giáo trình
 - Kinh tế: 875 cuốn
 - Nông lâm nghiệp: 5391 cuốn
 - Giáo trình trồng trọt: 928 cuốn
 - Các loại sách tham khảo khác: 7208 cuốn
 - Về tài liệu tham khảo: Trường có Danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo có 7208 (bản cứng) đầu sách.

Thư viện của trường có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt; mỗi loại giáo trình có đủ số lượng bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học (4.13.03- Danh sách giáo trình đã được nhà trường phê duyệt năm 2020, 2021, 2022, 2023; 5.13.07- Danh mục tài liệu tham khảo thư viện năm 2020, 2021, 2022; 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng phục vụ của Thư viện đều có trang bị máy tính có nối mạng internet, có phần mềm thư viện để bạn đọc tra tìm tài liệu và tra cứu thông tin phục vụ học tập và giảng dạy. Để tra cứu tài liệu, Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn sử dụng tra cứu tài liệu. 5.14.01- Hợp đồng mua phần mềm quản lý thư viện (iLibMe) năm 2008; 5.14.02- Hướng dẫn cài đặt và tài liệu hướng dẫn sử dụng của nhà cung cấp; 5.14.03-

Quyết định số 233/QĐ-CDNLĐB_ĐT ngày 22/4/2019 v/v ban hành Quy trình quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phần mềm iLibMe (Hướng dẫn sử dụng phần mềm)

Đồng thời để đảm bảo hoạt động của thư viện được tốt, Trường đã ban hành Quy định hoạt động thư viện tại Quyết định số 15/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 01 tháng 01 năm 2019. Quy định đã cụ thể chức năng nhiệm vụ của thư viện, tổ chức và hoạt động, cơ sở vật chất của thư viện, thời gian phục vụ và nội quy sử dụng thư viện (5.13.01 - *Quyết định số 15/QĐ-CDNLĐB –ĐT ngày 01 tháng 01 năm 2019 về việc ban hành Quy định hoạt động thư viện*). 5.13.02- *Nội quy thư viện (trong đó có quy định việc sử dụng, thời gian mở cửa; hình thức phục vụ; hoạt động mượn, trả, đọc tại chỗ, ...)*.

Đối với công tác phục vụ của thư viện phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học:

Cán bộ phụ trách thư viện được đào tạo đúng chuyên ngành thư viện, hướng dẫn bạn đọc tra cứu tài liệu tại chỗ nhanh, hiệu quả. Nếu người đọc có nhu cầu mượn tài liệu về nhà thì phải thực hiện đúng nội quy quy định của thư viện về thời gian mượn, số lượng tài liệu mượn, quy định bảo quản... (5.14.04- *Quyết định số 706/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 28/12/2017 v/v Giao nhiệm vụ quản lý Thư viện cho bà Mạc Thị Minh Huệ; 5.14.05- Hồ sơ nhân viên thư viện*)

Hàng năm, Phòng chức năng đã xây dựng kế hoạch hoạt động của thư viện (5.14.06 – *Kế hoạch hoạt động thư viện các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Thư viện làm sổ mượn tài liệu cho tất cả người học là sinh viên của Trường. Trong tuần sinh hoạt công dân - học sinh sinh viên đầu năm, sinh viên khoá mới được nghe cán bộ thư viện giới thiệu nội quy, quy chế, cách tra tìm tài liệu phục vụ quá trình học tập. Ngoài ra, cán bộ, giảng viên và sinh viên khi đến thư viện đều được hướng dẫn cách sử dụng các công cụ tìm kiếm để tra cứu thông tin, tìm kiếm tài liệu để phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Bên cạnh đó, Thư viện có nội quy, bảng hướng dẫn tra cứu được niêm yết công khai tại các phòng phục vụ.

Thư viện phục vụ năm ngày/tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30), theo hai hình thức:

- Cho người học mượn về nhà: mượn giáo trình theo đơn vị lớp trong suốt quá trình học theo kế hoạch đào tạo, sau khi thi kết môn học người học hoàn trả sách đúng thời gian quy định; mượn tài liệu tham khảo cho các môn học thời hạn từ một đến năm ngày.

- Cho người học mượn tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí đọc tại phòng đọc. Thư viện tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho người học (5.14.07- *Sổ theo dõi đọc sách của học sinh sinh viên năm 2020, 2021, 2022; 2023; 5.14.08- Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021 – 2022*)

Khảo sát ý kiến của cán bộ, giáo viên và HSSV trường nhận được kết quả trên tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học (1.1.08 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023*).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện của trường ở tầng 1 nhà 4 tầng học lý thuyết, có kho sách với diện tích 150 m²; phòng đọc với diện tích 120 m²; 02 phòng máy tính với 20 máy tính/phòng. 100% các máy tính được kết nối internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu và các thông tin khác thể hiện ở website <http://www.cdnldb.edu.vn/>. Thư viện sử dụng phần mềm điện tử iLibMe 5.0 quản lý và tra cứu tài liệu giúp cán bộ, nhà giáo và học sinh, sinh viên dễ dàng trong việc tìm kiếm thông tin. (5.13.05 - *Số liệu điện tích và trang thiết bị tại thư viện; 5.14.03- Quyết định số 233/QĐ-CĐNLĐB_ĐT ngày 22/4/2019 v/v ban hành Quy trình quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phần mềm iLibMe (Hướng dẫn sử dụng phần mềm); 5.15.01- Sơ đồ mạng máy tính thư viện*)

Đồng thời để đảm bảo hoạt động của thư viện được tốt, Trường đã ban hành Quy định hoạt động thư viện tại Quyết định số 15/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 01 tháng 01 năm 2019. Quy định đã cụ thể chức năng nhiệm vụ của thư viện, tổ chức và hoạt động, cơ sở vật chất của thư viện, thời gian phục vụ và nội quy sử dụng thư viện (5.13.02- *Nội quy thư viện (trong đó có quy định việc sử dụng, thời gian mở cửa; hình thức phục vụ; hoạt động mượn, trả, đọc tại chỗ,...; 5.15.02- Danh mục tài liệu điện tử; 5.15.03- Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử*).

Thư viện của trường có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt; mỗi loại giáo trình có đủ số lượng bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học (4.13.03- Danh sách giáo trình đã được nhà trường phê duyệt năm 2020, 2021, 2022, 2023; 5.15.04- Danh mục giáo trình của trường được số hóa; 5.13.07- Danh mục tài liệu tham khảo thư viện năm 2020, 2021, 2022; 2023)

Khảo sát ý kiến của cán bộ, giáo viên và HSSV trường nhận được kết quả trên tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế **Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:**

Mở đầu

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là một nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi giảng viên và luôn được nhà trường quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi. Nhà trường đã thực hiện nhiệm vụ NCKH một cách nghiêm túc theo quy trình chặt chẽ vì thế chất lượng các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến của nhà trường ngày càng được nâng cao. Dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu với bộ phận đảm nhiệm chức năng là phòng Kiểm định-Khoa học và hợp tác quốc tế cùng với Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường. Nhà trường đã cơ bản xây dựng được hệ thống các văn bản quy định, quy chế liên quan đến hoạt động NCKH và sáng kiến cải tiến nhằm động viên, khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia các hoạt động khoa học.

Hàng năm, nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch về hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Hoạt động NCKH đã có những kết quả nhất định cùng với các hoạt động chuyên môn khác giúp nhà trường hoàn thành được vai trò và sứ mệnh của mình.

***Những điểm mạnh**

- Nhà trường có chủ trương và tạo điều kiện cho CBGV, nhân viên và người học tham gia NCKH và phát huy sáng kiến, tìm kiếm ý tưởng, phát huy năng lực sáng tạo; Quan tâm đầu tư kinh phí dành cho NCKH, phát triển công nghệ trong khả năng nguồn

thu của nhà trường; có chính sách khen thưởng, khuyến khích CBGV, SV tham gia NCKH. Đội ngũ CBGV được phổ biến về Quy định về nhiệm vụ NCKH, có nhiều đề tài mang tính ứng dụng trực tiếp phục vụ giảng dạy theo chuyên ngành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; đã hình thành các nhóm nghiên cứu thiết kế, ứng dụng đồ dùng dạy học tự làm.

- Các đề tài NCKH, SKKN thiết thực góp phần vào việc thực hiện đổi mới phương thức đào tạo, PPDH của Trường và được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy học và quản lý của nhà trường, tạo bước chuyển biến rõ nét từ mô hình giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp.

- Nhiều cán bộ giáo viên tâm huyết, tích cực tham dự các hội thảo khoa học do các trường đại học, học viện tổ chức, thường xuyên viết bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành, làm cơ sở điều kiện học nâng cao trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ.

***Những tồn tại**

- Nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH, QHQT còn thấp, chưa ổn định, do phụ thuộc vào nguồn thu từ học phí, số lượng tuyển sinh giảm ảnh hưởng đến mức chi cho hoạt động NCKH; các đề tài ứng dụng còn hạn hẹp, nên qui mô, mức độ, hiệu quả đề tài còn giới hạn ở phạm vi trong trường. Số đề tài áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn để đem lại hiệu quả kinh tế cụ thể còn ít.

- Chưa có cơ chế cụ thể cho hoạt động QHQT vốn rất năng động, chưa có các giải pháp và bước đi thích hợp phát huy tối đa nguồn lực bên trong tạo động lực huy động nguồn lực bên ngoài giúp công tác QHQT có hiệu quả.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Trong những năm học tới, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kết hợp NCKH với đào tạo, trong đó chú trọng tới các hoạt động NCKH phục vụ trực tiếp cho việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế, đặc biệt quan tâm tới sự hợp tác trong trao đổi giáo viên, sinh viên, chương trình đào tạo, kinh nghiệm tổ chức, quản lý đào tạo,... với các trường đại học và cao đẳng nước ngoài. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội và cử cán bộ, giáo viên đi đào tạo, tham gia hội nghị, hội thảo ở nước ngoài. Tìm kiếm và tận dụng triệt để các dự án hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo của các quốc gia và các tổ chức phi chính phủ hoạt động tại Việt Nam.

Thực hiện tốt công tác quản lý trong NCKH để không ngừng nâng cao chất lượng của các đề tài nghiên cứu, tăng cường các đề tài nghiên cứu sử dụng ngân sách ngoài

trường, đẩy mạnh công tác chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật với các cơ sở giáo dục trong khu vực để nâng cao vị thế của nhà trường trong xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	4
<i>Tiêu chuẩn 6.1</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 6.2</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 6.3</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 6.4</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 6.5</i>	0

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo..

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để hoàn thành nhiệm vụ NCKH gắn với nâng cao chất lượng đào tạo khi chuyển dần sang thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp, nhà trường có chủ trương và biện pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH ngày càng đi vào chiều sâu chất lượng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV, người học tham gia NCKH, tìm kiếm ý tưởng, phát huy sáng kiến, sáng tạo. Cụ thể như sau:

- Trường có quy định chính sách khuyến khích, cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ (1.3.12 - *Quy chế xét duyệt, công nhận SKCT trường CĐNLĐB - Ban hành kèm theo quyết định số 779/QĐ-CĐNLĐB-KHHTQT ngày 03/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc*)

- Trong Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: Nhà trường có chính sách khuyến khích giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học (1.3.02 - *Quyết định số 130/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020; Quyết định số 283/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; Quyết định số 212/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 19 tháng 4*

năm 2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; **Quyết định số 226/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023**; 1.3.06- QĐ số 127/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 16/3/2020 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; QĐ số 736/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 26/11/2020 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; QĐ số 31/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 12/1/2022 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; **QĐ số 712/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 30/10/2023 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy**) cụ thể:

- + Được giảm giờ tiêu chuẩn (Quy đổi ra giờ chuẩn theo quy định của nhà trường)
- + Được hỗ trợ kinh phí cho tổ chức thực hiện khi đề tài được Hội đồng khoa học nhà trường thông qua.

- + Được hỗ trợ kinh phí khi tham gia các lớp cao học, NCS,...

- + Số giờ giảng tiêu chuẩn được quy đổi từ nhiệm vụ NCKH (Viết bài báo khoa học và được đăng trên Tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, ISBN...; Thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở trở lên;...)

- + Được giảm trừ giờ giảng trực tiếp/năm khi làm nghiên cứu sinh trong nước, khi đi học thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng trong nước.

- Nhà trường có Kế hoạch triển khai công tác NCKH; Thông báo nộp SKCT; Báo cáo hoạt động KHCN của trường các năm (6.1.01 - *Kế hoạch về Hoạt động Khoa học và công nghệ năm 2020, 2021, 2022, 2023*; 6.1.02 - *QĐ về việc Thành lập Hội đồng nghiên cứu khoa học và đánh giá sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; 6.1.03 - *Biên bản họp Hội đồng nghiên cứu khoa học và đánh giá sáng kiến cải tiến cấp Trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 6.1.04 - *Báo cáo về Hoạt động Khoa học và công nghệ của Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm 2020, 2021, 2022, 2023*).

- Trường đã có Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên các năm (6.1.05 - *Thống kê đề tài NCKH, Sáng kiến cải tiến các năm 2020, 2021, 2022*). Tổng số 39 công trình trong 3 năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022. Như vậy, bình quân chung gần 10 công trình/ năm học.

- Nhà trường có Danh sách luận án tiến sĩ và luận văn thạc sỹ của nhà trường các năm (6.1.06 - *Thống kê Luận văn, Luận án*). Tổng số 11 Luận án TS cho toàn bộ các năm từ 2017-2022.

- Nhà trường có Danh sách bài báo đăng trên các tạp chí uy trong nước và quốc tế các năm, đã đủ 3 bài/năm học (6.1.07 - *Thống kê Bài báo, Ấn phẩm khoa học*).

- Trong Quyết định của Nhà trường về việc khen thưởng và Danh sách tổng hợp Hội giảng cấp trường, đã thể hiện được Trường có kinh phí chi khen thưởng, mức chi có thay đổi để phù hợp với tình hình, điều kiện, hoàn cảnh từng năm của nhà trường (6.1.08 - *Hồ sơ tổ chức hội giảng các năm gồm: Thống kê Nhà giáo tham gia Hội giảng các cấp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; Quy định và kế hoạch Tổ chức Hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; QĐ về việc Thành lập Ban giám khảo, Ban giám sát Hội giảng giáo viên dạy giỏi Cấp cơ sở Năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, Thông báo về việc Tổ chức Hội giảng giáo viên dạy giỏi các năm; QĐ về việc công nhận kết quả dự giờ đánh giá chất lượng giáo viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; QĐ về việc công nhận kết quả Hội giảng giáo viên cấp cơ sở năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; QĐ về việc khen thưởng Hội giảng giáo viên cấp cơ sở năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả Hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

- Theo Quyết định tặng giấy khen, cờ cho Hội thi thiết bị đào tạo tự làm của Sở LĐT-TB&XH Tỉnh Quảng Ninh các năm, đã thể hiện rõ lĩnh vực, mô hình mà Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh. Trong Quyết định đã có liệt kê mức giải Nhà trường đạt được và kinh phí chi khen thưởng tương ứng với các mô hình đã đạt giải của Trường. (6.1.09 - *Hồ sơ về hội thi thiết bị tự làm gồm: Thống kê Nhà giáo tham gia Hội thi thiết bị tự làm các năm 2019, 2022; QĐ về việc tặng Giấy khen, Cờ cho các tập thể, nhóm tác giả và cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019, 2022; Báo cáo kết quả tham dự Hội thi thiết bị tự làm tỉnh Quảng ninh năm 2019, 2022 của Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*).

- Nhà trường đã có Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu NCKH, SKCT các năm (Quyết định thành lập Hội đồng NCKH và đánh giá SKCT; Biên bản họp Hội đồng NCKH và đánh giá SKCT). Thông qua Hồ sơ, cho thấy khối lượng đã đủ 3 đề tài NCKH, SKCT/năm học (6.1.10 - *Hồ sơ về các đề tài SKKN của nhà trường các năm gồm: Thông báo về việc nộp Sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; QĐ về việc Thành lập Hội đồng nghiên cứu khoa học và đánh giá sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; Biên bản họp Hội đồng nghiên cứu khoa học và đánh giá sáng kiến cải tiến cấp Trường năm học 2019-2020, 2020-*

2021, 2021-2022; Đề nghị công nhận SKCT năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; QĐ về việc công nhận SKCT năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; QĐ về việc phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ; QĐ Thành lập Ban chủ nhiệm nhiệm vụ; Biên bản thẩm định tài chính nhiệm vụ; QĐ phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ; HD thực hiện nhiệm vụ; QĐ về việc Thành lập tổ chuyên gia đấu thầu nhiệm vụ; QĐ về việc phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ; QĐ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu; Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành nhiệm vụ KHCN; Báo cáo kết quả nghiên cứu, chuyển giao KHCN).

Trong bảng tổng hợp khối lượng NCKH và quy đổi ra tiết chuẩn đối với một số nhiệm vụ các năm học, đã thể hiện rõ mức quy đổi ra giờ giảng dạy chuẩn tương ứng với các nhiệm vụ NCKH (6.1.11 - Bảng tổng hợp khối lượng NCKH và quy đổi ra tiết chuẩn đối với một số nhiệm vụ các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Trường đã có Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở định hướng công tác NCKH, SKCT từ đầu năm học, các Khoa, Phòng/ban/trung tâm đăng ký đề tài và triển khai, tổ chức các Hội đồng thông qua thuyết minh đề tài theo quyết định của Ban giám hiệu. Nhà trường giao cho Phòng Kiểm định-Khoa học và hợp tác quốc tế thực hiện công việc này.

- Trong các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022: Trường công nhận 39 sáng kiến cải tiến cấp trường, đã được triển khai thực hiện và nghiệm thu đạt kết quả cao (6.1.05 - Thống kê đề tài NCKH, Sáng kiến cải tiến các năm 2020, 2021, 2022).

- Nhà trường đã có Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu NCKH, SKCT các năm (Quyết định thành lập Hội đồng NCKH và đánh giá SKCT; Biên bản họp Hội đồng NCKH và đánh giá SKCT). Thông qua Hồ sơ, cho thấy khối lượng đã đủ 3 đề tài NCKH, SKCT/năm học (6.1.10 - *Thông báo về việc nộp Sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; QĐ về việc Thành lập Hội đồng nghiên cứu khoa học và đánh giá sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; Biên bản họp Hội đồng nghiên cứu khoa học và đánh giá sáng kiến cải tiến cấp Trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; Đề nghị công nhận SKCT năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; QĐ về việc công nhận SKCT năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; QĐ về việc phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ; QĐ Thành lập Ban chủ nhiệm nhiệm vụ; Biên bản thẩm định tài chính nhiệm vụ; QĐ phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ; HĐ thực hiện nhiệm vụ; QĐ về việc Thành lập tổ chuyên gia đấu thầu nhiệm vụ; QĐ về việc phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ; QĐ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu; Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành nhiệm vụ KHCN; Báo cáo kết quả nghiên cứu, chuyển giao KHCN*).

- Trong bảng tổng hợp khối lượng NCKH và quy đổi ra tiết chuẩn đối với một số nhiệm vụ các năm học, đã thể hiện rõ mức quy đổi ra giờ giảng dạy chuẩn tương ứng với các nhiệm vụ NCKH (6.1.11 - *Bảng tổng hợp khối lượng NCKH và quy đổi ra tiết chuẩn đối với một số nhiệm vụ các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

- Nhà trường đã thống kê đầy đủ bản toàn, bản tóm tắt SKCT các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 (6.2.01 - *Bản toàn văn, bản tóm tắt SKCT các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

- Qua đánh giá của các hội đồng nghiệm thu đề tài, xét duyệt SKCT, các đề tài của CBGV, SV nhà trường gắn với đổi mới PPDH, nâng cao hiệu quả quản lý chuyên môn, từ đó giá trị khoa học, giá trị thực tiễn từng bước được nâng cao, được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo mới tại trường theo định hướng Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã có các bài báo, công trình NCKH được đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, cụ thể như sau:

- Năm 2019-2020, có các bài báo đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế:

1. Dương Trung Hiếu, Cấn Kim Hưng, Hoàng Văn Sâm ”*Đặc điểm hệ thực vật khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh*”/ Tạp chí Khoa học và công nghệ lâm nghiệp. 10/2019

2. Hà Thị Hồng Vân ” *Nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức pháp luật cho sinh viên hiện nay*”/ Tạp chí Dạy và học ngày nay. 11/2019

3. Phạm Thị Thu Phương ” *Phát triển thế giới quan duy vật biện chứng của sinh viên các trường cao đẳng nghề hiện nay*” /Tạp chí Dạy và học ngày nay. 11/2019

4. Phạm Thị Thu Phương ”*Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên hiện nay*” /Tạp chí Dạy và học ngày nay. 12/2019

5. Pham VV, Ammer C, Annighöfer P ” *The Presence of IUCN Red List Tree Species in Dependence of Site Characteristics in the Vietnamese Cat Ba National Park.* ” /Tạp chí Diversity. 3/2020

- Năm 2020-2021 có các bài báo:

1. Dương Trung Hiếu, Nguyễn Thị Tuyên, Cấn Kim Hưng, Hoàng Văn Sâm” *Chỉ số đa dạng sinh học thực vật tại khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn-Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh.* ” /Tạp chí Khoa học và công nghệ lâm nghiệp.10/2020

2. Phạm Thị Thu Phương ” *Nâng cao chất lượng đấu tranh tư tưởng lý luận của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị ở các trường Đại học, Cao đẳng hiện nay*” /Tạp chí Dạy và học ngày nay.10/2020

3. Nguyễn Văn Dinh ” *Возрастная структура подростка сосны на участках лесных культур*” /Hội thảo Khoa học quốc tế. 9/2020

4. Phạm Thị Thu Phương ” *Nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng hiện nay*” /Tạp chí Dạy và học ngày nay. 3/2021

5. Нгуен Тхи Тхюи ” *Установление связи высоты доминирующего яруса древостоя с его диаметром в национальном парке ву куанг Вьетнама*” / Сборник статей Международной научно-практической конференции. Таганрог. 4/2021

6. Nguyen Thi Thuy ” *The state of plantings in the experimental forest “Mieu Trang” – Quang Ninh, Viet Nam.* ” /Tạp chí The Scientific Heritage. 6/2021

- Năm 2021-2022, có các bài báo

1. Phạm Thị Thu Phương ” *Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học hiện nay*” /Tạp chí Dạy và học ngày nay. 11/2021

2. Phạm Thị Thu Phương ” *Phát huy vai trò của sinh viên các trường cao đẳng nghề trong học tập môn Giáo dục chính trị qua phương pháp dạy học giải quyết tình huống có vấn đề*” /Tạp chí Dạy và học ngày nay. 12/2021

3. Нгуен Тхи Тхюи, Нгуен Фук Зюи, До Хонг Хань. ” *Применение многокритериального анализа (Multi-Criteria Analysis–MCA) для выбора видов растений для определения приоритетности посадки на известняковых горах в районе кимбой провинции хоабинь (социалистическая республика Вьетнам).*” / «Актуальные проблемы и перспективы развития лесопромышленного комплекса» материалы iv международной научно-практической конференции. 9/2021

4. Чан Тхи Хай Иен, Выонг Ми Хоанг. ” *Рынок сельскохозяйственных земель Вьетнама.*” / LXIV научно-практической конференции студентов, аспирантов, молодых учёных и специалистов «Научные исследования и разработки молодых учёных для развития АПК». 4/2022

5. Hà Thị Hồng Vân ” *Xây dựng văn hoá pháp luật cho sinh viên hiện nay*” /Tạp chí Dạy và học ngày nay. 1/2022

6. Pham, V.V., Ammer, C., Annighöfer, P., Heinrichs, S., ” *Tree regeneration characteristics in limestone forests of the Cat Ba National Park, Vietnam.*” /Tạp chí BMC Ecol Evo. 1/2022

- Năm 2022-2023 có các bài báo:

1. Pham VV, Ammer C, Annighöfer P, Heinrichs S. ” *Plant species diversity and composition in limestone forests of the Vietnamese Cat Ba National Park..*” /Tạp chí Nature Conservation. 9/2022

(6.3.01- Các bài báo, đường link bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý được đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước và quốc tế)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch của Hội đồng nghiên cứu khoa học các đơn vị trong nhà trường tổ chức đăng ký các đề tài khoa học, các sáng kiến cải tiến. Hàng năm, Nhà trường thành lập hội đồng xét công nhận sáng kiến cải tiến cho cán bộ, giảng viên và giáo viên. Các đề tài tập trung nghiên cứu và các sáng kiến cải tiến tập trung vào các vấn đề: Đổi mới quản lý nâng cao chất lượng đào tạo; đổi mới phương pháp dạy và học;

xây dựng các phòng học chuyên môn; cải tiến các mô hình học cụ; các thiết bị dạy nghề. Các sáng kiến của giáo viên đều được phổ biến rộng rãi đến những giáo viên khác trong nhà trường áp dụng, tăng hiệu quả công việc thường ngày, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy giúp cho người học tiếp thu kiến thức, nâng cao kỹ năng tay nghề, nhanh chóng thành thạo nội dung công việc được giáo viên chuyển giao cho người học. Năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022: Trường công nhận 39 sáng kiến cải tiến cấp trường, đã được triển khai thực hiện và nghiệm thu đạt kết quả cao

(6.1.05 - Thống kê đề tài NCKH, Sáng kiến cải tiến các năm 2020, 2021, 2022; 6.1.10 - Thông báo về việc nộp Sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; QĐ về việc Thành lập Hội đồng nghiên cứu khoa học và đánh giá sáng kiến cải tiến năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; Biên bản họp Hội đồng nghiên cứu khoa học và đánh giá sáng kiến cải tiến cấp Trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; Đề nghị công nhận SKCT năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; QĐ về việc công nhận SKCT năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; QĐ về việc phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ; QĐ Thành lập Ban chủ nhiệm nhiệm vụ; Biên bản thẩm định tài chính nhiệm vụ; QĐ phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ; HĐ thực hiện nhiệm vụ; QĐ về việc Thành lập tổ chuyên gia đấu thầu nhiệm vụ; QĐ về việc phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ; QĐ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu; Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành nhiệm vụ KHCN; Báo cáo kết quả nghiên cứu, chuyển giao KHCN; 6.1.11 - Bảng tổng hợp khối lượng NCKH và quy đổi ra tiết chuẩn đối với một số nhiệm vụ các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 6.2.02- Bản toàn văn, bản tóm tắt SKCT các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động hợp tác với trường nước ngoài hay tổ chức quốc tế nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đã được Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường quan tâm đúng mức và coi đây là động lực quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn lực cho nhà trường.

Nhà trường đã đẩy mạnh hoạt động đào tạo, kết hợp NCKH với đào tạo, đồng thời đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo để tăng cường năng lực mọi mặt cho đội ngũ cán bộ và giảng viên, tăng cường cơ sở vật chất và kinh phí phục vụ đào tạo và sự phát triển chung của nhà trường. Tuy nhiên, trong những năm gần đây tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến khá phức tạp nên hoạt động này không được đẩy mạnh.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm.

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT. Hoạt động tài chính của nhà trường được thực hiện nghiêm túc theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành. Tất cả các nguồn tài chính được nhà trường tổ chức quản lý, sử dụng theo nguyên tắc và có hiệu quả.

Công tác xây dựng kế hoạch tài chính và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính luôn bám sát yêu cầu thực tế thực hiện nhiệm vụ của nhà trường và công khai đến các đơn vị. Nguyên tắc công khai, minh bạch tất cả các khoản thu - chi luôn được nhà trường coi trọng và thực hiện thường xuyên dưới nhiều hình thức, tạo điều kiện cho CBCNV có thể giám sát công tác tài chính và các hoạt động của trường.

***Những điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm không lãng phí, hợp lý các nguồn mà vẫn đảm bảo tốt chất lượng giảng dạy và học tập của HSSV nhà trường, tăng thu nhập cho CBVC.

Nhà trường thường xuyên cập nhật đầy đủ các nghị định, thông tư hướng dẫn để áp dụng vào công tác tài chính kế toán, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng đầy đủ và chính xác. Xây dựng kế hoạch và dự toán các nguồn lực hàng năm kịp thời trình Bộ phê duyệt.

Nguồn kinh phí của nhà trường đều được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo theo các quy định hiện hành, ưu tiên cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu và mua sắm vật tư, hóa chất, mô hình thiết bị phục vụ giảng dạy. Các khoản chi của nhà trường được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của nhà nước và dựa trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ; Hàng năm Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng, sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với chính sách hiện hành và

được công khai trước hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt, Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và hội nghị CBVC trong nhà trường trước khi ban hành. Quản lý tài chính chặt chẽ, phân bổ nguồn tài chính hợp lý tiết kiệm không lãng phí, đảm bảo đúng mục tiêu đào tạo của Nhà trường. đúng theo các qui định hiện hành

*** Những tồn tại**

Nguồn tài chính chủ yếu của nhà trường vẫn là ngân sách do Nhà nước cấp, các khoản thu sự nghiệp và các khoản thu khác của nhà trường chưa nhiều, chính vì vậy mà nhà trường chưa thực sự chủ động được nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của nhà trường.

Nhà trường chưa khai thác hết tiềm năng sẵn có của trường trong lĩnh vực NCKH, cung cấp dịch vụ KHKT,.. và đặc biệt chưa tận dụng, khai thác được tiềm năng tài nguyên rừng và đất rừng tại Trung tâm Thực hành – Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp để tăng nguồn thu cho ngân sách của nhà trường

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Đẩy mạnh hoạt động NCKH, cung cấp dịch vụ và chuyển giao tiến bộ KHKT trong cán bộ, giảng viên của nhà trường, đồng thời phát huy và tận dụng triệt để thế mạnh, tiềm năng tài nguyên rừng và đất rừng tại Trung tâm Thực hành – Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp để tăng cường nguồn thu tài chính cho nhà trường.

Tăng cường hợp tác quốc tế, tham gia các dự án về giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ do chính phủ các nước và các tổ chức phi chính đầu tư kinh phí để tạo điều kiện nâng cao nguồn nhân lực và cơ sở vật chất của nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6
<i>Tiêu chuẩn 7.1</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 7.2</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 7.3</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 7.4</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 7.5</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 7.6</i>	1

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tài chính và quản lý tài chính của Trường thực hiện theo Điều lệ trường Cao đẳng ban hành theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội. Trường chịu sự kiểm soát của Kho bạc Nhà nước và cơ quan quản lý tài chính cấp trên (Sở Tài chính) và các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán theo quy định.

Trường vận dụng hệ thống văn bản tài chính để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và hàng năm được bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Quy chế chi tiêu nội bộ được thảo luận, góp ý tại các đơn vị Phòng, Khoa và được biểu quyết thông qua tại Hội nghị Cán bộ viên chức của trường theo từng năm học trước khi ban hành. Đây là cơ sở và là căn cứ trong việc quản lý và chi tiêu tài chính trong đơn vị. (1.3.02: *Quyết định số 130/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020; Quyết định số 283/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; Quyết định số 212/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; 7.1.01- Quy trình/quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính*)

Hiện nay, Trường đã sử dụng phần mềm kế toán MISA và theo dõi trên sổ thống kê của kế toán. Hệ thống hồ sơ sổ sách quản lý, phần mềm kế toán theo đúng mẫu và quy định của Bộ tài chính. Phòng Tài chính-Kế toán cũng tham mưu với Ban giám hiệu đề xuất mức thu học phí, thu lệ phí Kí túc xá với HSSV (7.1.02- *Phần mềm kế toán (Misa); 7.1.03- Quyết định mức thu học phí; Quyết định giảm học phí cho HS-SV; Quyết định mức hu lệ phí KTX năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*)

Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Hình thức công khai:

- Công khai trên website của nhà trường;
- Gửi văn bản công khai đến viên chức Lãnh đạo các phòng, khoa
- Dán tại phòng Văn thư,
- Hội nghị cán bộ viên chức năm 2020; 2021; 2022; 2023

(7.1.04 - *Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn NSNN năm 2020, 2021, 2022; 7.1.05- Biên bản Hội nghị Công nhân viên chức năm 2020, 2021, 2022 (có nội dung công khai tài chính); 7.1.06 - Báo cáo Hội nghị công nhân viên chức năm 2020;*

2021; 2022; 2023; 7.1.07 - Quyết định v/v công khai dự toán thu chi nhà trường năm 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ dịch vụ hoạt động đào tạo, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đề quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định.

Ngoài các nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp chi thường xuyên, kinh phí chương trình mục tiêu, nhà trường còn có các nguồn thu hợp pháp từ học phí và lệ phí, liên kết đào tạo, dịch vụ nhà ăn và các khoản thu khác (7.2.01- Danh mục các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm 2020, 2021, 2022, 2023; 7.2.02- Dự trù kinh phí hoạt động năm 2020, 2021, 2022, 2023;)

Nhà trường đã thực hiện đúng các văn bản của Nhà nước quy định về mức thu phí, lệ phí, học phí, như nghị định số 86/015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu học phí, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 (7.1.03 - Quyết định mức thu học phí; Quyết định giảm học phí cho HS-SV; Quyết định mức thu lệ phí KTX năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 7.2.03 - Các thông báo thu học phí của các hệ đào tạo năm 2020, 2021, 2022; 7.2.04 - Quyết định thu lệ phí ký túc xá năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; bảng kê, danh sách học sinh ở KTX; phiếu thu; 7.2.05 - Hồ sơ quản lý, sử dụng khai thác, tận thu gỗ rừng trồng (Quyết định phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác, tận thu gỗ rừng trồng; Đơn xin khai thác, Hồ sơ khai thác, Hợp đồng giao khoán và biên bản xác định khối lượng; 7.2.06 - Chứng từ thu lãi tiền gửi ngân hàng (Sổ phụ và chứng từ giao dịch ngân hàng; 7.2.07 - Sổ kế toán các khoản thu của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; 7.2.08 - Sổ chi tiết các tài khoản, sổ cái, sổ tổng hợp năm 2020, 2021, 2022

Diễn giải	Năm 2020	Năm 2021
I. Phần thu	33.588.067.041	29.926.335.205
1. Từ NSNN cấp	32.149.725.000	27.630.362.409
2. Thu hoạt động	1.438.342.041	2.295.972.796

* <i>Từ học phí</i>	530.080.000	855.901.000
* <i>Thu khác</i>	908.262.041	1.440.071.796
II. Phần chi	32.782.325.019	25.613.136.542
1. Chi cho con người	21.756.000.000	13.393.999.262
2. Chi hoạt động chuyên môn	2.365.531.000	1.103.879.125
3. Chi hoạt động chung	3.072.194.019	2.899.512.531
4. Mua sắm sửa chữa	5.399.000.000	6.700.000.000
5. Chi khác	189.600.000	1.515.745.624
III. Chênh lệch thu- chi	805.742.022	4.313.198.663
1. Trích quỹ	797.213.133	4.297.198.663
2. Tạo nguồn CCTL	8.528.889	16.000.000

Nguồn: Phòng TCKT

Từ bảng nêu trên cho thấy nguồn tài chính thu đảm bảo duy trì hoạt động dạy nghề của Nhà trường. Trường thực hiện quyết toán hàng năm theo qui định, nộp Bộ NN&PTNT xét duyệt. Kết quả nghiên cứu thông báo Xét duyệt quyết toán ngân sách phản ánh: “Trường thực hiện chấp hành dự toán, kế toán, lập các báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính đúng theo qui định hiện hành; chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước: Đơn vị thực hiện thu và nộp NSNN các khoản phải nộp theo đúng qui định về chế độ thu học phí đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo công lập; Về chế độ chi tiêu: Đơn vị thực hiện lập và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ đúng quy định; Các chứng từ chi được lập phản ánh đúng nội dung phát sinh, chứng từ được sắp xếp khoa học rõ ràng” (7.2.09 - Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022; 7.2.10 - Biên bản, kết luận thanh tra kiểm tra, kiểm toán tài chính năm 2020, 2021, 2022)

Như vậy, trong những năm qua, Nhà trường đã quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động đào tạo, sản xuất kinh doanh, dịch vụ chặt chẽ, đúng quy định

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT. Hoạt động của nhà trường hàng năm được dựa trên các nguồn thu hợp pháp sau: Ngân sách nhà nước cấp, Kinh phí thu sự nghiệp (học phí, lệ phí, lãi tiền gửi ngân hàng, kí túc xá, liên kết đào tạo,...). Kết quả kiểm tra, duyệt quyết toán hàng năm của Bộ Nông nghiệp và PTNT cho thấy kinh phí từ các nguồn thu được nhập

vào các tài khoản kế toán của nhà trường đều theo đúng những quy định tài chính hiện hành (7.3.01 - Dự toán ngân sách hoạt động năm 2020, 2021, 2022; 7.2.09 - Bộ Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022; 7.2.11- Biên bản, kết luận thanh tra kiểm tra, kiểm toán tài chính năm 2020,2021, 2022).

Trên cơ sở các nguồn thu hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch phân bổ, sử dụng hợp lý nguồn tài chính, thực hiện đúng mục lục ngân sách Nhà nước cấp, các quy định của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và PTNT về công tác quản lý và sử dụng tài chính tại các đơn vị sự nghiệp có thu và thực hiện nghiêm túc các điều, khoản của Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hợp pháp khác của nhà trường. Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng một cách rõ ràng từ nguồn thu sự nghiệp, nguồn thu do ngân sách Nhà nước cấp, các nguồn thu khác cho đến các nội dung chi sát thực tế với nhu cầu của nhà trường như chi hoạt động thường xuyên, chi mua sắm trang thiết bị, chi xây dựng cơ bản, chi hoạt động đoàn thể, phong trào,.. đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chung của nhà trường (7.2.03 - Các thông báo thu học phí của các hệ đào tạo năm 2020, 2021, 2022; 7.2.04 - Quyết định thu lệ phí ký túc xá năm học 2019-2020,2020-2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; bảng kê, danh sách học sinh ở KTX; phiếu thu; 7.2.05 - Hồ sơ quản lý, sử dụng khai thác, tận thu gỗ rừng trồng (Quyết định phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác, tận thu gỗ rừng trồng; Đơn xin khai thác, Hồ sơ khai thác, Hợp đồng giao khoán và biên bản xác định khối lượng) 7.2.06 - Chứng từ thu lãi tiền gửi ngân hàng (Sổ phụ và chứng từ giao dịch ngân hàng) 7.2.07 - Sổ kế toán các khoản thu của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; 7.2.08 - Sổ chi tiết các tài khoản, sổ cái, sổ tổng hợp năm 2020, 2021, 2022.

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm vừa qua, nhà trường đã thực hiện đúng việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định. Các quy định về quản lý tài chính đã được thể hiện trong các báo cáo thanh tra tài chính các năm, báo cáo kiểm toán Nhà nước, báo cáo thanh tra xây dựng cơ bản và trong các báo cáo về quy chế tự kiểm tra tài chính. Công tác tài chính hàng năm đều được Phòng Tài chính – Kế toán báo cáo công khai bằng văn bản, gửi tới các đơn vị và giải trình trong Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm

(7.2.08 - Sổ chi tiết các tài khoản, sổ cái, sổ tổng hợp năm 2020, 2021, 2022; 7.2.09 - Bộ Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022)

Việc thu – chi tài chính được thực hiện theo đúng kế hoạch, hàng tháng, hàng quý đều có thông báo cho toàn thể CBCNV tại các kỳ họp cơ quan và niêm yết tại bảng tin của nhà trường, được theo dõi và quản lý chặt chẽ tại kho bạc nhà nước thị xã Quảng Yên. Các khoản chi tiêu của nhà trường đều được thực hiện theo đúng quy định, có hoá đơn, chứng từ theo quy định của Bộ tài chính. Mọi khoản thu – chi đều có đầy đủ chữ ký, tên người thực hiện và được công khai, minh bạch. Các khoản tiền lương, tiền thưởng, học bổng của HSSV,.. đều được chi đúng, chi đủ và kịp thời, không để xảy ra vướng mắc, khiếu nại. Kết quả các cuộc thanh tra, kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Kiểm toán Nhà nước đối với công tác tài chính của nhà trường trong những năm qua cho thấy nhà trường không vi phạm các quy định về quản lý tài chính và đảm bảo sử dụng kinh phí theo đúng quy định và hiệu quả cao. (7.2.10 - Biên bản, kết luận thanh tra kiểm tra, kiểm toán tài chính năm 2020,2021, 2022; 7.3.01 - Dự toán ngân sách hoạt động năm 2020, 2021, 2022; 1.3.02: Quyết định số 130/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020; Quyết định số 283/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; Quyết định số 212/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; 7.2.01 - Danh mục các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm 2020, 2021, 2022; 7.4.01- Dự toán thu chi tài chính được phê duyệt năm 2020, 2021, 2022; 7.4.02- Bảng đối chiếu Kho bạc năm 2020, 2021, 2022; 7.4.03- Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt năm 2020, 2021, 2022; 7.4.04- Biên bản kiểm kê tài sản năm 2020, 2021, 2022; 7.4.05- Sổ phụ tài khoản ngân hàng năm 2020, 2021, 2022; 7.4.06- Biên bản kiểm tra phê duyệt quyết toán năm 2020, 2021, 2022)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền, thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở dự toán tài chính lập hàng năm, phòng kế toán có nhiệm vụ kiểm soát chi tiêu, thanh quyết toán theo đúng quy định. Biên bản xét duyệt quyết toán của Bộ Nông nghiệp và PTNT đánh giá nhà trường thực hiện đúng các quy định của Nhà nước

về chế độ hạch toán kế toán, sổ sách ghi chép, chứng từ kế toán được lập đầy đủ rõ ràng. Báo cáo quyết toán lập và nộp đúng thời hạn, chấp hành tốt dự toán ngân sách nhà nước, đảm bảo thu chi đúng chế độ. Nhà trường đã thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, công tác kiểm toán theo đúng quy định. Kết quả các cuộc thanh tra, kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Kiểm toán Nhà nước đối với công tác tài chính của nhà trường trong những năm qua cho thấy nhà trường không vi phạm các quy định về quản lý tài chính và đảm bảo sử dụng kinh phí theo đúng quy định và hiệu quả cao. (7.5.01- *Kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022*). Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, Trường thành lập tổ kiểm tra tài chính kế toán nội bộ gồm các thành phần: Hiệu trưởng, Ban thanh tra nhân dân, đại diện BCHCĐ, Trưởng các khoa và phòng Tài chính Kế toán, tổ kiểm tra tiến hành kiểm tra công tác tài chính theo đúng kế hoạch Nhà trường được UBND Thành phố Hà Nội giao dự toán ngân sách vào đầu mỗi năm đảm bảo một phần hoạt động chi thường xuyên trong năm (7.5.02- *Quyết định thành lập Hội đồng/ban tự kiểm tra đánh giá tài chính năm 2020, 2021, 2022*; 7.5.03- *Biên bản kết quả tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022*). Công tác tài chính hàng năm đều được Phòng Tài chính – Kế toán báo cáo công khai bằng văn bản, gửi tới các đơn vị và giải trình trong Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm. Việc thu – chi tài chính được thực hiện theo đúng kế hoạch, hàng tháng, hàng quý đều có thông báo cho toàn thể CBCNV tại các kỳ họp cơ quan và niêm yết tại bảng tin của nhà trường (7.5.04 - *Báo cáo kết quả tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022*; 7.2.10 - *Biên bản, kết luận thanh tra kiểm tra, kiểm toán tài chính năm 2020, 2021, 2022*; 7.5.05 - *Báo cáo của Trường về việc thực hiện các kết luận trong công tác tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022*; 7.1.07 - *Quyết định v/v công khai dự toán thu chi nhà trường năm 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường, có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính hàng năm của Trường cụ thể, chi tiết như: Các nguồn tài chính phân bổ đúng mục đích, đúng qui định; các nguồn thu hợp pháp từ học phí, lệ phí, liên kết đào tạo đều được sử dụng hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường cũng như đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường. Trong các báo cáo gửi các đơn vị chủ quản

đều có sự đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; Kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính (7.5.01- Kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022). (7.5.02- Quyết định thành lập Hội đồng/ban tự kiểm tra đánh giá tài chính năm 2020, 2021, 2022; 7.5.03- Biên bản kết quả tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022)

Đến nay, Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường đã qua 17 lần sửa đổi bổ sung. Nhà trường, tiếp tục đổi mới công tác quản lý tài chính theo hướng thuận tiện, hiệu quả, công khai minh bạch và đúng chế độ chính sách về tài chính, tạo điều kiện thuận lợi về kinh phí cho các hoạt động của nhà trường. (7.5.04- Báo cáo kết quả tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022; 7.6.01- Biên bản họp cuối năm của Ban Giám hiệu với các lãnh đạo các phòng, khoa ban năm 2020, 2021, 2022 trong đó có nội dung lấy ý kiến về công tác tài chính; 7.6.02 - Báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính năm 2020, 2021, 2022).

Hàng năm, trường lấy ý kiến của cán bộ quản lý liên quan đến công tác tài chính đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

Dịch vụ cho người học chỉ toàn bộ các hoạt động mà kết quả của chúng không tồn tại dưới hình dạng vật thể. Các hoạt động dịch vụ cho người học của nhà trường được thực hiện dựa theo nội dung yêu cầu của các loại văn bản quy định về chế độ, chính sách, quyền lợi của người học của Đảng và Nhà nước đã ban hành. Cụ thể nó bao gồm các hoạt động về cung cấp thông tin về hoạt động đào tạo, giải quyết chế độ chính sách, khen thưởng, tư vấn việc làm, văn nghệ, thể thao....

***Những điểm mạnh**

Nhà trường đã cung cấp đầy đủ và kịp thời các văn bản về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, các quy định trong quy chế đào tạo, những quy định, hướng dẫn thông báo của nhà trường đến người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, qua đó giúp người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Đa số người học đã thực hiện tốt các quy định trong quy chế đào tạo, rèn luyện và các vấn đề liên quan đến người học.

Người học được hưởng mọi chế độ chính sách xã hội ưu đãi, đảm bảo kịp thời và theo đúng quy định của Nhà nước. Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả để hỗ trợ HSSV về chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe trong quá trình học tập, rèn luyện tại trường. Hàng năm đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao trong HSSV thu hút người học tham gia các hoạt động lành mạnh rèn luyện sức khỏe, vui chơi giải trí, tránh xa được các tệ nạn xã hội. Công tác an ninh trật tự trong nhà trường luôn được đảm bảo, tạo điều kiện cho HSSV yên tâm học tập và rèn luyện.

***Những tồn tại**

Dịch vụ tư vấn việc làm, cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm, thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp ra trường đã có thực hiện nhưng chưa thật tốt.

Nhà trường chưa thực hiện tổ chức khám sức khỏe cho HS mới vào Trường và thực hiện khám sức khỏe hàng năm cho các HS thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định

***Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Cần đẩy mạnh hơn công tác tư vấn việc làm và tiến hành có hiệu quả trong việc giúp đỡ người học có nhiều thông tin về các đơn vị sử dụng lao động tuyển dụng lao động thông hoạt động liên kết, kết nối 3 bên giữa nhà trường, doanh nghiệp và người học. Thông qua hoạt động này nhà trường, doanh nghiệp cùng tham gia tuyển sinh, doanh nghiệp tham gia hoạt động đào tạo cùng nhà trường, nhà trường cung cấp nhân lực có chất lượng cho doanh nghiệp.

Năm tới, Nhà trường cần có kế hoạch cụ thể về việc tổ chức khám sức khỏe cho HSSV mới vào trường và thực hiện khám sức khỏe hàng năm cho các HS thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
----------------------	------------------

Tiêu chí 8	8
<i>Tiêu chuẩn 8.1</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 8.2</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 8.3</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 8.4</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 8.5</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 8.6</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 8.7</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 8.8</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 8.9</i>	1

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp, nội quy và quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã triển khai việc cung cấp các thông tin cho người học về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng vào nhiều thời điểm. Cụ thể các hình thức và nội dung thông tin được cung cấp như sau:

+ Tổ chức cung cấp thông tin thông qua các buổi sinh hoạt lớp và học tập chính trị đầu khóa (8.1.01-Các Kế hoạch của Hiệu trưởng về việc tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh, sinh viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023). Đầu mỗi năm học, Trường xây dựng kế hoạch đón tiếp sinh viên mới, kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV, quy định rõ về các nội dung cần phải phổ biến đến SV và phân công các phòng khoa, tổ chức đảm nhận từng nội dung công việc trong đó chủ trì là phòng công tác HSSV.

Nội dung phổ biến trong tuần đầu khóa gồm:

- + Kế hoạch học tập của các khóa học
- + Các quy định tổ chức đào tạo theo phương pháp tích lũy mô đun
- + Cơ cấu, tổ chức và truyền thống của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc
- + Mục tiêu, nhiệm vụ năm học
- + Quy chế thi, kiểm tra

- + Các vấn đề liên quan đến công tác đào tạo trong nhà trường
- + Quy chế công tác HSSV và Quy chế rèn luyện HSSV trong nhà trường
- + Các dịch vụ đối với người học: Thực hiện chế độ chính sách, hướng dẫn thủ tục vay vốn tín dụng, ưu đãi, các thủ tục xác nhận HSSV, tình hình ký túc xá, căng tin, y tế trong nhà trường...

- Cung cấp thông tin qua Sổ tay sinh viên dùng cho sinh viên khóa mới. Nội dung gồm: (8.1.02- Sổ tay học sinh, sinh viên năm học: 2020- 2021, 2021-2022, 2022 – 2023)

- + Lịch sử phát triển, sứ mạng tầm nhìn, mục tiêu của Trường;
- + Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;
- + Quy chế công tác học sinh sinh viên hệ chính quy Trường CD NLDB;
- + Nội quy ra vào cổng trường;
- + Nội quy ký túc xá học sinh, sinh viên;
- + Nội quy phòng ở ký túc xã học sinh sinh viên;
- + Các ăn bản quy định về chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên;
- + Các mẫu đơn...xin nghỉ, miễn giảm;

- Giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện sinh hoạt lớp hàng tuần trong đó có các nội dung phổ biến các quy định mới được bổ sung, điều chỉnh; Các buổi sinh hoạt lớp các giáo viên chủ nhiệm cung cấp các thông tin:

- + Quy chế công tác HSSV;
- + Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp;
- + Nội quy, quy chế của trường;
- + Các chế độ chính sách đối với người học;
- + Hướng dẫn các chế độ, chính sách, vay vốn tín dụng, ưu đãi, xác nhận HSSV...

Giải thích các vấn đề sinh viên hỏi như: Quy chế công tác HSSV; Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; Nội quy, quy chế của trường; Các chế độ chính sách đối với người học; Hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách, vay vốn tín dụng, ưu đãi, xác nhận HSSV, các nội dung liên quan đến quá trình học tập, rèn luyện, xét điểm học tập, rèn luyện, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, thông báo các chế độ chính sách mới có liên quan đến người học ...đồng thời qua đó giáo viên chủ nhiệm cũng thu nhận ý kiến của người học trong quá trình học tập, thực hiện nội quy để phản ánh với nhà trường (1.3.14 - Quyết định số 137/QĐ-CDNLDB-CTSV ngày 03 tháng 04

năm 2018 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy; 8.1.03 - Thông báo về việc thực hiện các chính sách và chế độ miễn, giảm học phí đối với HS-SV các năm học; 1.3.09 - Quyết định số 509/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2019 ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, kèm theo Quy chế).

Sau mỗi đợt học tuần đầu khóa, trường tổ chức cho sinh viên làm bài thu hoạch về các nội dung quyền và nghĩa vụ của HSSV (8.1.04- Báo cáo kết quả thực hiện công tác sinh hoạt chính trị đầu khóa của HSSV năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022 – 2023)

Qua số liệu khảo sát năm 2020; 2021; 2022; 2023 về việc cung cấp thông tin cho người học trước khi nhập học và quá trình học, có 98% HS, 100% GV và CBQL được khảo sát đều hài lòng và hoàn toàn hài lòng về việc người học được cung cấp đầy đủ các thông tin (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định.

Trường ban hành các quy định quy chế về quyền và nghĩa vụ của HSSV trong thời gian học tại Trường như: quy chế HSSV ban hành theo thông tư 17/2017/TT-BLĐTĐBXH; Quy định về miễn, giảm học phí theo nghị định 86/2015/NĐ-CP; Các quy định về chính sách nội trú, chính sách học bổng v.v Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho HSSV đang học tập tại trường theo quy định như: miễn, giảm học phí, cấp học bổng khuyến khích, khen thưởng,.. (8.1.03-Thông báo về việc thực hiện các chính sách và chế độ miễn, giảm học phí đối với HS-SV các năm học)

- Về thực hiện chế độ chính sách cho HSSV:

+ Chính sách đối với học sinh sinh viên là người dân tộc thiểu số mỗi năm được 10 tháng và được hưởng trong 2 năm mỗi tháng được 1.490.000 đồng.

Nhà trường còn xét trợ cấp xã hội 140.000đ/tháng miễn giảm học phí cho các HSSV chuyên ngành CNTY thuộc các đối tượng chính sách theo đúng quy định của Nhà nước (8.2.01-Các Quyết định và danh sách học sinh, sinh viên được hưởng chế độ chính sách năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023).

- Chương V, Điều 20: Nội dung, hình thức khen thưởng học sinh, sinh viên đã quy định các nội dung khen thưởng cho học sinh, sinh viên rất cụ thể cho tập thể, cá nhân đạt thành tích (*1.3.14: Quyết định số 137/QĐ-CDNLĐB-CTSV ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy*)

+ Điều 14 Quy chế chi tiêu nội bộ Trường CDNLĐB đã quy định tại Điều 14 Học bổng học sinh, sinh viên: Chi theo quy định của nhà nước

+ Điều 15 chi thi đua khen thưởng, mục 2 khen thưởng năm học, khoản 2.1 đã quy định:

- Đạt danh hiệu học sinh, sinh viên xuất sắc năm học, tốt nghiệp xuất sắc được thưởng: 150,000 đồng/HSSV

- Đạt danh hiệu học sinh, sinh viên đạt loại giỏi năm học, tốt nghiệp loại giỏi được thưởng: 100,000 đồng/HSSV

- Khen thưởng cho học sinh tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh giải nhất được 400.000 đồng, giải nhì 300.000 đồng, giải ba: 200.000 đồng (*1.3.02 - Quyết định số 130/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, Quyết định số 283/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, Quyết định số 212/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, Quyết định số 226/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023*)

Đồng thời Trường đã thực hiện chính sách khen thưởng cho học sinh giỏi các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 – 2023 (*8.2.02- Quyết định khen thưởng HSSV đính kèm Danh sách học sinh, sinh viên được khen thưởng năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 – 2023; 1.5.03- Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022 – 2023*)

Qua số liệu khảo sát về việc chế độ chính sách, có 98% HS, 100% GV và CBQL được khảo sát đều hài lòng và hoàn toàn hài lòng về các chế độ chính sách được hưởng (*1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023*)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động-Thương binh & Xã hội, nhà trường ban hành Quy chế công tác HSSV để phù hợp với điều kiện thực tiễn tại trường. Theo đó, nhà trường thực hiện đầy đủ các chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Tại Chương V, Điều 20: Nội dung, hình thức khen thưởng học sinh, sinh viên đã quy định các nội dung khen thưởng cho học sinh, sinh viên rất cụ thể cho tập thể, cá nhân đạt thành tích (1.3.14 - *Quyết định số 137/QĐ-CDNLĐB-CTSV ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy*).

Tại Điều 14 Quy chế chi tiêu nội bộ Trường CDNLĐB đã quy định tại Điều 14 Học bổng học sinh, sinh viên: Chi theo quy định của nhà nước (1.3.02 - *Quyết định số 130/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020; Quyết định số 283/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, Quyết định số 212/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, Quyết định số 226/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023; 8.1.03 - Thông báo về việc thực hiện các chính sách và chế độ miễn, giảm học phí đối với HS-SV các năm học*).

+ Điều 15 chi thi đua khen thưởng, mục 2 khen thưởng năm học, khoản 2.1 đã quy định:

-Đạt danh hiệu học sinh, sinh viên xuất sắc năm học, tốt nghiệp xuất sắc được thưởng: 150,000 đồng/HSSV

-Đạt danh hiệu học sinh, sinh viên đạt loại giỏi năm học, tốt nghiệp loại giỏi được thưởng: 100,000 đồng/HSSV

-Khen thưởng cho học sinh tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh giải nhất được 400.000 đồng, giải nhì 300.000 đồng, giải ba: 200.000 đồng

Cuối năm khi HSSV nghỉ tết về với gia đình trường còn có quà cho các em học sinh nghèo vượt khó và bố trí xe trở các em về địa phương

Đồng thời Trường đã thực hiện chính sách khen thưởng cho học sinh giỏi (8.2.02- *Quyết định khen thưởng HSSV đính kèm Danh sách học sinh, sinh viên được khen thưởng năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 - 2023*)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn tôn trọng và đối xử bình đẳng “*Lấy người học làm trung tâm*”, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân của mỗi sinh viên, giải quyết nguyện vọng chính đáng cho sinh viên.

Kế hoạch tuyển sinh đã nêu rõ: chỉ tiêu tuyển sinh trong năm không phân biệt giới tính, tôn giáo, ở trong tỉnh hay ngoài tỉnh đều có quyền đăng ký học (2.3.06- *Tờ bướm, thông báo tuyển sinh các năm học 2020, 2021, 2022*)

Khi nhập học, nhà trường tổ chức “*Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa*”, HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin về chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan đến HSSV; được xét tiếp nhận vào Khu Nội trú theo quy định của trường (8.4.01- *Quy định ký túc xá của Trường*)

Qua khảo sát và kết quả khảo sát, cũng như báo cáo tổng kết công tác năm 2020, 2021, 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo thì người học luôn được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường, được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân để hoàn thành nhiệm vụ học tập (1.5.03- *Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022 – 2023; 1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023*).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ký túc xá của Trường cung cấp đủ chỗ ở của học sinh sinh viên toàn Trường. Hiện nay, khu ký túc xá của nhà trường được xây dựng với 4 dãy 3 tầng C1, C2, C3, C4 gồm 90 phòng với tổng diện tích sàn là 3.982 m². Mỗi phòng có diện tích 26 m², 04 phòng có diện tích 46m². Năm 2021 có 774 HSSV nội trú. Ký túc xá được trang bị đầy đủ hệ thống điện nước, vệ sinh đảm bảo điều kiện ở, học tập và nghiên cứu cho HSSV: mỗi phòng đều có nhà vệ sinh khép kín và được trang bị đầy đủ ánh sáng, quạt điện để phục vụ cho học sinh (8.5.01- Báo cáo hoạt động ký túc xá năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022-2023; 8.5.02-Bảng thống kê số liệu và danh sách HSSV nội trú năm học 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023).

Nhà trường còn thành lập Ban quản lý Ký túc xá và đảm bảo thời gian trực 24/24 giờ để giải quyết các vụ việc kịp thời trong khu Ký túc xá và tham gia phối hợp quản lý với các cơ quan chức năng đối với HSSV ngoại trú, nhằm đảm bảo tốt về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội giúp HSSV yên tâm, nâng cao chất lượng học nghề.

Hàng năm Nhà trường cũng thường xuyên sửa chữa, tu bổ sân, nhà, hệ thống cấp thoát nước; nâng cấp các thiết bị sử dụng tại ký túc xá nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập cho HSSV nội trú. Khu ký túc xá có phòng tiếp khách, phòng xem tivi của HSSV đầy đủ tiện nghi để gia đình và người thân của HSSV lưu trú khi đến thăm.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV về cơ sở vật chất ký túc xá. Thông qua kết quả khảo sát của học sinh cho thấy các đối tượng đều hài lòng về các hoạt động này của nhà trường. (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có bộ phận y tế nằm trong phòng Công tác HSSV có 2 nhân viên y tế, có tủ thuốc và đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV. Dưới sự quản lý của phòng Công tác HSSV, y tế của nhà trường thường xuyên chủ động kiểm tra, đôn đốc vệ sinh khu ký túc xá, giảng đường, kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm của các bếp ăn trong nhà trường nhằm phòng chống dịch bệnh. Nhà trường thường xuyên chăm lo sức khỏe, tổ chức sơ cứu và giới thiệu đi bệnh viện điều trị kịp thời cho số HSSV có bệnh nặng. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể đảm bảo tốt quyền lợi cho người học (8.6.01- Báo cáo đánh giá về công tác y tế trường học năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022-2023)

HSSV học tập tại trường đều tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể hằng năm, đồng thời luôn được Nhà trường quan tâm giành riêng một khoản kinh phí đưa vào kế hoạch chi tiêu nội bộ hàng năm để mua thuốc y tế sơ, cấp cứu ban đầu, HSSV được tuyên truyền, tham gia tích cực các chương trình y tế nhân đạo như hiến máu tình nguyện, HSSV tình nguyện tham gia vệ sinh môi trường (8.6.02 - Danh mục tủ thuốc - dụng cụ y tế các năm Sở theo dõi tăng giảm số lượng thuốc hàng tháng; 8.6.03- Hồ sơ cấp phát thuốc và sổ theo dõi sức khỏe năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022-2023).

Nhà ăn căng tin đảm bảo phục vụ tốt cho gần 500 HSSV; Lương thực, thực phẩm cung cấp để chế biến phục vụ cho HSSV được Nhà trường quan tâm, chú trọng và quản lý chặt chẽ nên không để xảy ra hiện tượng ngộ độc thực phẩm trong quá trình sử dụng (8.6.04- Bản cam kết đảm bảo ATTP đối với cơ sở Bếp ăn; Chứng chỉ sơ cấp Chế biến món ăn và phục vụ của người ký HĐ với trường chịu trách nhiệm chuyên môn của Bếp ăn; 8.6.05- Báo cáo đánh giá dịch vụ ăn uống của trường năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022-2023)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV về dịch vụ y tế, chăm sóc ăn uống cho người học, thông qua kết quả khảo sát cho thấy các đối tượng đều hài lòng (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm qua, Nhà trường luôn chú trọng đến đời sống văn hóa tinh thần của HSSV thông qua việc phát triển các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao và bố trí thời gian hợp lý để HSSV tham gia. Hoạt động văn nghệ thể dục thể thao được Đoàn thanh niên, Khoa Khoa học cơ bản (trong đó có các giáo viên giáo dục thể chất, quốc phòng) tổ chức đều đặn từng đợt, từng kỳ. Với sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư về mặt kinh phí của nhà trường (trích từ ngân sách theo quy định của nhà nước), các hoạt động văn nghệ thể dục thể thao đã thu hút được đông đảo HSSV tham gia.

Nhà trường có 01 khu thể thao liên hợp gồm: 02 sân bóng đá có đường chạy điền kinh xung quanh sân, 04 sân cầu lông và 01 nhà thi đấu đa năng; 01 Hội trường với hệ thống âm thanh trang thiết bị hiện đại có sức chứa trên 300 chỗ ngồi để tổ chức và thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học (8.7.01- *Thông tin khu thể thao, văn hóa*)

Trong năm học, Đoàn thanh niên nhà trường đã phối hợp với Công đoàn trường tổ chức các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày Lễ như: 9/01; 26/3; 20-11, ngày khai giảng năm học,...; Học sinh, sinh viên được tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tình nguyện, tham gia vào các cuộc thi tìm hiểu về các vấn đề xã hội,...(8.7.02- *Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022; 8.7.03- BC kết quả tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022 - 2023*)

Người học luôn được tạo những điều kiện tốt nhất để học tập và rèn luyện trong quá trình học tập tại trường. Khu Nội trú của nhà trường được xây dựng trong khuôn viên tổng thể của nhà trường; Phó Hiệu trưởng là trưởng ban Khu Nội trú và trưởng một số đơn vị liên quan quản lý, bảo vệ trường tham gia trực 24/24 tại Khu Nội trú. Toàn bộ khuôn viên nhà trường được xây dựng hệ thống hàng rào chắc chắn và có bảo vệ thường trực 24/24 giờ nhằm đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường. Các hoạt động của nhà trường diễn ra được đảm bảo an ninh trật tự, được sinh viên hưởng ứng, nhiệt tình tham gia.(8.7.04- *Quy định về việc thành lập đội tự quản của học sinh; 8.7.05-*

Phân công trực bảo vệ; 8.7.06- Phân công trực KTX; 8.7.07- Nội quy KTX; 8.7.08- Nội quy phòng ở)

Nhà trường luôn quan tâm đến nâng cao cơ sở vật chất, với vị trí đẹp, khuôn viên bố trí hợp lý, đảm bảo an ninh trật tự để đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt của HSSV. (8.7.09- Quy chế phối hợp bảo vệ ANTT với công an phường năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022-2023; 8.7.10- Các kế hoạch và báo cáo về nội dung tham gia hoạt động văn nghệ, TDTT của các đơn vị cấp trên; 1.5.01- Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022 – 2023)

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, nhà trường thành lập tổ tư vấn hỗ trợ việc làm, đóng vai trò là cầu nối giữa nhà trường với các cơ quan doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm tư vấn, hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, thực tập rèn luyện nghề nghiệp. Nhà trường thực hiện tư vấn cho người học sau khi tốt nghiệp bằng nhiều hình thức khác nhau như phân công cán bộ tư vấn trực tiếp, ngày tư vấn việc làm, thu thập thông tin, cầu nối giữa doanh nghiệp và người học sau khi tốt nghiệp, cung cấp, cập nhật thông tin việc làm, thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho người học, tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp, hội thảo, tọa đàm từ phía doanh nghiệp cho HSSV chuẩn bị tốt nghiệp nhằm trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp,...để từ đó, người học dễ dàng tiếp cận tìm việc làm được thuận lợi và phù hợp với sở trường năng lực chuyên môn (8.8.01- Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm học 2020- 2021, 2021-2022, 2022-2023; 8.8.02 - Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp năm học 2020, 2021; 2023; 8.8.03 - Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp liên kết đào tạo năm 2019 (Hiệu lực 05 năm).

Thông qua website nhà trường <http://tuyensinh.cdnldb.edu.vn> và các thầy cô chủ nhiệm thì các em HSSV được cung cấp thông tin tuyển dụng được kịp thời. (8.8.04- Báo cáo thực hiện công tác tư vấn việc làm sau khi tốt nghiệp cho HSSV năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022 – 2023)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về thị trường lao động, trợ giúp, tư vấn việc làm. Thông qua kết quả khảo sát của giáo viên và học sinh cho thấy các đối tượng đều hài lòng về các hoạt động này của nhà

trường. (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tỉnh Quảng Ninh tổ chức Ngày hội gắn kết giáo dục nghề nghiệp Quảng Ninh với thị trường lao động do Sở Lao động- Thương binh & Xã hội Quảng Ninh, Trường đã lên kế hoạch tham gia. Từ đó, sinh viên có thêm cơ hội tiếp xúc với các nhà tuyển dụng cũng như nắm bắt được nhu cầu tuyển dụng, ngành nghề tuyển dụng, các chế độ chính sách và yêu cầu có liên quan của nhà tuyển dụng và người có sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân (8.9.01- Các Kế hoạch phối hợp tổ chức hội chợ việc làm; Tham gia sàn giao dịch việc làm với TT Dịch vụ việc làm năm học 2020- 2021, 2021-2022; 8.9.02- Hình ảnh tham gia hội chợ việc làm; ngày hội việc làm tỉnh năm học 2020- 2021, 2021-2022; 8.9.03- Thư mời các đơn vị tham gia Hội chợ việc làm, sàn giao dịch việc làm của TT Dịch vụ việc làm tỉnh năm học 2020- 2021, 2021-2022; 1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.9. TIÊU CHÍ 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9

Mở đầu:

Đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp là mục tiêu mà Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm tới. Đó cũng là nhiệm vụ mà phòng Kiểm định –Khoa học và hợp tác quốc tế thực hiện hàng năm về việc khảo sát lấy ý kiến cán bộ, nhân viên quản lý, giảng viên, học sinh; giám sát và đánh giá chất lượng các hoạt động giáo dục nghề nghiệp để các đơn vị phòng, khoa, trung tâm tự nhận thấy được những mặt mạnh, những tồn tại, từ đó đề xuất kế hoạch hành động bao gồm các giải pháp cụ thể về việc

nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Tùy theo từng thời kỳ có sự thay đổi về nhu cầu nhân lực của xã hội, nhà trường có sự rà soát, chỉnh sửa về mục tiêu, sứ mạng. Các phòng, khoa thực hiện công tác rà soát, chỉnh sửa, xây dựng mới chương trình, giáo trình phù hợp với sự thay đổi về khoa học kỹ thuật của xã hội theo từng giai đoạn.

Để đảm bảo sản phẩm đào tạo đáp ứng được yêu cầu sử dụng lao động của xã hội, Trung tâm tuyển sinh và tư vấn việc làm hàng năm xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tra khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động là học sinh của trường đã tốt nghiệp; ý kiến phản hồi của học sinh đã tốt nghiệp ra trường. Nội dung điều tra khảo sát có liên quan đến chất lượng đào tạo của trường như chương trình đào tạo, việc làm của học sinh sau khi ra trường, sự hài lòng của đơn vị sử dụng lao động là học sinh của trường sau khi tốt nghiệp. Các hoạt động khảo sát tạo ra sự kết nối 3 bên nhà trường – doanh nghiệp – học sinh với mong muốn các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động qua đào tạo của nhà trường góp phần vào sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp như tham gia rà soát, thay đổi nội dung chương trình đào tạo. Cán bộ của doanh nghiệp trực tiếp hướng dẫn học sinh rèn nghề trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp. Đó cũng là một trong những nội dung làm tốt tiêu chí dịch vụ người học giúp cho công tác tuyển sinh được tốt hơn bởi hoạt động đó luôn có sức thu hút người học chọn ngành nghề muốn theo học sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

***Những điểm mạnh**

- Trường thực hiện việc khảo sát hiệu quả công tác điều tra thu thập thông tin đối với cán bộ quản lý, doanh nghiệp, người học tốt nghiệp, sinh viên và nhà giáo về chất lượng đào tạo để điều chỉnh hoạt động đào tạo của Nhà trường.
- Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng trường theo quy định.

***Những tồn tại**

Sự liên kết giữa nhà trường với các doanh nghiệp còn hạn chế.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tăng cường liên kết với các đơn vị sản xuất kinh doanh để giáo viên và học sinh có cơ sở thực tập rèn luyện nâng cao tay nghề.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6
<i>Tiêu chuẩn 9.1</i>	1

<i>Tiêu chuẩn 9.2</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 9.3</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 9.4</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 9.5</i>	1
<i>Tiêu chuẩn 9.6</i>	1

Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng Công tác Sinh viên của Trường đảm nhiệm công tác khảo sát ý kiến phản hồi các đơn vị sử dụng lao động (*1.1.03 - Chức năng nhiệm vụ của các trung tâm kèm theo Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*).

Công tác khảo sát ý kiến các đơn vị sử dụng lao động được thực hiện qua các bước: Lập kế hoạch khảo sát, Phương pháp khảo sát được sử dụng phiếu câu hỏi. Kết quả khảo sát được xử lý dữ liệu, tổng hợp, báo cáo kết quả và đề xuất các khuyến nghị với lãnh đạo trường (*1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023*)

Năm học 2019 – 2020: Số doanh nghiệp được khảo sát là 14

- **Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động bao gồm:**

- *Đánh giá khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:*

Số liệu khảo sát tại 14 doanh nghiệp cho thấy: **66,7%** doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV Nhà trường đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đã “**đáp ứng**” được phần lớn các công việc được giao, **25 %** doanh nghiệp đánh giá “**cơ bản đáp ứng**” nhu cầu của công việc và rất ít (8,3%) doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV nhà trường cần

phải được đào tạo bổ sung để có thể đảm nhiệm được công việc phù hợp với vị trí việc làm tại doanh nghiệp.

- *Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:*

Bảng hỏi gồm 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp. Đánh giá của 14 doanh nghiệp đều ở mức độ “khá” (nằm trong khoảng từ 58,3% đến 83,3%). Nhóm các kỹ năng như; kỹ năng thực hiện công việc được giao, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề được (8,3%-33,3%) các doanh nghiệp đánh giá ở mức độ “tốt”. 100% doanh nghiệp đánh giá kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công việc chỉ ở mức “trung bình”. Không có tiêu chí nào bị các doanh nghiệp đánh giá yếu.

- *Đánh giá về thái độ làm việc của cựu HSSV như: ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân tại các doanh nghiệp được 100% doanh nghiệp đánh giá “tốt”. Thái độ về tiêu chí đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức “khá”.*

- **91,7%** doanh nghiệp “**hài lòng**” đối với cựu HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp, chỉ có 8,3% số doanh nghiệp “không hài lòng” với chất lượng của đội ngũ HSSV tốt nghiệp nhà trường.

- *Đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:*

- **91,7%** các doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đều đánh giá cựu HSSV nhà trường “**đáp ứng tốt**” về mặt kiến thức chuyên ngành. **83,3%** doanh nghiệp đánh giá khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc ở mức “**khá**”.

- *Ý kiến của doanh nghiệp về các kỹ năng cần bổ sung để CTĐT phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, dịch vụ.*

75%-92% số doanh nghiệp cho rằng sau khi tuyển dụng người lao động cần phải bổ sung thêm các kỹ năng về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Chỉ có 16,7% doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV của Nhà trường sau khi vào làm việc tại các doanh nghiệp cần phải bổ trợ thêm kiến thức chuyên môn.

Năm học 2020-2021: Số doanh nghiệp được khảo sát là 19

- **Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động bao gồm:**

- Đánh giá khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

67.5% doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV nhà trường đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đã "**đáp ứng**" được phần lớn các công việc được giao, 24.2% doanh nghiệp đánh giá "**cơ bản đáp ứng**" nhu cầu của công việc và 7.3% doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV nhà trường chưa đảm nhiệm được công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát cho thấy 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp của 19 doanh nghiệp đều ở mức độ "**khá**" (nằm trong khoảng từ 56.3% - 85.5%). Mức độ đánh giá **Tốt** ở các nhóm kỹ năng như: kỹ năng thực hiện công việc được giao, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề nằm trong khoảng từ (8.1%-34.3%). Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công việc của cựu HSSV nhà trường được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức "trung bình". Không có tiêu chí nào bị các doanh nghiệp đánh giá yếu.

100% các doanh nghiệp đánh giá thái độ làm việc của cựu HSSV ở mức "**Tốt**" gồm: ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân. 100% các doanh nghiệp đánh giá tiêu chí đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị của cựu HSSV ở mức "**Khá**"

- Đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Có đến 99.5% các doanh nghiệp được khảo sát trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đều đánh giá cựu HSSV Nhà trường đáp ứng "Tốt" về mặt kiến thức chuyên ngành; đạt mức "Khá" chiếm 79.6% về khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn.

- Ý kiến của doanh nghiệp về các kỹ năng cần bổ sung để CTĐT phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Kết quả khảo sát cho thấy, 78.9% - 89.4% số doanh nghiệp cho rằng sau khi tuyển dụng người lao động cần phải bổ sung thêm các kỹ năng về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. (36.8% - 68.4%) doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV của Nhà trường sau khi làm việc tại các doanh nghiệp cần phải bổ trợ thêm các kỹ năng mềm. Chỉ có 10.5% doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV của Nhà trường sau khi vào làm việc tại các doanh nghiệp cần phải bổ trợ thêm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

94.7% các doanh nghiệp “hài lòng” về mức độ đáp ứng của cựu HSSV Nhà trường đối với công việc đang đảm nhiệm, chỉ có 5.3% trong 19 doanh nghiệp “chưa hài lòng” với cựu HSSV đang làm việc về sự đáp ứng của họ đối với công việc đang đảm nhiệm tại doanh nghiệp.

Năm học 2021-2022: Số doanh nghiệp được khảo sát là 19

- **Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động bao gồm:**

- Đánh giá khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

66.5% doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV nhà trường đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đã "**đáp ứng**" được phần lớn các công việc được giao, **24.2%** doanh nghiệp đánh giá "**cơ bản đáp ứng**" nhu cầu của công việc và **7.3%** doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV nhà trường chưa đảm nhiệm được công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát cho thấy 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp của 19 doanh nghiệp đều ở mức độ "**khá**" (nằm trong khoảng từ 18.3% - 91.3%). Mức độ đánh giá **Tốt** ở các nhóm kỹ năng như: kỹ năng thực hiện công việc được giao, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề nằm trong khoảng từ (7.5%-28.3%). Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công việc của cựu HSSV nhà trường được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức "trung bình". Không có tiêu chí nào bị các doanh nghiệp đánh giá yếu.

100% các doanh nghiệp đánh giá thái độ làm việc của cựu HSSV ở mức "**Tốt**" gồm: ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân. 100% các doanh nghiệp đánh giá tiêu chí đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị của cựu HSSV ở mức "**Khá**"

- Đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Có đến 85.5% các doanh nghiệp được khảo sát trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đều đánh giá cựu HSSV Nhà trường đáp ứng "Tốt" về mặt kiến thức chuyên ngành; đạt mức "Khá" chiếm 67.8% về khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào

thực tiễn. Các kiến thức khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động chỉ ở mức trung bình chiếm 65,3% và không có đánh giá nào xếp loại yếu.

- *Ý kiến của doanh nghiệp về các kỹ năng cần bổ sung để CTĐT phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, dịch vụ.*

Kết quả khảo sát cho thấy, 75% - 92% số doanh nghiệp cho rằng sau khi tuyển dụng người lao động cần phải bổ sung thêm các kỹ năng về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. (58.3% - 66.7%) doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV của Nhà trường sau khi làm việc tại các doanh nghiệp cần phải bổ trợ thêm các kỹ năng mềm. Chỉ có 16.7% doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV của Nhà trường sau khi vào làm việc tại các doanh nghiệp cần phải bổ trợ thêm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

91.7% các doanh nghiệp “hài lòng” về mức độ đáp ứng của cựu HSSV Nhà trường đối với công việc đang đảm nhiệm, chỉ có 8.3% trong 19 doanh nghiệp “chưa hài lòng” với cựu HSSV đang làm việc về sự đáp ứng của họ đối với công việc đang đảm nhiệm tại doanh nghiệp. (9.1.01- *Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng KD&KHHTQT đã tiến hành xây dựng, thực hiện kế hoạch thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhân viên và giáo viên viên chức về các hoạt động liên quan đến dạy và học, bổ nhiệm, bồi dưỡng phân loại nhà giáo. Công tác khảo sát tuân theo các bước: Lập kế hoạch thu thập ý kiến với các nội dung cụ thể về mục đích, yêu cầu, thời gian thực hiện, nội dung khảo sát, phân công nhiệm vụ cụ thể, tiến hành khảo sát và phân tích số liệu khảo sát, viết báo cáo khảo sát (1.1.08 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023; 3.3.01- Danh sách CBQL, nhà giáo, viên chức, người lao động của trường năm 2020; 2021; 2022; 2023; 9.2.01 - Danh sách*

CBQL, nhà giáo, viên chức, người lao động của trường được khảo sát năm 2020; 2021; 2022; 2023).

Kết quả khảo sát cho thấy trong 4 năm 2020, 2021, 2022; 2023: 100% cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động hài lòng về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng Kiểm định - Khoa học và Hợp tác quốc tế đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học trong các năm học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ và các chính sách liên quan đối với người học (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023).

Số lượng người học được khảo sát căn cứ trên danh sách người học trúng tuyển năm học 9.3.01 - Quyết định kèm danh sách mở lớp năm 2020; 2021; 2022; 2023; 9.3.02 - Danh sách HSSV được thu thập ý kiến năm 2020; 2021; 2022; 2023)

Năm học 2020 tỷ lệ người đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm tỷ lệ 79.2%.

Năm học 2021 tỷ lệ người đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm tỷ lệ 98.6%.

Năm học 2022 tỷ lệ người đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm tỷ lệ 94,4%.

Năm học 2023 tỷ lệ người đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm tỷ lệ 96.1%.

Trên cơ sở KH khảo sát, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về các hoạt động của nhà trường, các đơn vị phụ trách thu thập ý kiến về các mảng công việc được phân công. Sau đó thống kê, đánh giá và báo cáo kết quả khảo sát với Hội đồng bảo đảm chất lượng nhà trường làm căn cứ đó đề xuất giải pháp khắc phục những nội dung chưa đạt.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ lao động - thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp sau khi Trường chuyển sang Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (năm 2017).

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá trường. Do đó Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG đã lập kế hoạch TĐG bầu Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng TĐG đã tiến hành các bước xây dựng kế hoạch TĐG (9.4.01 - *Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách năm 2020; 2021; 2022; 2023*; 9.4.02- *Kế hoạch về tự đánh giá chất lượng trường giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 2021; 2022; 2023*)

Phòng Kiểm định và HTQT của Trường đảm nhiệm công tác tổ chức thực hiện Tự đánh giá CLT trình độ trung cấp trong các năm 2020; 2021; 2022; 2023 hướng dẫn các đơn vị trong trường triển khai việc tự đánh giá. Căn cứ kế hoạch TĐG, các nhóm tiến hành công tác tự đánh giá theo tiêu chí được phân công theo qui trình TĐG như sau: thu thập các minh chứng, phân tích minh chứng, các nhóm viết báo cáo tự đánh theo phân công, họp nhóm phân tích đánh giá những điểm mạnh, những điểm tồn tại về chất lượng các hoạt động của trường và đề xuất kế hoạch khắc phục tồn tại để nâng cao chất lượng. Kết thúc thời gian quy định, nhóm gửi báo cáo chi tiết tiêu chí kèm theo các minh chứng cho thư ký hội đồng TĐG tổng hợp. Thư ký hội đồng TĐG xem xét và yêu cầu các nhóm chỉnh sửa, bổ sung thêm các nội dung, các minh chứng sát với nội hàm của từng tiêu chuẩn, tiêu chí. Thư ký hội đồng tiếp tục tổng hợp và viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường năm 2020; 2021; 2022; 2023. Báo cáo TĐG được trình Hội đồng phê duyệt trước khi công bố cho các đơn vị trong trường lấy ý kiến đóng góp. Những đóng góp của các đơn vị trong trường được xem xét và bổ sung, điều chỉnh trong Báo cáo TĐG lần cuối (9.4.03- *Biên bản họp của Hội đồng tự đánh giá năm 2020; 2021; 2022*; 9.4.04 – *Quyết định về việc công nhận kết quả tự đánh giá chất lượng trường năm 2020; 2021; 2022*; 9.4.05- *Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường năm 2020; 2021; 2022 trước khi nộp cho cơ quan cấp trên (Sở LĐTB&XH tỉnh Quảng Ninh và Tổng cục GDNN)*; 9.4.06- <https://afcdongbac.edu.vn/ket-qua-tu-danh-gia-chat-luong-nam-2022/>; 1.1.09 - *Các Quyết định của Bộ LĐTBXH về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025*; 9.4.07 - *Các kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình*

đào tạo các năm từ 2020 đến 2022; 9.4.08 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình trọng điểm các năm 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thông qua các báo cáo tự đánh giá trong những năm gần đây (9.4.04- Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường năm 2022) kết hợp các báo cáo khảo sát của các bên liên quan (1.1.08- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023) cho thấy Nhà trường có kế hoạch cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng trường hàng năm. (9.5.01- Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023; 9.5.02- Báo cáo thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2020, 2021, 2022, 2023)

Cụ thể: Trong Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường các năm nêu ra các tồn tại:

- Hoạt động điều chỉnh, bổ sung CTĐT có thực hiện nhưng việc lưu giữ văn bản minh chứng chưa khoa học;
- Tương tác giữa nhà trường và nhà tuyển dụng còn hạn chế;
- Còn một số nhà giáo giảng dạy chuyên môn của nghề chưa đáp ứng qui định về kỹ năng nghề theo qui định;
- Trước năm 2019 công tác lựa chọn giáo trình chưa chú trọng đến cập nhật kiến thức mới.
- Một số phòng thực hành thí nghiệm cơ sở vật, máy móc chưa đồng bộ.

Trong Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường hàng năm đã đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại đã nêu. Kết quả khắc phục đã được thể hiện trong các báo cáo kết quả cuối năm của Trường

- Hồ sơ lưu trữ thông tin về các hoạt động của Trường đã được hệ thống theo yêu cầu của công tác tự đánh giá chất lượng của nhà trường.

- Trường đã triển khai khảo sát ý kiến của doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo

- Trường đã phối hợp với nhiều doanh nghiệp đơn vị sử dụng lao động tham gia góp ý kiến (xây dựng để nâng cao chất lượng đào tạo thông qua cung cấp kỹ năng mà HSSV cần được bổ sung để phù hợp với yêu cầu của cơ sở sản xuất);

- Từ 2017 đến cuối năm 2018 căn cứ vào điều kiện thực tế và hướng dẫn của tổng cục dạy nghề Nhà trường đã có kế hoạch điều chỉnh lại chương trình đào tạo các nghề. Cuối năm 2018 Nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát chỉnh sửa, điều chỉnh lại chương trình đào tạo và lựa chọn giáo trình cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Trường cũng đã có kế hoạch rà soát điều chỉnh lại chương trình đào tạo các nghề

- Trường đã xây dựng quy trình, nội dung để biên soạn và lựa chọn giáo trình, và trên cơ sở đi học tập kinh nghiệm thực tế của giáo viên tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có sử dụng lao động là học sinh, sinh viên của trường. Trong đó đề cập đến vấn đề cập nhật tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới. Từ đó điều chỉnh chương trình khung và đề cương chi tiết cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp.

- Giáo trình được cập nhật các trang thiết bị hiện đại, cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức và kỹ năng của từng môn học/mô đun. Giáo trình thể hiện các nội dung phù hợp với phương pháp dạy học tích cực

- Trường chú trọng đầu tư CSVC với trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học.

Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỉ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã thực hiện khảo sát điều tra tình hình việc làm của người học, trong đó có tiêu chí về việc “người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo”. Trong 3 năm gần đây, Trường đã khảo sát tìm vớt 100% HSSV tốt nghiệp để xác định tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo trong vòng 6 tháng, trong vòng 6 – 12 tháng. Mẫu khảo sát căn cứ vào số lượng HSSV tốt nghiệp (1.1.08 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2020, 2021, 2022; Kế hoạch khảo sát CB, giảng viên, HSSV, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm 2023; 9.6.01 - Các quyết định và

danh sách người học tốt nghiệp năm 2020; 2021; 2022; 2023; 9.6.02-Danh sách người học tốt nghiệp được khảo sát năm 2020; 2021; 2022).

Phân tích kết quả khảo sát:

Năm 2020: Tỷ lệ người tốt nghiệp trong vòng trong vòng 6 – 12 tháng tỷ lệ đó đạt 95,78%.

Năm 2021: Tỷ lệ người tốt nghiệp trong vòng trong vòng 6 – 12 tháng tỷ lệ đó đạt 83,78%.

Năm 2022: Tỷ lệ người tốt nghiệp trong vòng trong vòng 6 – 12 tháng tỷ lệ đó đạt 84.2%.

Đây là sự ghi nhận của đơn vị sử dụng lao động đối với chất lượng đào tạo của nhà trường trong những năm qua. Đây là việc làm thường niên của nhà trường có ý nghĩa thiết thực và cần được duy trì để nhà trường có những thay đổi và định hướng phù hợp hơn nữa trong quá trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG

Để đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi về nhân lực của xã hội đối với lực lượng lao động qua đào tạo, trong các năm tiếp theo căn cứ vào Chiến lược phát triển, nhà trường sẽ xây dựng các Nghị quyết lãnh đạo điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tế hiện nay để từng bước đạt được mục tiêu đã đề ra.

1- Tổ chức và quản lý

Nhà trường đã xây dựng chiến lược Phát triển Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đến năm 2030. Tiếp tục ổn định công tác tổ chức; tăng cường chỉ đạo thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chuyên môn, công tác giảng dạy của giảng viên. Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và bố trí nhân sự cho đầy đủ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được phân công. Nhà trường tăng cường công tác đào tạo, liên kết đào tạo để tạo nguồn kinh phí ổn định, tiến đến lộ trình tự chủ theo quy định.

2- Công tác tuyển sinh, giảng dạy, đào tạo

Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp tại các trường THPT, các trường THCS, mở rộng địa bàn tuyển sinh, tiếp tục đa dạng hóa ngành nghề và hình thức đào tạo, Tăng số lượng doanh nghiệp liên kết với trường, hợp tác cùng nhau tuyển sinh theo địa chỉ để tạo nguồn học sinh cho nhà trường và nhân lực cho doanh nghiệp qua đào tạo đồng thời giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp cho người học.

Xây dựng kế hoạch tổ chức thu thập ý kiến đánh giá định kỳ hai lần trong năm vào giữa năm và cuối năm về việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng số lượng bài giảng tích hợp, tăng thời gian thực hành, luyện tập kỹ năng và giảm bớt thời gian giảng dạy lý thuyết.

Áp dụng công nghệ thông tin một cách triệt để trong công tác xây dựng, quản lý kế hoạch đào tạo, kiểm soát tiến độ giảng dạy của giáo viên, quản lý cơ sở dữ liệu của đào tạo.

Tiếp tục tổ chức xây dựng các chương trình đào tạo liên thông cho các nghề ở các cấp trình độ khác nhau và mở rộng đào tạo tới mọi đối tượng có nhu cầu.

Nhà trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị đa phương tiện, đồ dùng dạy học cho các phòng học tạo điều kiện tốt cho hoạt động dạy và học. Phần đầu 100% giáo viên sử dụng thành thạo thiết bị đa phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, công ty, các đơn vị để phối hợp đào tạo gắn với doanh nghiệp, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng tay nghề cho người học và giúp cho giáo viên cập nhật những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới với mục đích đáp ứng được yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp về chất lượng lao động qua đào tạo của nhà trường.

3- Giáo viên và cán bộ quản lý

Chủ động đẩy mạnh việc liên kết với các đơn vị, nhất là các đơn vị thuộc lĩnh vực lâm nghiệp, nông nghiệp là thế mạnh của trường như các vườn Quốc gia, các khu bảo tồn, các ban quản lý rừng phòng hộ, các công ty chăn nuôi, trồng rau sạch... để nghiên cứu chuyển giao công nghệ hoặc tiếp nhận công nghệ mới tùy theo tình hình thực tế đầu tư của các doanh nghiệp, nâng cao kỹ năng tay nghề về chuyên môn cho giáo viên, đặc biệt là hợp tác liên kết đào tạo và việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp ra trường.

Trường tập trung xây dựng kế hoạch đưa CBVC đi bồi dưỡng về kỹ năng tay nghề, nâng cao trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, đảm bảo đủ chuẩn chức danh nghề nghiệp, chức vụ khi bổ nhiệm. Thực hiện nhiều hơn các chính sách nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ, tự trau dồi, bồi dưỡng kiến thức; khuyến khích giảng viên học ngoại ngữ nhằm gia tăng cơ hội học tập nâng cao trình độ; tăng cường công tác dự giờ nhằm đánh giá đúng chất lượng giảng dạy.

4. Chương trình, giáo trình

Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung chương trình dạy nghề theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn của thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ LĐTBXH quy định về quy trình xây dựng và ban hành chương trình tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, với định hướng điều chỉnh gắn đào tạo với thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐTBXH, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và thể hiện rõ mục tiêu đào tạo của trường.

Định kỳ thực hiện rà soát, hoàn thiện các chương trình đào tạo, bảo đảm tính liên thông hợp lý hơn giữa các trình độ. Chú trọng việc mời các chuyên gia từ bên ngoài là cán bộ kỹ thuật giỏi của các doanh nghiệp, của các đơn vị sử dụng nhân lực nhà trường đào tạo tham gia bằng văn bản góp ý nội dung cần thêm, bớt để xây dựng, biên soạn, chỉnh sửa chương trình đào tạo.

Tổ chức phổ biến rộng rãi cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, người lao động trong nhà trường được biết, tiếp nhận những ý kiến phản hồi. Thông qua sự hiểu biết về nội dung chương trình đào tạo để cán bộ, nhân viên, người lao động làm việc với tinh thần góp sức cùng với giáo viên để hoàn thành nhiệm vụ đào tạo giáo dục nghề nghiệp cho người học một cách tốt nhất

5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và Thư viện

Tiếp tục hoàn chỉnh và xây dựng một số văn bản quy định phân cấp quản lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhằm đảm bảo hoạt động đúng chức năng, công suất.

Trong những năm tới, nhà trường tiếp tục đầu tư mua sắm bổ sung dụng cụ, máy móc thiết bị đủ về số lượng, hiện đại, phù hợp với sự phát triển chung của xã hội hiện tại cho các ngành nghề đào tạo của nhà trường đáp ứng tiêu chuẩn Quốc gia với một số nghề trọng điểm. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị hiện có.

Tiếp tục đầu tư mua sắm, biên soạn thêm đầu sách. Mua sắm thêm máy vi tính, lắp đặt hệ thống mạng internet để người học tìm kiếm thông tin, tài liệu học tập, nghiên cứu trên mạng. Khuyến khích giáo viên gửi các bài giảng, giáo trình, tài liệu sách tham khảo...lên website của trường để học sinh, sinh viên tìm đọc, tải về;

Nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử cho thư viện;

Có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho cộng tác viên thư viện.

Tăng hiệu suất sử dụng dụng cụ, máy móc thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm thông qua phương pháp giảng dạy tích hợp trang bị cho người học kiến thức liên quan kết hợp rèn luyện kỹ năng tay nghề làm ra sản phẩm

Rà soát, chỉnh sửa các bản quy định nội quy sử dụng máy móc thiết bị phục vụ đào tạo tại các phòng thực hành, thí nghiệm, vườn ươm, vườn rừng, rừng thực hành, thực nghiệm NCKH. Yêu cầu các khoa, các phòng ban thông qua công tác kiểm kê tài sản, phân tích, đánh giá hư hỏng, quá trình sử dụng để làm tốt công tác bảo trì bảo dưỡng, nâng cấp, mua sắm mới đảm bảo cơ sở vật chất về máy móc thiết bị hiện đại hơn để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

- Nhà trường tiếp tục cải tiến chính sách khuyến khích CBGV, SV tham gia NCKH và ứng dụng kết quả NCKH, SKKN vào thực tiễn công tác, giảng dạy, học tập.

Tập trung đăng ký thực hiện đề tài có tính ứng dụng cao, nhất là nghiên cứu nâng cao chất lượng đào tạo các nghề trọng điểm.

- Nâng cao chất lượng các hình thức sinh hoạt chuyên đề, thông tin khoa học tại đơn vị khoa. - Tạo điều kiện, khuyến khích CB-GV tham gia các hội thảo khoa học do các trường đại học, học viện tổ chức, từ đó tăng số lượng, chất lượng các bài báo khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu khoa học.

- Tăng cường đầu tư thực hiện loại hình đề tài NCKH ứng dụng phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học, rèn luyện kỹ năng cho người học; chú trọng loại hình nghiên cứu sáng tạo, tự làm đồ dùng, thiết bị dạy học mới phù hợp thực tiễn nghề nghiệp từng chuyên ngành.

- Tiếp tục thực hiện mô hình liên kết với các Trung tâm, Liên hiệp hội KH-Kỹ thuật, Sở KH-CN địa phương giúp CBGV có điều kiện tiếp cận sâu hơn những chương trình KHCN trọng điểm để định hướng nội dung nghiên cứu và địa chỉ áp dụng.

- Tổ chức các chuyến đi thực tế trường bạn nhằm trao đổi kinh nghiệm về nghiên cứu ứng dụng, đồng thời kết nối đối tác có nhiều tiềm năng để hợp tác NCKH, chuyển giao công nghệ.

- Nâng cấp và khai thác có hiệu quả website của trường, nâng cao hiệu quả truyền thông, quảng bá công tác, NCKH, QHQT.

- Trường cần có lộ trình đầu tư cho bộ phận QHQT từ cơ chế hoạt động, nhân lực, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo, NCKH và các tổ chức quốc tế.

7. Quản lý tài chính

Trong những năm tới, Thông qua hội nghị CNVC nghiên cứu nhu cầu chi tiêu, dự báo những biến động của giá cả thị trường để nâng cao sự chủ động trong công tác lập kế hoạch tài chính, điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ và điều hành dự toán chi phù hợp với thực tế hơn. Năm 2023, tiến hành nghiệp vụ tính toán xác định định mức chi tối thiểu cho một người học hàng năm.

8. Các dịch vụ cho người học nghề

Phòng Công tác sinh viên tiếp tục cải tiến các hình thức cung cấp thông tin để đảm bảo tất cả HSSV đều nắm vững các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường.

- Duy trì tổ chức gặp gỡ, giao lưu với các doanh nghiệp và họp mặt cựu HS-SV để Nhà trường bổ sung, cải tiến chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường nhân lực đồng thời nắm bắt được tình hình HS-SV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch liên hệ thường xuyên với doanh nghiệp, cựu HSSV nhà trường để nắm được thông tin về người học sau khi tốt nghiệp và việc làm thu nhập ban đầu.

- Hàng năm, trường định kỳ khảo sát tỷ lệ HS-SV sau khi tốt nghiệp có việc làm và việc làm phù hợp chuyên ngành được đào tạo; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác thông tin phản hồi của các cơ quan, nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của trường, đánh giá năng lực của người tốt nghiệp và phản hồi của người học về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp. Từ đó, nhà trường có sự điều chỉnh nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra đã cam kết.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề các tạo thuận lợi cho công tác kiểm định từ năm này sang năm khác, giảm bớt thời gian, công sức tiền của cho công tác kiểm định, đồng thời giúp cho các đơn vị trong nhà trường dễ dàng khắc phục những mặt còn tồn tại, trong một khoảng thời gian nào đó thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của nhà trường nên ít thay đổi; chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị cũng ít thay đổi.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

